



SỨC MẠNH TRI THỨC - THE POWER OF KNOWLEDGE

# ĐẦU TƯ cho TƯƠNG LAI INVEST on TOMORROW

Tập đoàn Văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam  
The Number 1 Stationery Group in Viet Nam



THIÊN LONG  
SỨC MẠNH TRI THỨC

## TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo,  
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84.8.37505555 - Fax: +84.8.37505577  
Email: info@thienlonggroup.com  
Website: www.thienlonggroup.com

## THIEN LONG GROUP

Lot 6-8-10-12, Road No.3, Tan Tao Industrial Park,  
Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.  
Tel: +84 8 37505555, Fax: +84 8 37505577  
Email: info@thienlonggroup.com  
www.thienlonggroup.com



BIZNER



TẬP ĐOÀN THIÊN LONG - THIEN LONG GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - ANNUAL REPORT 2013



TẬP ĐOÀN  
VĂN PHÒNG PHẨM  
**SỐ 1 VIỆT NAM**

## NỘI DUNG

<b>THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT</b>	<b>01</b>
<b>I. GIỚI THIỆU CÔNG TY</b>	<b>03</b>
1. Thông tin chung	03
2. Lịch sử hình thành và phát triển	05
3. Những sản phẩm tiêu biểu	06
4. Các công ty thành viên	07
5. Những giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu	09
6. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng	13
7. Hoạt động cộng đồng	14
<b>II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>15</b>
1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	16
2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	17
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị	18
<b>III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>21</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động và tình hình tài chính năm 2013	22
2. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	29
3. Kế hoạch phát triển	36
<b>IV. BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC</b>	<b>37</b>
1. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý	38
2. Nguồn nhân lực và chính sách nhân sự	46
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>49</b>
1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị	50
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát	52
3. Báo cáo quản trị rủi ro	54
4. Thông tin cổ phần	56
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013</b>	<b>59</b>



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Hội đồng Quản trị và cá nhân tôi luôn cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững, lâu dài của Thiên Long”.

### Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Thiên Long, tôi xin gửi đến toàn thể cán bộ công nhân viên, quý khách hàng, các đối tác trong, ngoài nước và các cổ đông lời chúc sức khỏe, lòng biết ơn vì sự tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ chân thành của Quý vị đã dành cho Thiên Long trong suốt những năm qua.

Với nền tảng vững chắc được tạo lập trong suốt hơn 30 năm hình thành, phát triển và sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Tập đoàn Thiên Long đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất, kinh doanh năm 2013. Ngoài thành quả ấn tượng này, Tập đoàn tiếp tục giữ vững vị thế số 1 trên thị trường Văn phòng phẩm trong nước, được người tiêu dùng bình chọn là “Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao” trong 18 năm liền, được vinh danh trong top 10 Sao Vàng Đất Việt năm 2013, nằm trong top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam và được Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển bình chọn là “Thương hiệu tin cậy – Trust-pro Brand 2013”.

Bên cạnh những thành tích đạt được nêu trên, Tập đoàn Thiên Long luôn thể hiện ý thức trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng thông qua những hoạt động tri thức thiết thực, mang tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

Trong bối cảnh năm 2013 còn nhiều khó khăn, Thiên Long luôn thực hiện đúng định hướng chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 thông qua, bám sát các mục tiêu đề ra và luôn nỗ lực hết mình để đạt được kết quả tốt nhất. Đây cũng là nguyên nhân chính giúp Thiên Long đứng vững và tiếp tục phát triển thành công trong năm 2013.

### Kính thưa Quý Cổ đông,

Hội đồng Quản trị và cá nhân tôi luôn cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững, lâu dài của Thiên Long. Chúng tôi mong nhận được sự đồng thuận và hỗ trợ nhiệt thành của Quý Cổ đông để chúng ta có thể vững bước trên con đường thực hiện mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, nâng thương hiệu Thiên Long lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý Cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào Quý vị,

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Cô Gia Thọ



# I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1

## THÔNG TIN CHUNG

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long

**Tên giao dịch:** Tập Đoàn Thiên Long

**Mã chứng khoán:** TLG

**Logo:**  THIÊN LONG  
SỨC MẠNH TRÍ THỨC

**Vốn điều lệ:** 232.979.150.000 VNĐ

**Trụ sở chính:** Lô 6-8-10-12 Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

**Điện thoại:** (84-8) 3750 5555

**Fax:** (84-8) 3750 5577

**Email:** info@thienlonggroup.com

**Website:** www.thienlonggroup.com

**Giấy chứng nhận ĐKKD:** Số 4103003187, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 11 năm 2013.

### Lĩnh vực hoạt động

Thiên Long được đánh giá là thương hiệu số 1 văn phòng phẩm tại Việt Nam. Các sản phẩm của Thiên Long bao gồm: Bút Viết, Dụng Cụ Văn Phòng, Dụng Cụ Học Sinh, Dụng Cụ Mỹ Thuật, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng từ bậc mầm non, tiểu học, trung học, đại học... đến nhân viên, cấp điều hành.

### Hệ thống phân phối

Tại Việt Nam, mạng lưới nhà phân phối Thiên Long phủ khắp 63/63 tỉnh thành trên cả nước với trên 135 nhà phân phối, gần 46.000 điểm bán hàng và 2 tổng kho tại Miền Nam và Miền Bắc. Về thị trường xuất khẩu, sản phẩm Thiên Long đã có mặt tại hơn 40 nước ở khắp 5 châu lục trên thế giới.



### Sứ mệnh

Cung cấp văn phòng phẩm, bút viết phục vụ cho việc học và chinh phục đỉnh cao tri thức.

### Giá trị cốt lõi

Tiên phong trong công nghệ và sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đột phá phục vụ người tiêu dùng, cùng nhau xây dựng cộng đồng Thiên Long phát triển vững mạnh, mang tính nhân đạo, nhân văn.



## 2 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2012  
2013

Tăng vốn điều lệ từ 176.500.000.000 VNĐ lên 211.799.700.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2011, lên 232.979.150.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012.

2008  
2011

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long. Mã cổ phiếu TLG được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM vào năm 2010. Trong thời gian này công ty cũng gia tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VNĐ lên 176.500.000.000 VNĐ.

2005  
2007

Công ty TNHH SXTM Thiên Long chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SXTM Thiên Long với vốn điều lệ 100.000.000.000 VNĐ vào năm 2005, tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ vào năm 2006.

1996  
2004

Công ty TNHH SXTM Thiên Long ra đời vào năm 1996, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới về nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực sản xuất, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm.

1981  
1995

Cơ sở Bút bi Thiên Long được thành lập, dần dần đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư trang thiết bị và mở rộng thị trường bút viết trong cả nước.

## 3 NHỮNG SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

### Bút Viết (nhãn hàng TL)

Cùng với những sản phẩm bút bi truyền thống với chất lượng đã làm nên tên tuổi của Thiên Long từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn liên tiếp cải tiến và phát triển các dòng sản phẩm bút viết. Nhóm bút viết của Thiên Long đa dạng về mẫu mã và chủng loại, với các dòng sản phẩm như bút bi, bút gel, bút lông bi, bút lông kim,... với các nguyên liệu chính được nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ, đảm bảo chất lượng ổn định và tốt nhất cho người tiêu dùng.



### Bút Viết Cao Cấp (nhãn hàng Bizner)

Nằm trong chiến lược chinh phục đối tượng khách hàng là giới doanh nhân và người có thu nhập cao, sản phẩm bút viết cao cấp Bizner ra đời với thiết kế độc đáo, sang trọng và tinh xảo đến từng chi tiết. Tuy là nhãn hàng mới nhưng Bizner đã thu hút được sự chú ý và đem lại sự hài lòng cho người sử dụng.



### Dụng Cụ Văn Phòng (FlexOffice)

Các sản phẩm cần thiết cho giới văn phòng như bìa, file, bút lông bảng, bút lông dầu, dao rọc giấy, bấm kim, giấy văn phòng, mực in... nhãn hàng FlexOffice ngày càng được người sử dụng tin dùng. Đây là dòng sản phẩm được Thiên Long tập trung đầu tư nhiều nhất trong những năm gần đây, nhằm đem đến nhiều chủng loại đa dạng với chất lượng và sự tiện dụng cao nhất.



### Dụng Cụ Mỹ Thuật (Colokit)

Với mục tiêu "Nuôi dưỡng niềm say mê học tập", các sản phẩm mỹ thuật của Thiên Long có màu sắc đa dạng, tiện dụng giúp các bạn nhỏ thỏa sức sáng tạo và phát triển tư duy. Dụng Cụ Mỹ Thuật bao gồm sáp nặn, sáp màu, chì màu, màu nước,... không độc hại cho người sử dụng và thân thiện với môi trường, Colokit sẽ được Thiên Long đẩy mạnh quảng bá trong thời gian tới.

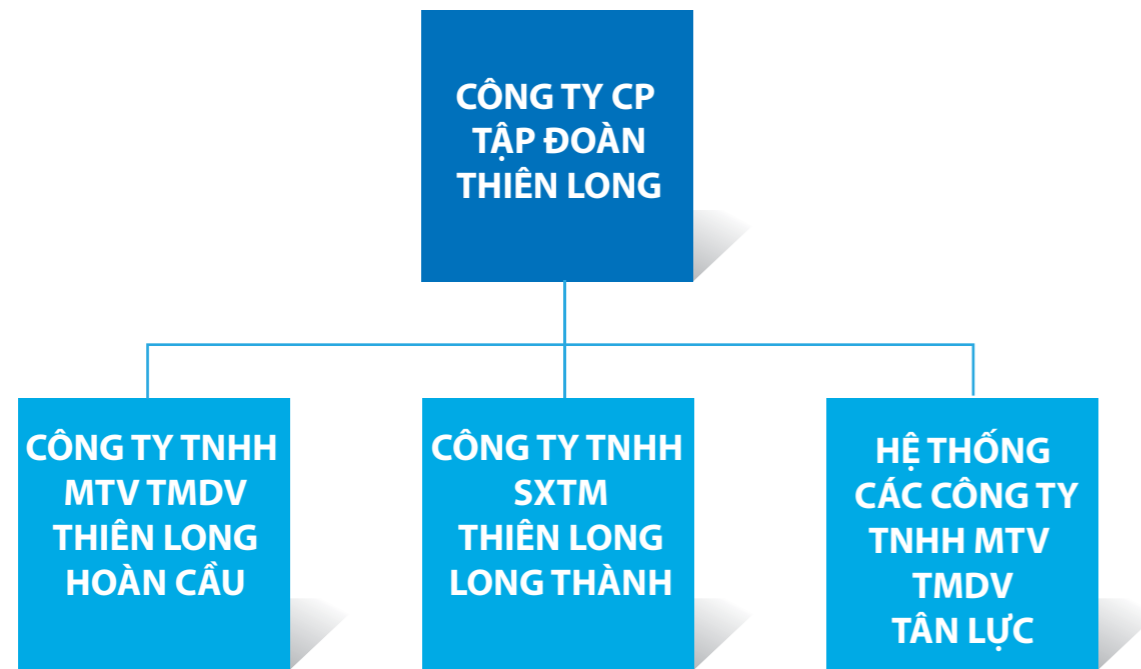


### Dụng Cụ Học Sinh (Điểm 10)

Bao gồm các nhóm sản phẩm như bảng học sinh, phấn, thước kẻ, chuột bút chì, gôm, hồ dán, compa, kéo, tập ... Thiên Long cung cấp tất cả các sản phẩm cần thiết phục vụ cho việc học tập của các em học sinh, với mục đích giúp các em "Tiếp cận tri thức" một cách nhanh nhất và tiện lợi nhất.



# 4 CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN



## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Danh sách các công ty con<sup>(\*)</sup>

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	% Tập Đoàn Thiên Long sở hữu
01	Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành	Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm	Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	80 tỷ	100%
02	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm	Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM	20 tỷ	100%
03	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Kinh doanh văn phòng phẩm	Số 19-21 Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. HCM	20 tỷ	100%
04	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Kinh doanh văn phòng phẩm	Số 78, Đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	10 tỷ	100%

(\*) Tập đoàn không có công ty liên kết



### Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu có vốn điều lệ 20 tỷ, với sở hữu 100% vốn của công ty mẹ. Thiên Long Hoàn Cầu là con chim đầu đàn trong việc thực hiện chiến lược chuyên môn hóa thương mại của Tập đoàn tại thị trường nội địa với 4 nhóm hàng TL, Bizner, Điểm 10 và Colokit.

Trước tình hình kinh tế trong nước đầy khó khăn, sức mua của người tiêu dùng nhìn chung giảm sút, doanh thu thuần của Thiên Long Hoàn Cầu năm 2013 vẫn đạt hơn 1.140 tỷ đồng, tăng trưởng 9,5% so với năm 2012.

Với chức năng quản lý hệ thống các nhà phân phối, các chuỗi siêu thị, cửa hàng, vai trò của Thiên Long Hoàn Cầu không chỉ dừng lại ở việc đóng góp doanh thu quan trọng cho Tập đoàn. Một trong những dấu ấn quan trọng của năm qua là Thiên Long Hoàn Cầu đã bám sát thị trường, đón đầu xu hướng tiêu dùng, tích cực hỗ trợ Tập đoàn trong chiến lược đầu tư phát triển sản phẩm mới, tiếp tục kiện toàn và mở rộng hệ thống phân phối và điểm bán, nhằm làm nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn của Tập đoàn.

### Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành

Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành có trụ sở tại Khu Công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai, có vốn điều lệ 80 tỷ với sở hữu 100% vốn của công ty mẹ. Nhà máy chuyên sản xuất các loại văn phòng phẩm và một số chủng loại bút viết phục vụ xuất khẩu.

Với mục tiêu tăng tỷ trọng văn phòng phẩm trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn, Thiên Long Long Thành ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn. Năm 2013, doanh thu thuần của Thiên Long Long Thành đạt 363 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2012.

Với thuận lợi về cơ sở mặt bằng và nhiều ưu thế khác, Thiên Long Long Thành sẽ là mũi nhọn trong việc nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn một cách hiệu quả trong dài hạn.



### Hệ thống các Công ty Tân Lực

Hệ thống các công ty Tân Lực bao gồm hai công ty Tân Lực Miền Bắc và Tân Lực Miền Nam có tổng vốn điều lệ 30 tỷ đồng, thuộc 100% tỷ lệ sở hữu vốn từ công ty mẹ. Hệ thống công ty Tân Lực chuyên tập trung vào mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B), bán hàng qua mạng nhãn hàng FlexOffice và bán sản phẩm quảng cáo.

Trong năm 2013, doanh thu thuần của hệ thống Tân Lực đạt 209 tỷ đồng, tăng hơn gấp 2,5 lần so với doanh thu thuần thực hiện năm 2012. Nhằm mục đích đón đầu xu hướng tiêu dùng mới, từng bước bao phủ các kênh tiêu thụ, tạo thế đứng vững chắc cho Tập Đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước, hệ thống Tân Lực sẽ tiếp tục là nguồn lực mới giúp Tập đoàn giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu cao trong những năm sắp đến.



# 5 NHỮNG GIẢI THƯỞNG, CHỨNG NHẬN TIÊU BIỂU

“Top 10 Sao Vàng Đất Việt năm 2013”

“Thương Hiệu Nổi Tiếng Asian năm 2013”

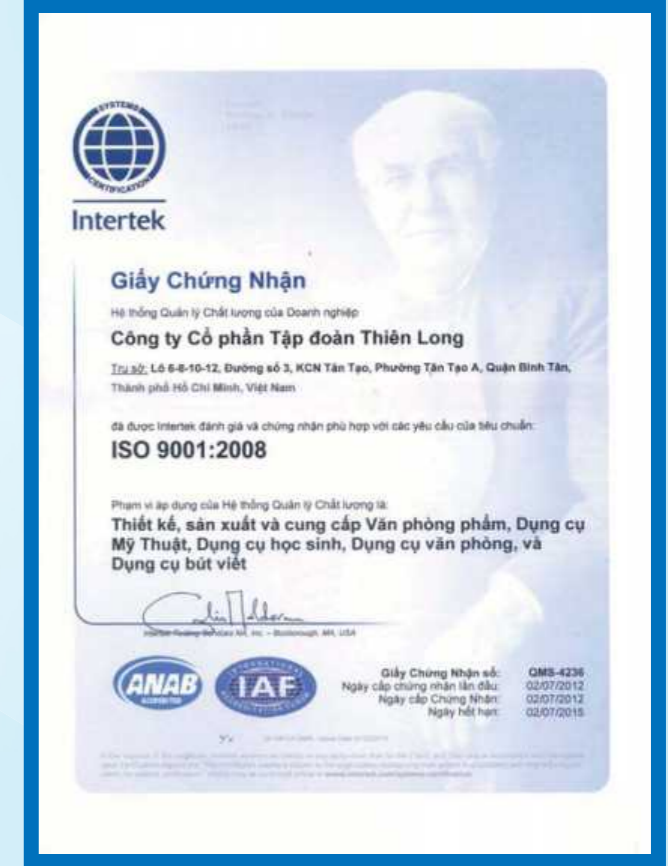
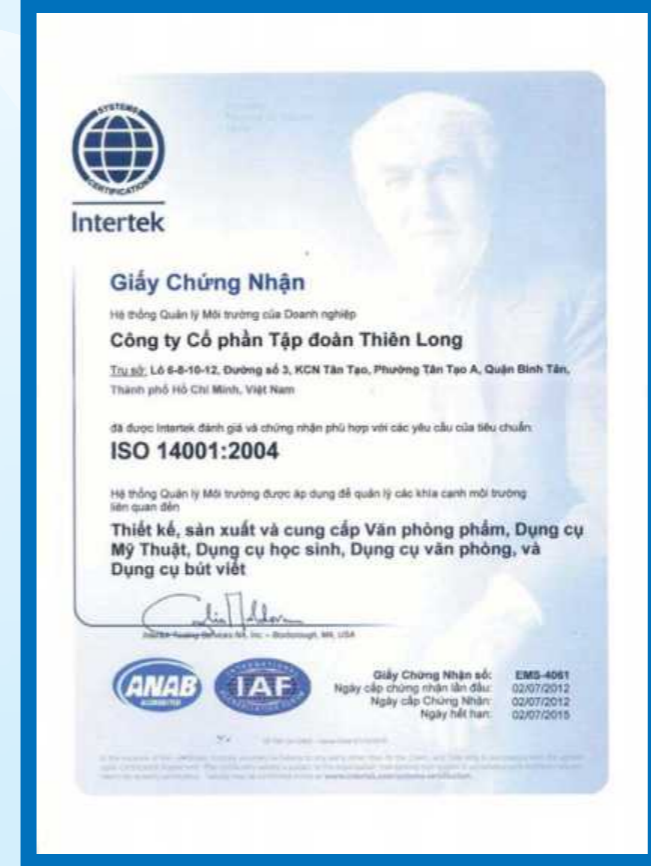
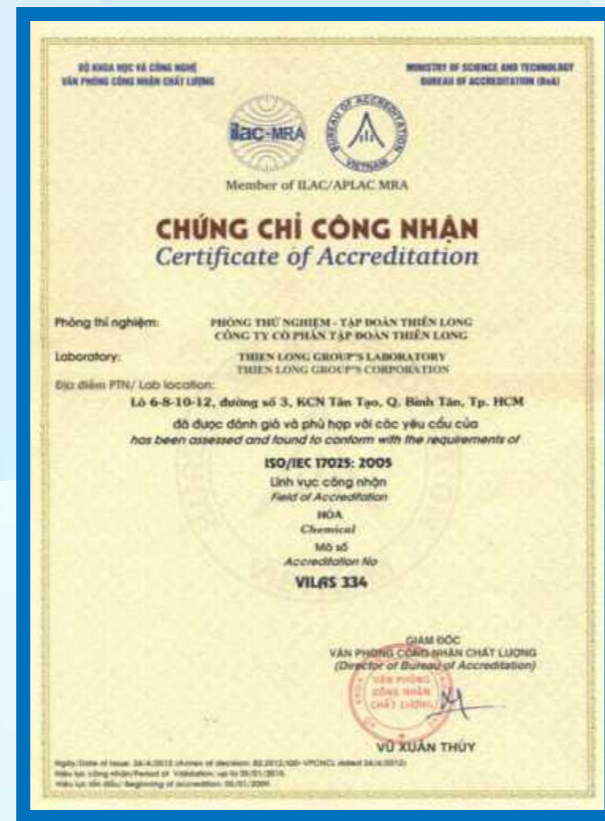
“Tín nhiệm Vàng Chất lượng năm 2013”



Với vị trí dẫn đầu ngành Văn Phòng Phẩm, Tập đoàn Thiên Long liên tục được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 1997 đến nay. Đặc biệt trong năm 2013, Thiên Long còn nhận được rất nhiều giải thưởng, chứng chỉ uy tín khác như: chứng chỉ “Tín nhiệm Vàng Chất lượng - Gold Trust for Quality 2013”; “Nhà cung cấp chất lượng - Trusted Quality Supplier 2013”; vinh dự là 1 trong 17 Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao được nhận bằng khen của Bộ Khoa Học và Công Nghệ về đổi mới sáng tạo; được Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển bình chọn là “Thương hiệu tin cậy - Trustpro Brand 2013” và nằm trong danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” được Bộ Công Thương phê duyệt. Đây là những minh chứng khẳng định năng lực cung cấp sản phẩm chất lượng của Thiên Long trước các đối tác, khách hàng và người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Cũng trong năm 2013, Tập đoàn Thiên Long được xếp vào top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do báo Nhịp cầu Đầu tư tổ chức; được bình chọn là “Thương Hiệu Nổi Tiếng Asian” năm 2013; được Tạp chí Forbes bình chọn trong top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam và giải thưởng cá nhân “50 Nhà Lãnh đạo Doanh nghiệp – Mark of respect 2013” do Báo Nhịp Cầu Đầu Tư tổ chức thực hiện. Ngoài ra, Tập đoàn Thiên Long còn nhận được nhiều giải thưởng về trách nhiệm xã hội, tiêu biểu như giải thưởng “Khi Tổ Quốc Cần” cho chương trình “Tiếp Sức Mùa Thi”; giải thưởng “Doanh Nghiệp Xanh”; giải thưởng “Top 10 Sao Vàng Đất Việt”; “Top 10 trách nhiệm xã hội 2013”...







# 6

## MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Với thông điệp “Sức Mạnh Tri Thức”, các hoạt động xã hội và cộng đồng của Tập đoàn Thiên Long luôn gắn liền với hoạt động giáo dục và đào tạo.

Để đảm bảo người tiêu dùng tại Việt Nam cũng như trên thế giới luôn có sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn cho sức khỏe, hệ thống sản xuất của Thiên Long đang được vận hành theo 5 tiêu chí quản lý quốc tế gồm: chất lượng; môi trường; sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; trách nhiệm xã hội và kiểm soát phòng thí nghiệm.

Khi đưa ra một sản phẩm mới, Tập đoàn Thiên Long luôn chú trọng đến yếu tố an toàn sức khỏe cho người sử dụng. Sự có mặt của sản phẩm Thiên Long tại hơn 40 nước của 5 châu lục là một minh chứng rất rõ về tính an toàn của sản phẩm và đó chính là một trong những lợi thế cạnh tranh của thương hiệu Thiên Long.

Với thông điệp “Sức Mạnh Tri Thức”, các hoạt động xã hội và cộng đồng của Tập đoàn Thiên Long luôn gắn liền với hoạt động giáo dục và đào tạo. Không những tạo ra những sản phẩm giá trị là công cụ giúp cho mọi người học hỏi tri thức, Thiên Long còn tạo ra môi trường tri thức, giúp con người có nhiều cơ hội khám phá tri thức dễ dàng hơn.

# 7

## HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



### Chương trình Tiếp Sức Mùa Thi

Trong những năm qua, triết lý kinh doanh của Thiên Long luôn gắn liền với khẩu hiệu “Sức mạnh Tri thức”. Ngoài việc đóng góp nghĩa vụ doanh nghiệp về tài chính cho Nhà nước, Tập đoàn Thiên Long còn tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục và cộng đồng xã hội. Đặc biệt năm 2013 là năm thứ 12 Thiên Long đồng hành cùng chương trình Tiếp Sức Mùa Thi, góp phần hỗ trợ cho hàng chục nghìn lượt thí sinh và phụ huynh trong kỳ thi Đại học – Cao đẳng.



### Chương trình Tư Vấn Mùa Thi

Kết hợp với Báo Thanh Niên nhiều năm nay, Thiên Long tiến hành thực hiện chương trình Tư Vấn Mùa Thi nhằm tư vấn hướng nghiệp cho các em học sinh chọn trường, chọn nghề phù hợp cho tương lai. Chương trình thực hiện các buổi tư vấn trực tiếp tại các trường học và thông qua hình thức cảm nang và đĩa CD tư vấn, thông tin tư vấn được gửi đến thí sinh và phụ huynh trên cả nước. Cùng với chương trình Tiếp Sức Mùa Thi, Tư Vấn Mùa Thi đã trở thành người bạn đồng hành với học sinh sinh viên như một chuỗi các chương trình gắn liền với thông điệp Sức Mạnh Tri Thức của Thiên Long.



### Các hoạt động ủng hộ đồng bào bị lũ lụt

Hàng năm, Thiên Long luôn dành ngân sách tham gia các hoạt động cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt. Trong năm 2013, Thiên Long đã ủng hộ các đồng bào miền Trung ở một số khu vực như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định... góp phần giúp đỡ đồng bào vượt qua những mất mát bởi thiên tai gây ra. Ngoài ra, Tập đoàn Thiên Long đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình cổ xúy cho việc học tập và khám phá những điều thú vị trong cuộc sống như: Học bổng Lê Văn Tám, Vui Học Cùng Thiên Long, Khám Phá Kho Tàng Kiến Thức... Thiên Long, với lịch sử hơn 30 năm, muốn chuyển tải thông điệp “Sức mạnh Tri thức” đến với người tiêu dùng và cộng đồng xã hội, mong ước người tiêu dùng nhận được chân giá trị của những sản phẩm tri thức và cùng nhau xây dựng, phát triển một xã hội văn minh và thịnh vượng dựa trên nền tảng của Sức mạnh Tri thức.



## II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### 1

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Doanh thu thuần  
**tăng**  
**15,61%**  
so với  
năm trước, đạt đến  
**1.406**  
tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế  
**tăng**  
**21,99%**  
và lợi nhuận  
sau thuế tăng  
**16,38%**  
so với năm trước

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2013 được ví như một bức tranh với những gam màu sáng tối. Mặc dù năm 2013 khép lại với những điểm sáng vĩ mô được cải thiện theo hướng ổn định: lạm phát được kiểm chế, dự trữ ngoại hối tăng cao, tỷ giá được bình ổn... nhưng bên cạnh đó, tổng sản phẩm trong nước năm 2013 chỉ tăng khoảng 5,42%, là năm thứ ba liên tiếp tăng dưới 6%. Doanh nghiệp - động lực quan trọng nhất cho phát triển kinh tế - vì thế phải tiếp tục trải qua một năm đầy khó khăn. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho biết, ước tính năm 2013 có khoảng 60.737 doanh nghiệp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động, tăng 12% so với năm trước.

Trong bối cảnh đó, sức mua của người tiêu dùng tiếp tục ở mức thấp. So với tốc độ tăng tổng mức bán lẻ bình quân (đã loại trừ yếu tố giá) 15% trong thời kỳ 2006-2010 thì năm 2013, con số này chỉ còn 5,6%, giảm so với mức 6,5% của năm 2012.

Ngành hàng văn phòng phẩm cũng không nằm ngoài xu hướng khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu. Dựa vào phân tích 450 công ty lớn trong lĩnh vực phân phối Văn phòng phẩm, báo cáo của Plimsoll, công ty chuyên phân tích về hoạt động ngành văn phòng phẩm có trụ sở tại Anh quốc, cho thấy tốc độ tăng trưởng ngành Văn phòng phẩm trong năm qua bình quân -1,6%.

Trước những khó khăn như vậy, Tập đoàn cũng đã kịp thời phát triển dòng sản phẩm giá thấp với chất lượng phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Trong hoạt động sản xuất, Thiên Long tiếp tục đẩy mạnh tự động hóa bằng cách tự thiết kế ra máy móc và khuôn mẫu nhằm giúp gia tăng năng suất và giảm chi phí. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã tập trung đầu tư vào công nghệ tiên tiến nhằm có thể tự sản xuất nguyên vật liệu giúp làm ra những sản phẩm với chi phí thấp nhất.

Đối với hệ thống phân phối nội địa, Tập đoàn đã đầu tư phát triển mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B) và bán lẻ, từng bước bao phủ tất cả các kênh tiêu thụ, tạo thế đứng vững chắc cho Tập đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước. Đối với xuất khẩu, tỷ trọng doanh thu các sản phẩm mang thương hiệu Colokit và FlexOffice của Thiên Long tăng mạnh là minh chứng cho thành công bước đầu của Tập đoàn trong việc đầu tư phát triển thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, hoạt động quản trị của doanh nghiệp, với sự vận hành của hệ thống ERP-SAP, tiếp tục được chú trọng đặc biệt nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý điều hành.

Với những hoạt động trên, dù trong hoàn cảnh khó khăn của ngành bán lẻ nói chung và ngành hàng văn phòng phẩm nói riêng, doanh thu thuần của Tập đoàn vẫn tăng 15,61% so với năm trước, đạt đến 1.406 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn tăng 21,99% và lợi nhuận sau thuế tăng 16,38% so với năm trước, các tỷ lệ ROA, ROE đều được cải thiện.



## 2

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Thiên Long quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới nhằm tiếp tục đưa công ty trở thành một Tập đoàn Văn phòng phẩm hàng đầu khu vực.**

Kết quả năm 2013 đã minh chứng cho những nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long trong quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới nhằm tiếp tục đưa công ty trở thành một Tập đoàn Văn phòng phẩm hàng đầu khu vực.

Chính sự đồng tâm hiệp lực, tâm huyết, cùng nhau chia sẻ khó khăn của đội ngũ cán bộ công nhân viên Thiên Long và kỹ năng quản trị doanh nghiệp của Ban Tổng Giám đốc đã giúp Thiên Long không chỉ vượt qua những năm kinh tế khó khăn mà còn đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực đầu tư phát triển nhằm chuẩn bị đón đầu những cơ hội trong tương lai, tạo nền tảng cho sự phát triển của Tập đoàn bền vững trong những năm sắp đến.

Với năng lực và kinh nghiệm của Ban Tổng Giám đốc, với niềm tự hào và khát vọng của từng thành viên của Tập đoàn, Hội Đồng Quản Trị tin rằng Tập đoàn Thiên Long sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh để ra cho năm 2014.



## 3

### KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu chiến lược

**Trở thành Tập đoàn  
VPP số 1 tại Việt Nam**



**hàng đầu tại Đông Nam Á**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long trình Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 như sau:

Doanh thu thuần

**1.600  
tỷ đồng**

Lợi nhuận sau thuế

**130  
tỷ đồng**

Cổ tức

**20%**

**Mục tiêu chiến lược của Tập đoàn:**

1. Trở thành Tập đoàn VPP số 1 tại Việt Nam và hàng đầu tại Đông Nam Á
2. Chuyên môn hóa và tự động hóa sản xuất
2. Phát triển tất cả kênh thương mại nội địa và kinh doanh quốc tế
4. Trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, lợi nhuận cao nhất cho Tập đoàn và cổ đông.

**Định hướng phát triển dài hạn:**

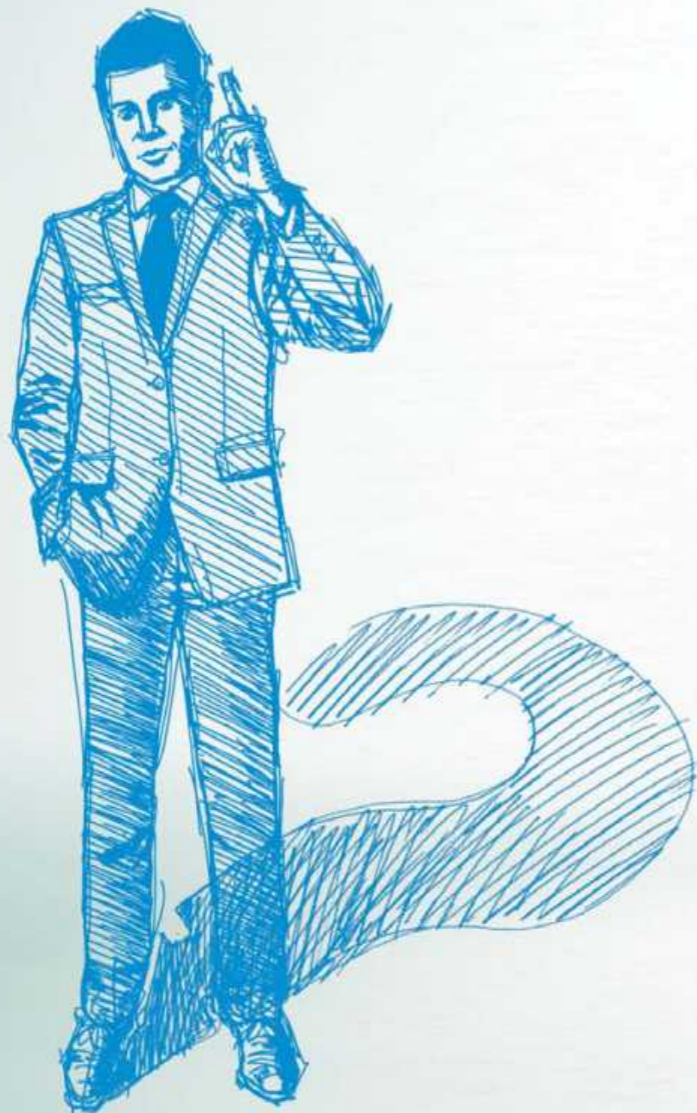
- Phát triển để trở thành Tập đoàn Văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung
- Tập trung vào kinh doanh quốc tế để thâm nhập vào thị trường thế giới (phát triển hàng hợp tác sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu)
- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thông qua hàng hợp tác sản xuất, củng cố và đẩy mạnh việc mở rộng thị phần thị trường trong nước
- Tập trung tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm
- Cải tiến kỹ thuật sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.



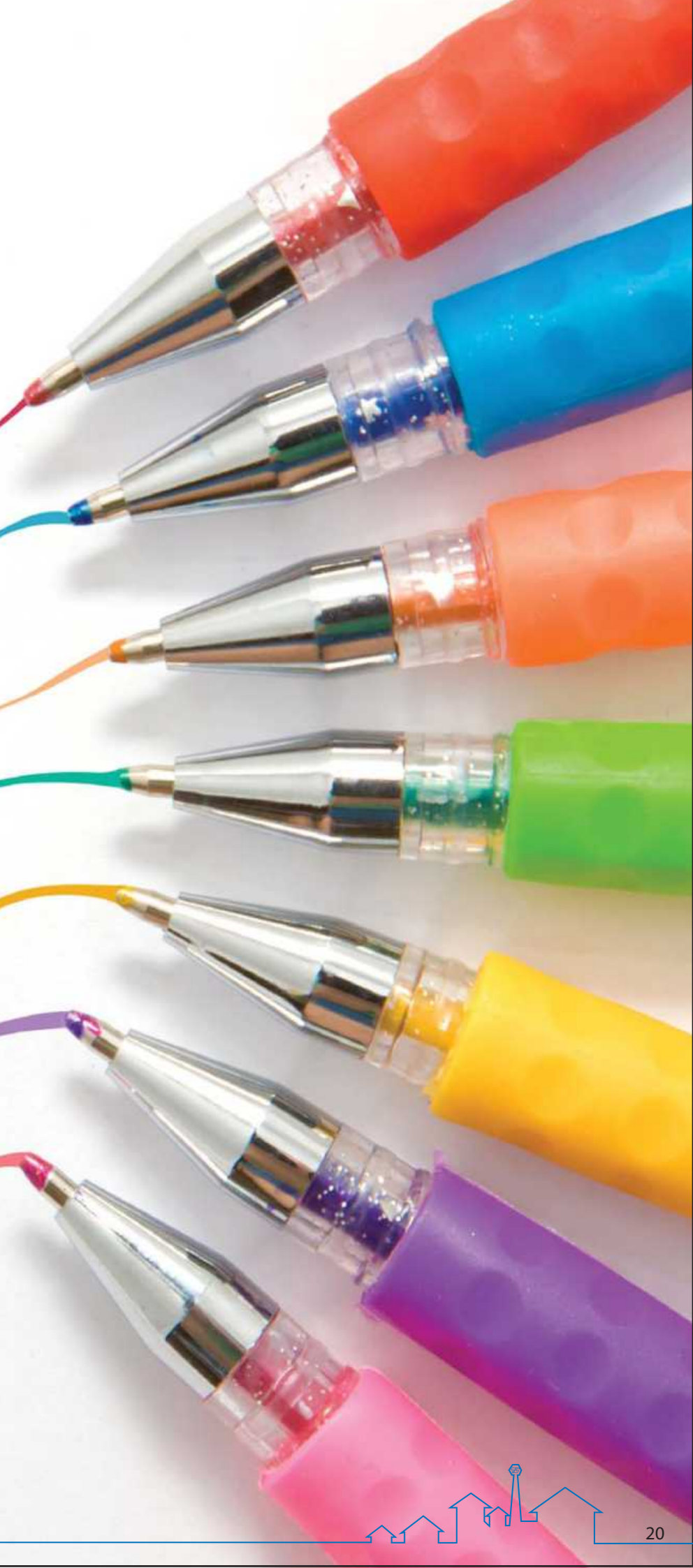
“

Mỗi ngày trong đời mình đều mở ra một trang giấy mới và chúng ta viết gì hôm nay để có được thành công cho ngày mai?

”



Concept  
Creation  
Teamwork  
Project  
Business  
Strategy  
Success



# III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình  
đầu tư &  
thực hiện dự án

Đánh giá  
kết quả  
hoạt động

Kế hoạch  
phát triển

Tình hình  
tài chính

# 1

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Hơn 30 năm hoạt động, Tập đoàn Thiên Long ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, Tập đoàn đã đạt được kết quả ấn tượng trong sản xuất kinh doanh trong năm 2013. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, tạo được sự yên tâm và gắn bó lâu dài đối với từng thành viên trong Tập đoàn, tạo tiền đề cho sự phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới.

Lợi nhuận sau thuế vượt  
**5,97%**  
so với kế hoạch đề ra cho năm 2013

Trong năm 2013, doanh thu thuần của Tập đoàn Thiên Long đạt 1.406 tỷ đồng, tăng 15,61% so với năm 2012 và đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của toàn Tập đoàn đạt 116,56 tỷ đồng, tăng 16,38% so với năm 2012 và vượt 5,97% so với kế hoạch đề ra cho năm 2013.

*ĐVT: triệu VND*

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Doanh thu thuần	1.043.592	1.216.345	1.406.208
Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần	39,45%	37,68%	36,79%
Chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp)	311.880	334.585	363.752
Tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần	29,88%	27,51%	25,87%
Lợi nhuận trước thuế	108.251	135.704	165.550
Lợi nhuận sau thuế	80.531	100.153	116.563
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	7,72%	8,23%	8,29%
Tổng tài sản	949.886	962.581	1.009.189
Nguồn vốn chủ sở hữu	477.886	551.756	629.589
Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	50,31%	57,32%	62,39%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (VNĐ) (*)	3.457	4.299	5.003

(\*) Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu được trình bày lại theo Chuẩn mực kế toán VAS 30: số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện phát hành tăng vốn được điều chỉnh với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

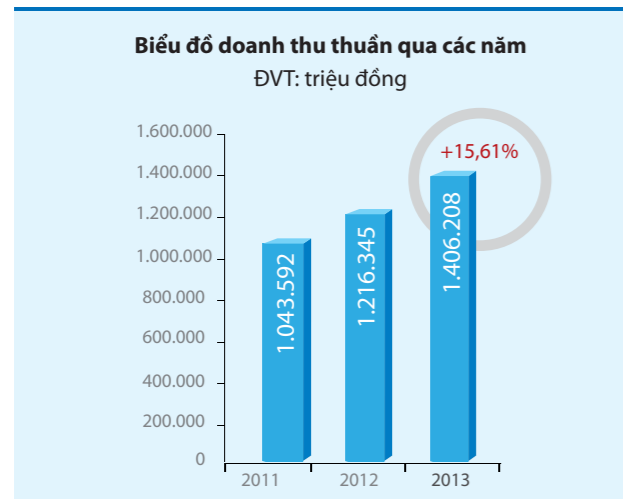
Tăng trưởng so với năm trước	2011	2012	2013	Bình quân
Doanh thu thuần	28,31%	16,55%	15,61%	20,16%
Lợi nhuận trước thuế	15,82%	25,36%	21,99%	21,06%
Lợi nhuận sau thuế	13,25%	24,37%	16,38%	18,00%
Tăng trưởng tổng tài sản	26,29%	1,34%	4,84%	10,82%
Tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu	22,05%	15,46%	14,11%	17,21%



## Tăng trưởng doanh thu

Trong bối cảnh kinh tế chung gặp nhiều khó khăn, sức mua trong, ngoài nước đều giảm sút, Thiên Long vẫn giữ tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần 15,61% trong năm 2013. Bên cạnh nhóm ngành Bút Viết luôn được người tiêu dùng ưa chuộng thì các nhóm ngành Văn Phòng Phẩm, Dụng Cụ Học Sinh, Dụng Cụ Mỹ Thuật đang dần có chỗ đứng trên thị trường, doanh thu liên tục tăng trưởng.

Thiên Long hàng năm đã cho ra đời nhiều sản phẩm và liên tiếp có những đánh giá, cải tiến để sản phẩm ngày càng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.



### Nhóm Bút Viết (TL, Bizner)

Nhóm Bút Viết là nhóm sản phẩm truyền thống của Tập đoàn, chiếm hơn 65% thị phần trong nước. Những năm qua, nhóm Bút Viết luôn thể hiện vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực, tạo nền tảng trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Trong năm 2013, Nhóm Bút Viết đem về cho Tập đoàn 722.509 triệu đồng, tăng 58.564 triệu đồng so với năm 2012. Hiện nay, ngoài nhóm bút bi, bút gel, bút lông bi, mang thương hiệu TL, Thiên Long còn có thương hiệu Bizner, là thương hiệu bút cao cấp phục vụ giới doanh nhân và người có thu nhập cao. Để vươn ra tầm khu vực và thế giới, Tập đoàn cũng sẽ không ngừng cải tiến kiểu dáng, nâng cao chất lượng với giá bán tốt nhất nhằm cạnh tranh với các sản phẩm nổi tiếng trên thế giới.

### Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng (FlexOffice)

Với chiến lược giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam về văn phòng phẩm, tỷ trọng dòng sản phẩm văn phòng phẩm trong tổng doanh thu thuần không ngừng tăng lên, từ mức 27,27% trong năm 2012 tăng lên mức 29,02% trong năm 2013 và dự kiến tiếp tục tăng trong các năm tới. Năm 2013, Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng đem về cho Tập đoàn 408.113 triệu đồng, tăng 76.441 triệu đồng so với năm 2012. Sự tăng trưởng của Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng đóng góp hơn 40% vào tổng mức tăng doanh thu thuần trong năm của Tập đoàn.

### Nhóm Dụng Cụ Học Sinh (Điểm 10)

Sự thâm nhập sản phẩm thành công vào trực tiếp các trường học và sự phát triển các sản phẩm mới học đường đã giúp Nhóm dụng cụ học sinh ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng, đạt tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong bốn nhóm sản phẩm của Tập đoàn trong năm 2013. Với tăng trưởng 37,89% so với năm 2012, doanh thu thuần của Nhóm dụng cụ học sinh trong năm 2013 đạt mức 157.857 triệu đồng. Tiềm năng tăng trưởng của nhóm Dụng Cụ Học Sinh trong thời gian đến dự kiến sẽ tiếp tục ở mức cao do đặc điểm nước ta phần lớn là dân số trẻ và tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên cao.

### Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật (Colokit)

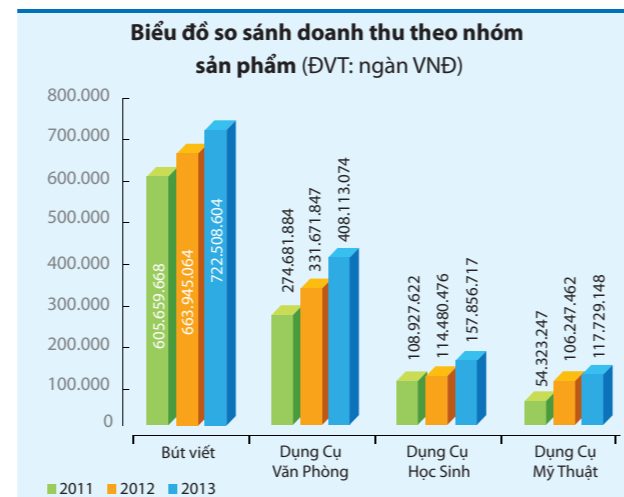
Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật trong năm 2013 tăng trưởng 10,81% so với năm 2012, đóng góp 8,37% vào tổng doanh thu thuần, đạt mức 117.729 triệu đồng. Với dòng sản phẩm bút lông tô màu và các sản phẩm màu nước tẩy rửa được vừa được tung ra thị trường và nhãn hàng Colokit dần được chấp nhận ở thị trường ngoài nước, dự kiến nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian tới.

#### Tỷ trọng từng nhóm sản phẩm trong doanh thu thuần

Nhóm sản phẩm	2011	2012	2013
Bút Viết	58,04%	54,59%	51,38%
Dụng Cụ Văn Phòng	26,32%	27,27%	29,02%
Dụng Cụ Học Sinh	10,44%	9,41%	11,23%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	5,20%	8,73%	8,37%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### Tăng trưởng so với năm trước

Nhóm sản phẩm	2011	2012	2013
Bút Viết	17,45%	9,62%	8,82%
Dụng Cụ Văn Phòng	45,60%	20,75%	23,05%
Dụng Cụ Học Sinh	57,68%	5,10%	37,89%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	35,92%	95,58%	10,81%



## Chi phí

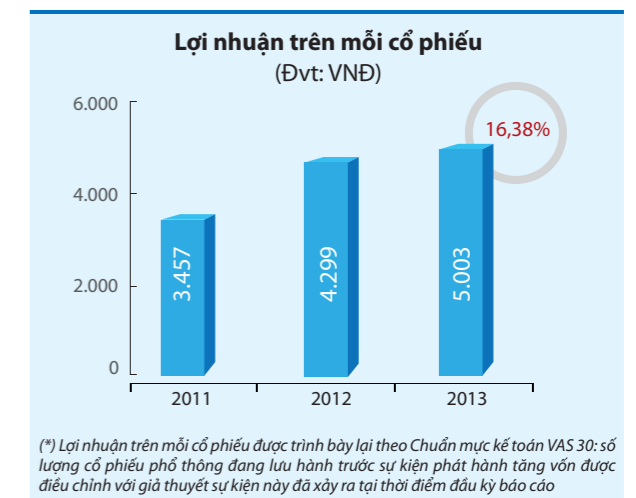
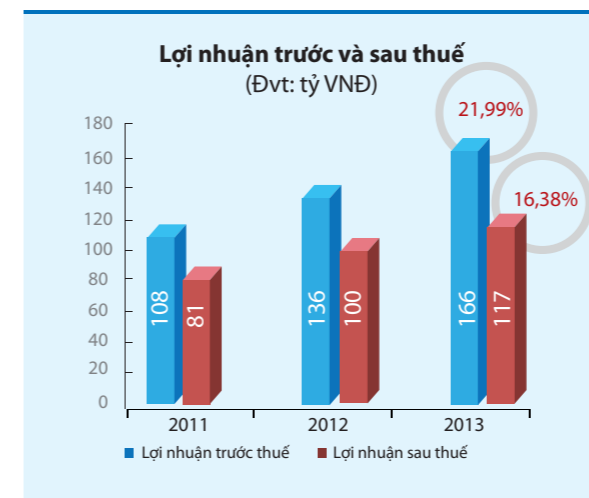
Tập đoàn đã giảm tổng vay nợ trong năm giúp chi phí tài chính năm 2013 giảm đi 15.165 triệu đồng, tương ứng mức giảm 37,51% so với năm 2012. Qua đó, tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần năm 2013 giảm còn 1,80%.

Tỷ lệ giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần không có nhiều biến động so với năm trước. Nhờ vậy, tỷ lệ tổng giá vốn và chi phí trên doanh thu thuần cải thiện so với mức 89,83% của năm 2012 và 90,43% của năm 2011.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần	60,55%	62,32%	63,21%
Chi phí/ Doanh thu thuần, trong đó:	29,88%	27,51%	25,87%
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	12,61%	12,85%	13,63%
Chi phí quản lý/ Doanh thu thuần	11,05%	11,34%	10,44%
Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	6,22%	3,32%	1,80%
Tổng giá vốn và chi phí/ Doanh thu thuần	90,43%	89,83%	89,08%

## Lợi nhuận

Nhờ ổn định giá thành, quản lý chi phí hiệu quả, đảm bảo tăng chi phí luôn gắn liền với việc tăng doanh thu nên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của Tập đoàn luôn được duy trì ổn định, xoay quanh mức 8% trong các năm qua. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã đạt được tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt là 11,82% và 19,73%, ghi nhận mức cao nhất trong 5 năm từ 2009-2013, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) đã tăng lên 5.003 đồng/ cổ phiếu, tăng hơn đáng kể so với năm trước.



## Phân tích các chỉ số tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>				
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	32,48%	32,44%	27,23%
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	67,52%	67,56%	72,77%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	98,77%	74,46%	60,29%
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	49,69%	42,68%	37,61%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>				
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,38	0,59	0,80
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,48	1,69	2,10
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>				
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	18,52%	19,45%	19,73%
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	9,46%	10,47%	11,82%
	- TSLN từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,47%	10,86%	11,62%
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,72%	8,23%	8,29%
<b>5</b>	<b>Vòng quay hoạt động</b>				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,55	1,68	2,02
	- Vòng quay tài sản	Vòng	1,23	1,27	1,43

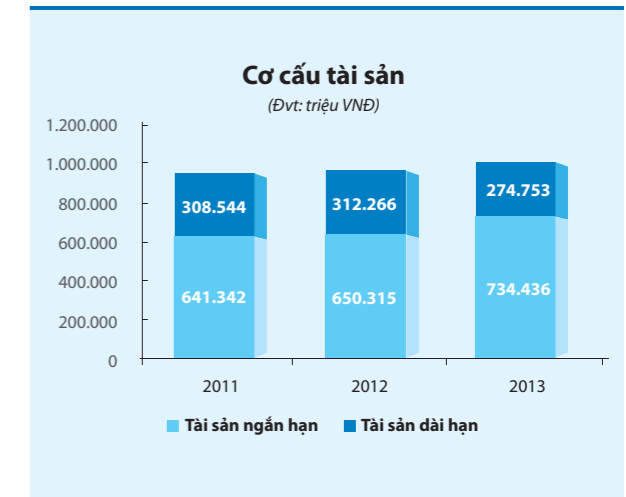
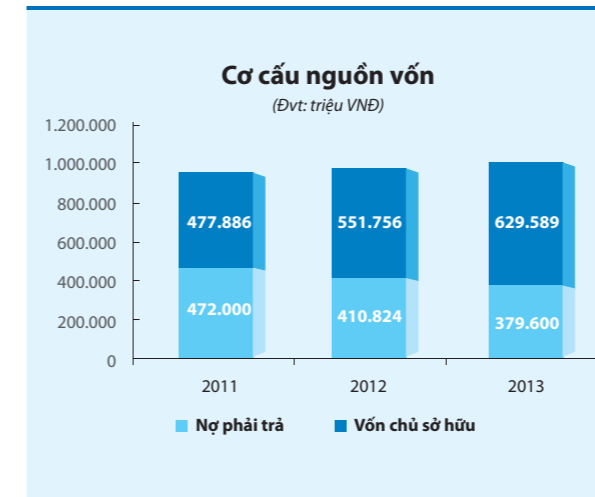
Trong bối cảnh khó khăn của toàn bộ nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng, Tập đoàn đã tập trung cơ cấu lại tài sản, đẩy mạnh cải tiến máy móc thiết bị, sử dụng tối đa công suất thiết kế, tránh đầu tư lãng phí nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, đảm bảo hiệu quả trên từng đồng vốn đầu tư.

Hiệu quả sử dụng tài sản của Tập đoàn liên tiếp được cải thiện, thể hiện qua vòng quay tài sản cố định và tổng tài sản liên tục tăng từ năm 2009 đến nay, đặc biệt vòng quay tài sản cố định đã tăng hơn gấp đôi so với năm 2009.

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	2,92	3,48	4,19	4,91	6,11
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,10	1,20	1,23	1,27	1,43

Doanh thu thuần và hiệu quả hoạt động tăng cao, nguồn tiền mặt dồi dào giúp cho Tập đoàn giảm dư nợ vay ngân hàng. So với cuối năm 2012, vay ngắn hạn đã giảm 23.307 triệu đồng, nhờ đó, hệ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện hành của Tập đoàn đều tăng so với năm 2012. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục tối ưu hóa vòng quay tài sản và vốn lưu động, vừa đảm bảo các chỉ tiêu thanh toán luôn ở mức lành mạnh, đồng thời đảm bảo nhu cầu vốn lưu động hợp lý cho sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh dư nợ vay giảm, lợi nhuận tích lũy của Tập đoàn ngày càng tăng cao đã giúp cho tỷ trọng nợ phải trả năm 2013 giảm chỉ còn 37,61% trên tổng tài sản, so với tỷ trọng 42,68% của năm 2012 và 49,69% của năm 2011.



## Dòng tiền

ĐVT: triệu VNĐ

Lưu chuyển tiền tệ	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-44.146	195.797	79.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-52.361	-37.807	-9.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	140.020	-87.483	-44.777
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	43.513	70.507	25.184

Trước nhiều trở ngại trong năm 2013, Tập đoàn vẫn tạo ra được dòng tiền dương từ hoạt động kinh doanh là 79.357 triệu đồng. Dòng tiền này đủ để tài trợ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị trong năm, ngoài ra còn dùng chi trả cổ tức cho cổ đông, thanh toán giảm nợ vay, đồng thời tăng tích lũy của Tập đoàn, tiếp tục nâng cao khả năng thanh toán.



“ Để chuẩn bị tốt nhất cho ngày mai  
là làm việc thật tốt từ ngày hôm nay ”





# 2

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Thực hiện chiến lược tập trung tự động hóa sản xuất, Thiên Long đã và đang tự chế tạo một số máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn.

### Đầu tư phát triển sản phẩm mới

Từ một cơ sở sản xuất bút bi gia đình, nhờ đầu tư và nghiên cứu, sáng tạo mà Thiên Long trở thành một Tập đoàn văn phòng phẩm quy mô lớn. Đây cũng chính là cách để Thiên Long bắt kịp và vượt qua các công ty tại Đông Nam Á và từng bước đuổi kịp Nhật Bản trong lĩnh vực văn phòng phẩm.

Mỗi năm, Thiên Long đưa ra thị trường hàng chục sản phẩm mới, trong đó có đến 20% sản phẩm mới hoàn toàn. Năm 2013, tiếp tục bền bỉ theo đuổi con đường đổi mới sáng tạo, Tập đoàn đã đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mang tính đột phá, ví dụ như công nghệ Washable với dòng Dụng cụ Mỹ thuật và Dụng cụ Học sinh có sự cải tiến về hệ mực có thể được tẩy rửa dễ dàng, là công nghệ xanh và tiên tiến trước đây chưa từng có mặt ở Việt Nam.



### Đầu tư phát triển công nghệ sản xuất

Thực hiện chiến lược tập trung tự động hóa sản xuất, Thiên Long đã và đang tự chế tạo một số máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn.

Cụ thể, sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2013 gia tăng so với năm 2012 nhưng số lượng lao động của Tập đoàn hầu như không thay đổi. Năm 2013, Tập đoàn đạt tổng doanh thu thuần 1.406.208 triệu đồng trên tổng số lao động của Tập đoàn là 2.969 CBCNV, bình quân khoảng 473 triệu đồng doanh thu/ người, với mức tăng ấn tượng gần 15% so với số liệu tương ứng năm 2012.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã chế tạo khuôn mẫu ngày một nhiều, thay thế cho khuôn mẫu ngoại nhập nhằm giảm giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực sản xuất trong những năm sắp đến; nghiên cứu, nắm bắt, nhận chuyển giao công nghệ sản xuất các loại mực, từng bước chủ động nguyên vật liệu đầu vào.

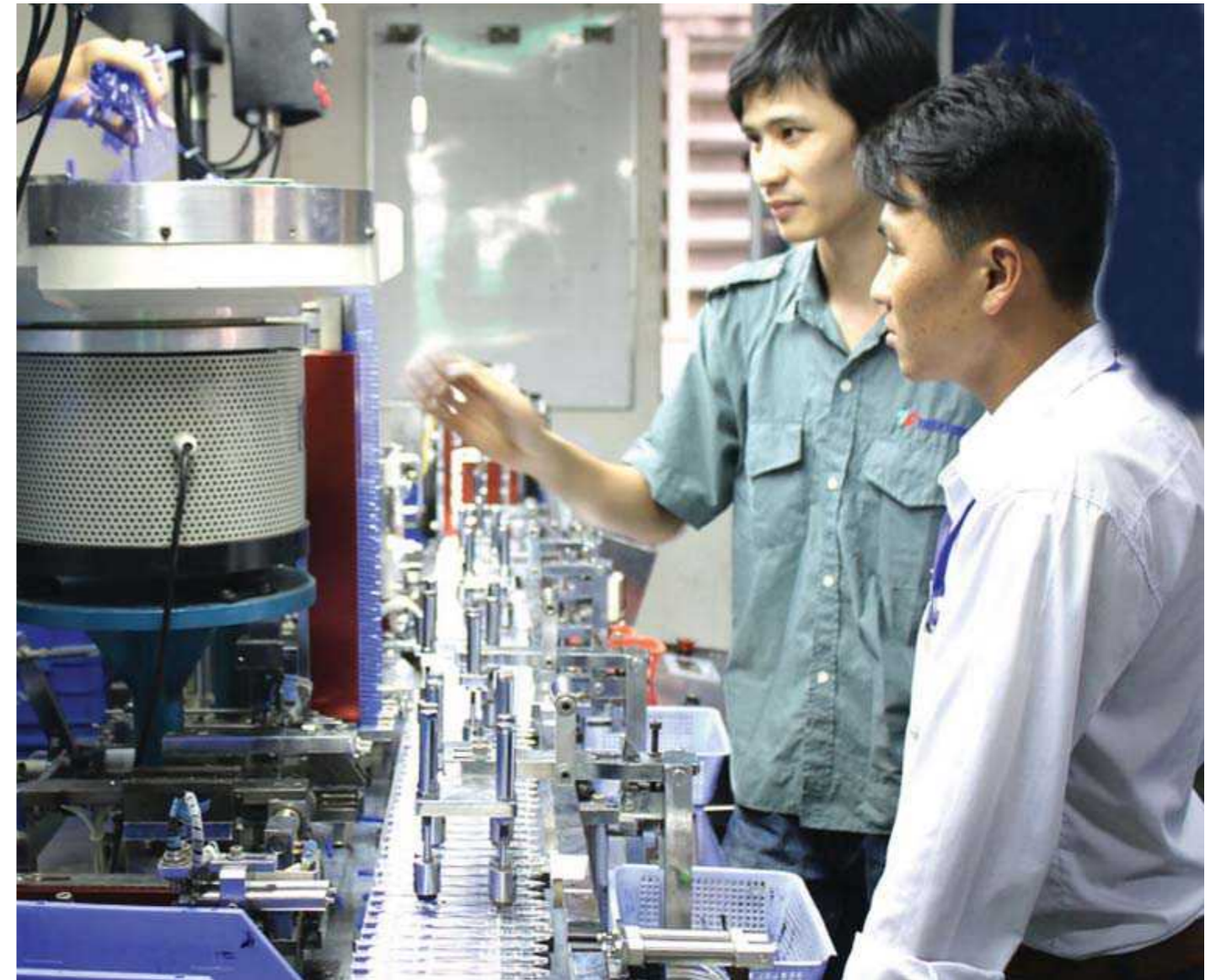
### Đầu tư phát triển hệ thống phân phối nội địa

Bên cạnh việc củng cố hệ thống phân phối trong nước theo kênh truyền thống và kênh hiện đại (siêu thị, nhà sách...), trong năm 2013, Tập đoàn tiếp tục đầu tư và phát triển mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B) và bán lẻ trên toàn quốc.

### Đầu tư phát triển thị trường quốc tế

Nối tiếp thành công trên thị trường quốc tế, trong những năm qua, Tập đoàn tập trung thực hiện định hướng tăng trưởng thị trường xuất khẩu bền vững thông qua việc tăng tỷ trọng các sản phẩm mang thương hiệu Thiên Long (FlexOffice và Colokit) trong tổng cơ cấu hàng xuất khẩu. Sự đầu tư này đã giúp tỷ trọng hàng FlexOffice và Colokit trong tổng số doanh thu xuất khẩu tăng từ 43% năm 2012 lên 53% trong năm 2013.

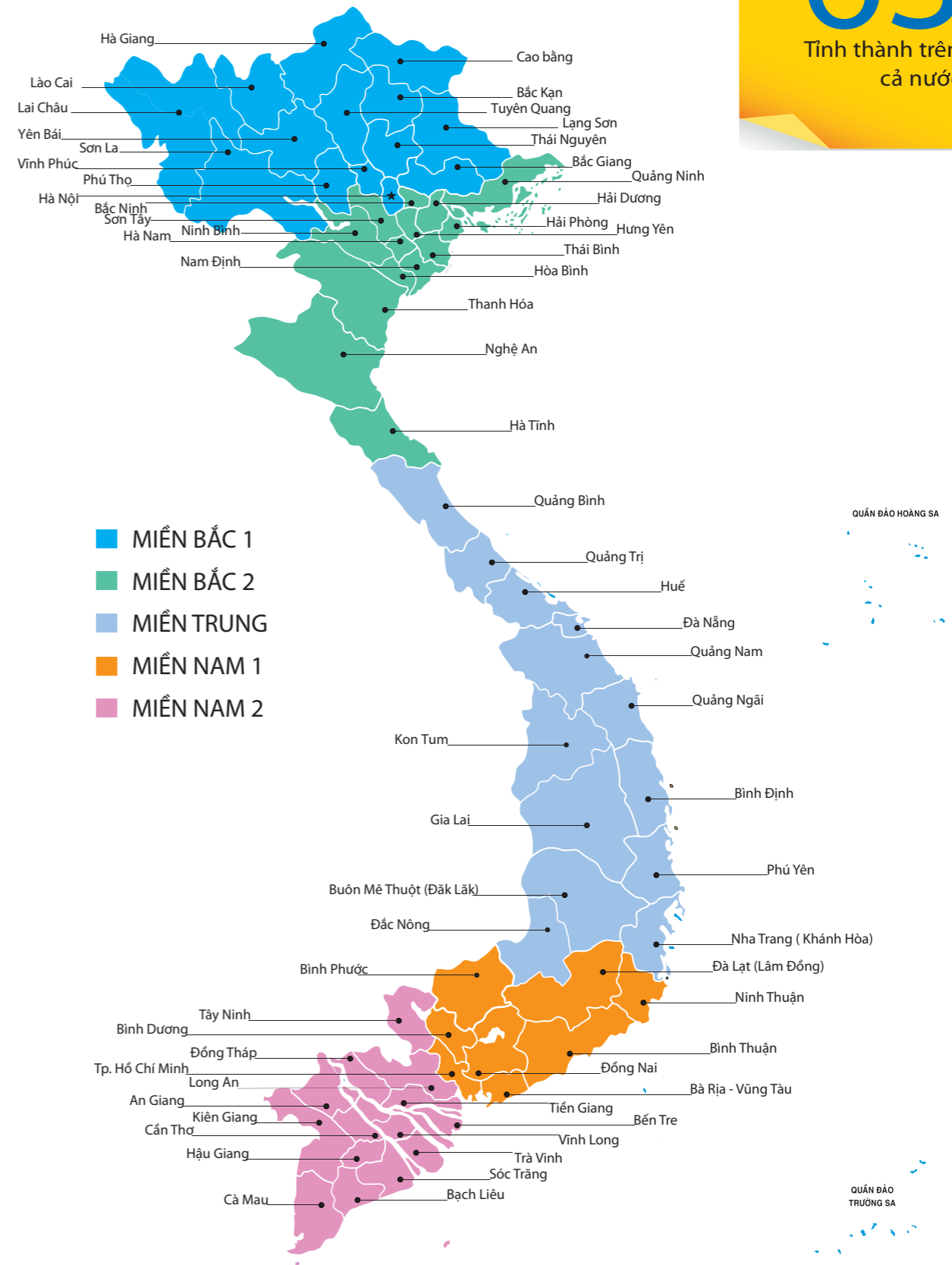
Mặc dù tổng doanh thu xuất khẩu tăng không nhiều so với năm 2012 nhưng doanh thu từ các sản phẩm mang thương hiệu FlexOffice và Colokit đã gia tăng đáng kể. Cụ thể sản phẩm thương hiệu FlexOffice và Colokit mang về gần 3,5 triệu USD trong tổng doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn.



**Đầu tư phát triển hệ thống phân phối nội địa**



**63**  
Tỉnh thành trên  
cả nước



40  
Quốc gia  
trên toàn cầu



Hội chợ tại Đức



Hội chợ tại Anh



Hội chợ tại Nhật



Hội chợ tại Philippines



*Với mục đích mở rộng  
và nâng cao năng lực sản xuất  
để đáp ứng được nhu cầu của  
khách hàng trong và ngoài nước*



### 3

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Với mục đích mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, trong thời gian tới, Tập đoàn có kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất và phát triển sản phẩm ở hai nhà máy tại khu Công nghiệp Tân Tạo, TP.HCM và khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Dự án dự kiến sẽ giúp Tập đoàn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức cao trong những năm sắp đến.

Dự án nâng cao năng lực sản xuất và phát triển sản phẩm được xây dựng trên cơ sở:

- Nền tảng Tập đoàn đã được tạo lập trong suốt hơn 30 năm hình thành và phát triển
- Tiềm lực tài chính Tập đoàn đã được tích lũy trong thời gian vừa qua
- Công suất của các nhà máy gần như đã được sử dụng tối đa trong lúc sản lượng tiêu thụ trong những năm đến dự kiến sẽ tiếp tục tăng cao
- Thành tựu đã đạt được trong giai đoạn 2012-2013: từ việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đến công nghệ và quy trình sản xuất đi theo hướng hiện đại hóa, từ năng suất lao động của công nhân được nâng cao đến năng lực quản lý của ban lãnh đạo ngày càng hoàn thiện, từ hệ thống phân phối nội địa được mở rộng đến sự phát triển thị trường quốc tế theo hướng đi vào chiều sâu

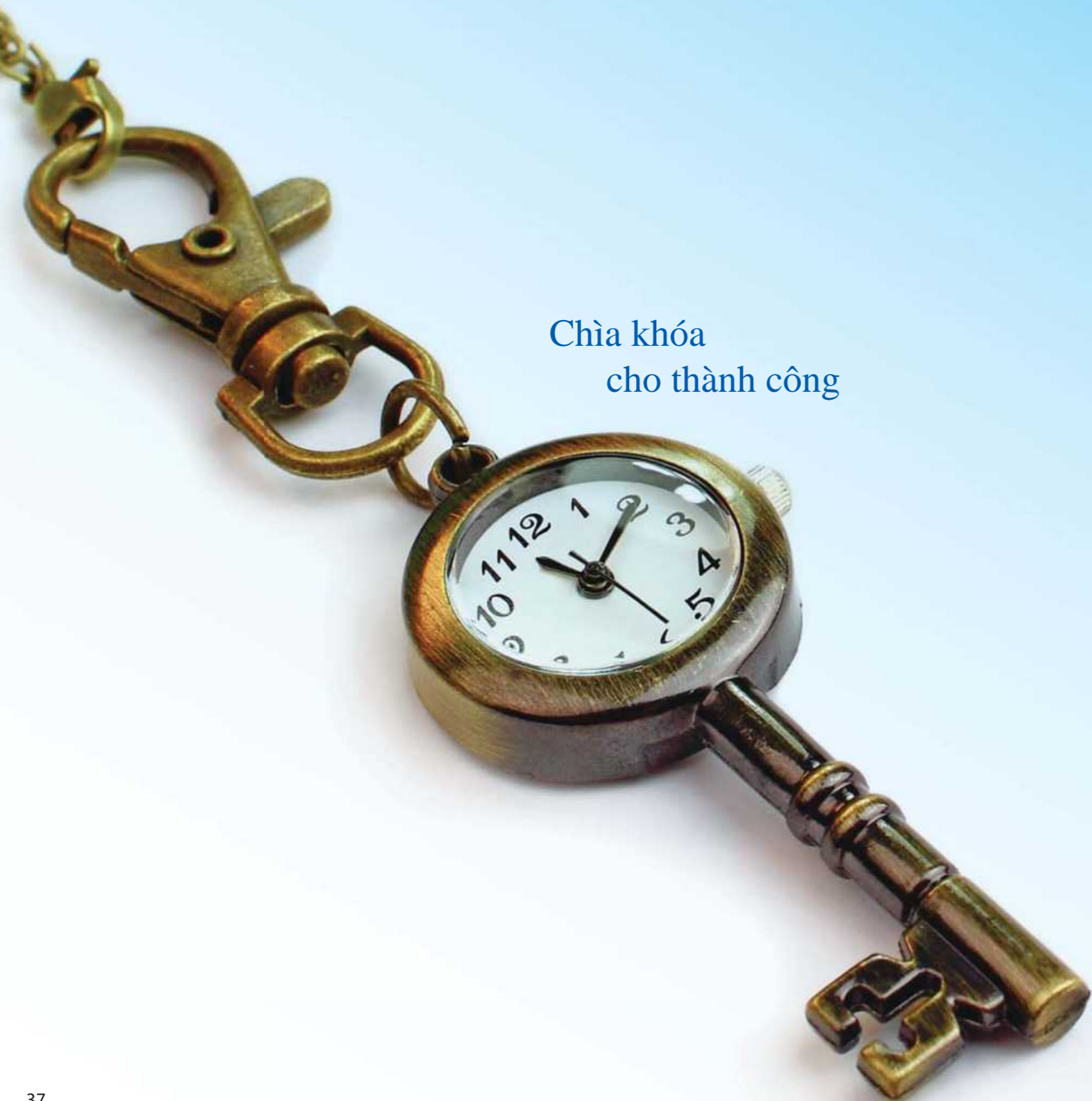
Dự án sẽ đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ gia tăng về sản lượng cả bốn nhóm hàng mà Tập đoàn sản xuất, dự kiến lên đến 15%/ năm trong thời gian sắp đến.

Ngoài ra, Tập đoàn định hướng từng bước chủ động nguyên vật liệu đầu vào, tiếp tục đầu tư phát triển hơn nữa công nghệ sản xuất các loại mực, đáp ứng nhu cầu cho các chủng loại sản phẩm đa dạng của Tập đoàn, từ mực bút lông bằng, mực bút dạ quang, mực bút lông màu đến các chủng loại mực bút gel, bút máy,...

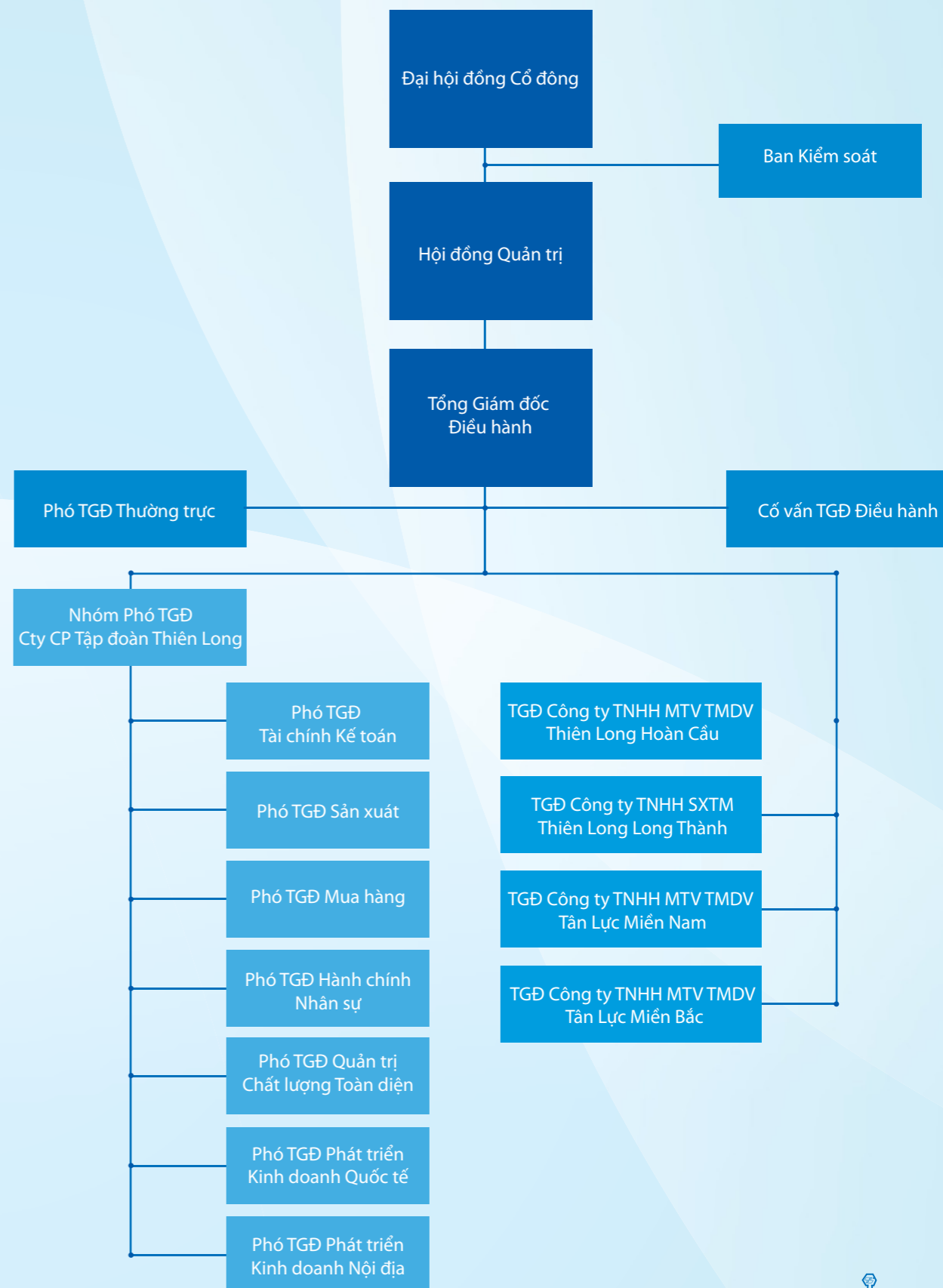
Về năng lực quản trị điều hành, tiếp nối thành công của năm 2013, Tập đoàn có kế hoạch tiếp tục đầu tư vào hệ thống ERP-SAP nhằm tối ưu hóa các ứng dụng của phần mềm quản trị tiên tiến này vào công tác lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá, từ đó tăng cường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



# IV. BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC



## 1 CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ



## THÔNG TIN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông CÔ GIA THỌ**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**Quá trình công tác:**

1981 - 1996: Chủ cơ sở sản xuất Bút Bi Thiên Long  
1996 - 2003: Phó chủ tịch Hội Doanh nghiệp Trẻ TP. Hồ Chí Minh  
2003 - 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh



**Ông TRẦN KIM THÀNH**  
**Phó chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập**

**Quá trình công tác:**

1978 - 1993: Kinh doanh Cơ sở bán kẹo  
1993 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô  
2008 - 2009: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2009 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kinh Đô  
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Kinh Đô



**Ông TRẦN LỆ NGUYỄN**  
**Thành viên HĐQT độc lập**

**Quá trình công tác:**

1985 - 1990: Làm kỹ thuật sản xuất tại Cơ sở sản xuất bánh ngọt Đô Thành  
1990 - 1991: Làm kỹ thuật sản xuất tại Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Quận 1  
1992 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh Đô  
2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kinh Đô  
- Thành viên HĐQT Công ty CP Địa ốc Kinh Đô



**Ông HUỖNH VĂN THIỆN**  
**Thành viên HĐQT độc lập**

**Quá trình công tác:**

1977 - 1982: Phục vụ quân đội - Cục Chính trị  
1982 - 1987: Phóng viên Tòa soạn Báo Tuổi Trẻ  
1988 - 1989: Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty Chợ Dân Sinh, Quận 1  
1989 - 1993: Phó Giám đốc Công ty TMDV Tp.HCM  
1993 - 2008: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu nhớt và Hóa chất Việt Nam (Vilube)  
2006 - 2010: Chủ tịch Quỹ Bản Việt (VCF)  
2006 - 2012: Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM)  
2008 - 2013: Thành viên HĐQT Công ty Euro Auto (BMW)  
2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty Viet Land Capital  
- Đồng Chủ tịch HĐQT Viet Land Development Corp.



**Bà TRẦN THÁI NHƯ**  
**Thành viên HĐQT**

**Quá trình công tác:**

2000 - 2008: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008: Tổng Giám đốc Công ty CP Thiên Long Long Thành  
2009: Cố vấn Ban Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2009 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Bà CÔ NGÂN BÌNH**  
**Thành viên HĐQT**

**Quá trình công tác:**

1981 - 2001: Quản đốc sản xuất Cơ sở Bút bi Thiên Long  
2002 - 2003: Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2004 - 2005: Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng Công ty CP SXTM Thiên Long  
2005 - 2006: Trợ lý Giám đốc điều hành Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007 - 2008: Trưởng Ban Xây dựng cơ bản Công ty Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**TS. VÕ VĂN THÀNH NGHĨA**  
**Thành viên HĐQT**

**Quá trình công tác:**

1989 - 2007: Làm việc và tư vấn cho Ernst & Young, BRL Hardys, Saigontourist, Fosco, Nguyễn Kim, Hội Marketing Việt Nam  
2008 - T4/2012: Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
T5/2012 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Bà CÔ CẨM NGUYỆT**  
**Thành viên HĐQT**

**Quá trình công tác:**

1993 - 2006: Thủ quỹ Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007 - 2008: Thành viên HĐQT - Chuyên viên đầu tư - Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Thành viên HĐQT - Chuyên viên đầu tư - Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông TRẦN VĂN HÙNG**  
**Thành viên HĐQT Độc lập**

**Quá trình công tác:**

1993 - 2006: Giám đốc điều hành Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007 - 2008: Tổng Giám đốc Công ty CP Thiên Long Miền Bắc  
2008 - 2009: Cố Vấn Ban điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2009 - 2010: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2010 - 2012: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
T1/2013 - T4/2013: Cố vấn Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
T5/2013 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



## THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**TS. VÕ VĂN THÀNH NGHĨA**  
**Tổng Giám đốc Điều hành**

**Quá trình công tác:**

1989 - 2007: Làm việc và tư vấn cho Ernst & Young, BRL Hardys, Saigontourist, Fosco, Nguyễn Kim, Hội Marketing Việt Nam  
2008 - T4/2012: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
T5/2012 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông NGUYỄN ĐÌNH TÂM**  
**Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Phó Tổng Giám đốc Sản xuất**

**Quá trình công tác:**

1996 - 1997: Quản đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
1997 - 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2000 - 2001: Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2002 - 2008: Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển (R&D) Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - 02/2013: Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
02/2013 - nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông PHAN NHỰT PHƯƠNG**  
**Phó Tổng Giám đốc Mua hàng**

**Quá trình công tác:**

1994 - 1994: Chuyên viên bảo trì tại Công ty ô tô Sài Gòn  
1995 - 1996: Chuyên viên bán hàng tại Công ty Formosa  
1996 - 1998: Chuyên viên xuất nhập khẩu Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
1998 - 2001: Phó phòng Kinh doanh Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2002 - 2008: Giám đốc Cung ứng Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Mua hàng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông HỒ NGỌC CẢNH**  
**Phó Tổng Giám đốc Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng**

**Quá trình công tác:**

2002 - 2004: Kế toán Tổng hợp Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2005: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty CP SXTM Thiên Long tại Hải Phòng  
2005 - 2010: Kế toán Tổng hợp Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2010 - 2012: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông BÙI VĂN HUỐNG**  
**Phó Tổng Giám đốc Hành chính - Nhân sự kiêm Phó TGD Quản trị Chất lượng Toàn diện**

**Quá trình công tác:**

1995 - 1997: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty sản xuất Khăn Giấy Thơm Luxta  
1997 - 1999: Quản đốc Sản xuất - Công ty Điện tử Escatec Việt Nam  
1999 - 2005: Trưởng phòng đảm bảo chất lượng - Công ty Nitto Denko Việt Nam  
2005 - 2007: Giám đốc đảm bảo chất lượng - Công ty Nitto Denko Việt Nam  
2007 - 2008: Giám đốc quản lý chất lượng toàn diện Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Hành chính Nhân sự kiêm Phó Tổng Giám đốc Quản trị Chất lượng Toàn diện Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông NGUYỄN THƯỢNG VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Nội địa kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Nam**

**Quá trình công tác:**

1996 - 2007: Giám đốc sản xuất Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007 - 2008: Giám đốc chuỗi cung ứng Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu  
2008 - 2011: Tổng Giám đốc Công ty CP SXTM Thiên Long Long Thành  
2011 - 2012: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Nam  
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Phát triển kinh doanh nội địa kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Nam



**Ông TRẦN TRUNG HIỆP**  
**Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế**

**Quá trình công tác:**

2005 - 2006: Giám đốc chi nhánh Công ty Thiên Long tại Hà Nội  
2007 - 2008: Giám đốc Kinh doanh Nội địa Công ty CP SXTM Thiên Long  
2009 - 2012: Trưởng VPĐD Công ty CP Tập đoàn Thiên Long tại Trung Quốc  
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông TRƯƠNG ANH HÀO**  
**Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu**

**Quá trình công tác:**

1995 - 1997: Đại diện bán hàng Công ty Thép Việt  
1997 - 2005: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP SXTM Thiên Long  
2005 - 2008: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu



**Ông TẠ QUANG THIÊN**  
**Tổng Giám đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành**

**Quá trình công tác:**

1996 - 2003: Nhân viên kế toán Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2003 - 2008: Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - 2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu  
2009 - 2012: Phó Tổng Giám đốc Tài chính Kế toán Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành  
2012 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành



**Ông ĐẶNG THANH CẢNH**  
**Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Bắc**

**Quá trình công tác:**

1999 - 2004: Nhân viên phòng kinh doanh - Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
2005 - 2006: Giám đốc chi nhánh Nha Trang - Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007: Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty CP SXTM Thiên Long  
2008 - 2010: Giám đốc Bán hàng Miền Bắc 1 - Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu  
2011 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Bắc





## THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



**Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ**  
*Trưởng Ban Kiểm soát*

**Quá trình công tác:**

1992 - 2007: Kế toán thanh toán Công ty CP SXTM Thiên Long  
2007 - 2009: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2009 - 2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2010 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông LÝ VĂN DŨ**  
*Thành viên Ban Kiểm soát*

**Quá trình công tác:**

2000 - 2002: Trưởng phòng bán hàng và tiếp thị Công ty TNHH DVTM Hoàng Hà  
2002 - 2006: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thành Lợi  
2006 - 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TM Địa Mã - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long  
2009 - nay: Đại diện Phát triển kinh doanh (Văn phòng Trung Quốc) - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long



**Ông TẠ HOÀNG SƠN**  
*Thành viên Ban Kiểm soát*

**Quá trình công tác:**

1981 - 2000: Kế toán trưởng Công ty Caric  
2000 - 2002: Kế toán trưởng Công ty Thép Việt Bình Dương  
2003 - 2008: Kế toán trưởng Công ty Vilube  
2008 - 2010: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Vilube  
2010 - nay: Giám đốc Điều hành Công ty TNHH Finewines - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

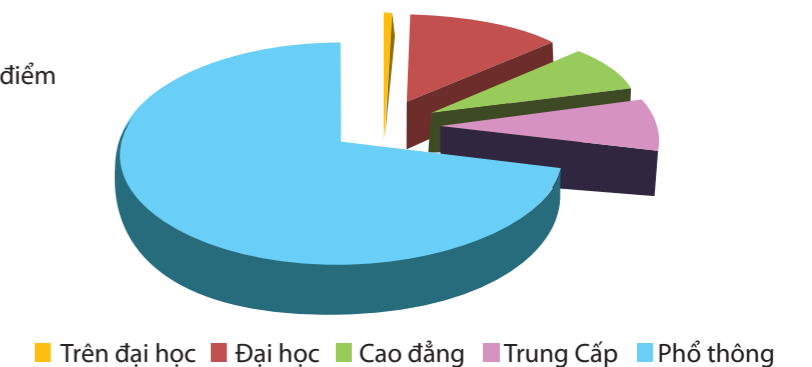
## 2 NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



### Thống kê lao động

Tổng số lao động của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2013 là 2.969 CBCNV, trong đó:

- Trên đại học: 15 người
- Đại học: 388 người
- Cao đẳng: 215 người
- Trung cấp: 243 người
- Phổ thông: 2.108 người





**Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững.**

### Chính sách lương – thưởng

Tập đoàn luôn xây dựng một chính sách lương, thưởng và đãi ngộ hợp lý để tạo sự yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài cho CBCNV trên cơ sở hài hòa với lợi ích của doanh nghiệp, người lao động và chính sách quy định của Nhà nước. Chính sách lao động của Tập đoàn luôn thể hiện sự tôn trọng của Tập đoàn với nghề nghiệp, cuộc sống, gia đình của mỗi nhân viên, đảm bảo nhân viên có thể an tâm tập trung phát triển nghề nghiệp để tiếp tục tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

Đối với công nhân viên trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, ngoài mức lương cố định, Tập đoàn còn thực hiện chính sách trả lương hiệu quả theo năng suất lao động và sự tuân thủ nội quy lao động. Hàng năm, Tập đoàn thực hiện soát xét mức lương chung toàn Tập đoàn, qua đó đánh giá năng lực từng CBCNV để có quyết định điều chỉnh lương phù hợp. Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Tập đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, Tập đoàn có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể khi thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

### Chính sách phúc lợi

Ngoài chế độ bảo hiểm bắt buộc, Tập đoàn còn mua thêm cho toàn thể CBCNV loại hình Bảo hiểm 24/24 nhằm hỗ trợ phần nào các chi phí điều trị cũng như việc suy giảm khả năng lao động của CBCNV khi có bất kỳ rủi ro nào xảy ra.

Hàng năm, Tập đoàn tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV nhằm phát hiện bệnh lý để kịp thời chăm sóc và điều trị.

Tập đoàn cũng tạo điều kiện cho CBCNV đi nghỉ mát hàng năm, tổ chức các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể và rèn luyện sức khỏe.

### Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý trong năm

Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn tài sản vô giá này, Thiên Long không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Ban lãnh đạo Thiên Long luôn hướng đến sự dung hòa lợi ích cho tất cả CBCNV trong lúc hưng thịnh lẫn khó khăn. Kể cả trong những thời điểm khó khăn nhất, các chính sách lương, phụ cấp, các chế độ bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và chính sách khen thưởng luôn được đảm bảo.

Những thành quả quan trọng nhất trong năm 2013 bao gồm:

- Tăng cường ứng dụng ERP-SAP vào quản trị doanh nghiệp
- Ban hành các quy định ứng xử nội bộ
- Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức và quản lý khối Kinh doanh, khối Mua hàng và khối Sản xuất để nâng cao hiệu quả các hoạt động bán hàng và phân phối
- Xây dựng quy trình lập kế hoạch chi tiết đến từng đơn vị, bộ phận, từng mảng hoạt động
- Gia tăng sự phối hợp giữa các khối, các phòng ban trong Tập đoàn



*Trở thành nhân viên Thiên Long là một mong ước của tôi từ lúc còn trên ghế giảng đường. Tôi được biết về Thiên Long như một Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực văn phòng phẩm, tập hợp những người trẻ năng động và sáng tạo.*

*Môi trường làm việc ở đây thật tốt, mỗi người đều có điều kiện để thể hiện mình, học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn. Tôi tin tưởng những người trẻ chúng tôi sẽ cùng nhau đưa Tập đoàn đến những thành công mới.*



### GIANG CHÍ THUẬN

Phụ trách Truyền thông Tiếp thị  
Tập đoàn Thiên Long



# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY



## 1

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị luôn tập trung thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo đúng Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty. Cụ thể, trong năm Hội đồng Quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp với các nội dung chính sau:

STT	Phiên họp	Nội dung họp
1	23/01/2013	Bảo lãnh cho Công ty Thiên Long Long Thành vay vốn lưu động
2	04/04/2013	Nhu cầu vay vốn lưu động của Tập đoàn và Thiên Long Long Thành
3	23/04/2013	Xem xét đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Phạm Quang Thanh
4	03/05/2013	Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2012
5	05/06/2013	Triển khai các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền
6	12/08/2013	Nhu cầu vay vốn lưu động của Công ty Thiên Long Long Thành
7	09/09/2013	Chọn thời điểm phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2/2012
8	10/09/2013	Vay vốn lưu động của Công ty CP Tập đoàn Thiên Long
9	15/10/2013	Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ sau khi hoàn thành phát hành cổ phiếu trả cổ tức
10	23/12/2013	Thiết lập hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2014 cho Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

#### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Cố Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch	10/10	100%	
3	Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	10/10	100%	
4	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên	10/10	100%	
5	Bà Trần Thái Như	Thành viên	10/10	100%	
6	Bà Cố Ngân Bình	Thành viên	10/10	100%	
7	Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên	2/10	20%	Từ nhiệm ngày 22/05/2013
8	Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên	10/10	100%	
9	Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	6/10	60%	TV HĐQT từ ngày 22/05/2013
10	Bà Cố Cẩm Nguyệt	Thành viên	10/10	100%	



# 2

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm 2013

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung nghị quyết
1	02/2013/NQ-HĐQT	23/04/2013	Chấp thuận việc Ông Phạm Quang Thanh từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT
2	03/2013/NQ-HĐQT	05/06/2013	Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách: (1) chiến lược phát triển kinh doanh; (2) lương thưởng, nhân sự và kiểm toán
3	04/2013/NQ-HĐQT	05/06/2013	Chọn Cty TNHH Ernst & Young làm công ty kiểm toán; chọn ngày 20/06/2013 là ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 1/2012 bằng tiền mặt
4	05/2013/NQ-HĐQT	06/06/2013	Ban hành Quy chế Quản trị của Công ty
5	06/2013/NQ-HĐQT	09/09/2013	Chọn ngày 01/10/2013 là ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức đợt 2/2012 bằng cổ phiếu
6	07/2013/NQ-HĐQT	15/10/2013	Sửa đổi điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức

### Các hoạt động khác của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát các công việc mà Hội đồng Quản trị đã triển khai cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện, Hội đồng Quản trị cũng đã đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã đề cử thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập phụ trách các lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Tập đoàn, phối hợp với các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị trong việc định hướng và đề ra các chiến lược giúp Tập đoàn phát triển ổn định, bền vững. Ngoài ra, trong năm 2013, cùng với đại diện của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị đã cử đại diện tham dự khóa đào tạo về quản trị công ty.

### Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị

Stt	Tên	Chức danh	Thù lao và thưởng
1	Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	795.500.000
2	Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	544.666.667
3	Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT	363.111.111
4	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT	363.111.111
5	Bà Trần Thái Như	Thành viên HĐQT	200.000.000
6	Bà Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT	188.000.000
7	Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên HĐQT	154.500.000
8	Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên HĐQT	363.111.111
9	Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT	34.000.000
10	Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT	188.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.194.000.000</b>

**Trong năm 2013, mặc dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng Tập đoàn Thiên Long vẫn hoàn thành 100% kế hoạch về doanh thu và xuất sắc vượt 5,97% kế hoạch về lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông giao phó.**

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban Kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ và kết quả hoạt động của công ty trong giai đoạn 01/01/2013 đến 31/12/2013.

Trong năm 2013, mặc dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng Tập đoàn Thiên Long vẫn hoàn thành 100% kế hoạch về doanh thu và xuất sắc vượt 5,97% kế hoạch về lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông giao phó. Các tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều tăng cao, các chỉ số tài chính về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản đều đạt mức tốt và an toàn.

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm thay mặt Cổ đông giám sát hiệu quả hoạt động và sự phối hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, giám sát hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

Ngoài việc hoàn thành các chỉ tiêu tài chính trong năm, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành các nội dung được Đại hội đồng Cổ đông năm tài chính 2012 giao phó:

- Phân phối lợi nhuận năm 2012: Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá (10% tiền mặt và 10% cổ phiếu); trích chuyển đúng, đủ lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển; chi trả khoản thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận; chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt
- Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013: Tập đoàn đã chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 và đã công bố thông tin theo đúng qui định
- Vào ngày 05/11/2013, công ty đã niêm yết bổ sung 2.117.945 cổ phiếu phát hành trả cổ tức
- Chính sửa Điều lệ công ty theo số Vốn Điều lệ mới, ban hành Quy chế Quản trị nội bộ



Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát còn tiến hành kiểm tra, giám sát, đảm bảo công ty hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và Quy chế quản trị nội bộ Công ty; giám sát tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; thẩm định các báo cáo tài chính quý; xem xét kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị để có thêm thông tin trong quá trình thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình; xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ được ban hành trong năm.

Ban Kiểm soát ghi nhận những nỗ lực và hợp tác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Bộ phận, Phòng ban trong việc cung cấp thông tin, giúp Ban Kiểm soát nắm bắt thông tin kịp thời. Ban Kiểm soát cũng đã thảo luận và đồng thuận với Hội đồng Quản trị về việc cử các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách các vấn đề then chốt như chiến lược, nhân sự, lương thưởng, tăng cường công tác nhận thức và quản lý rủi ro, công tác quan hệ cổ đông.

#### Kết quả giám sát hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị và sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận việc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đề ra và tích cực theo đuổi chiến lược đầu tư vào chiều sâu nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững trong những năm sắp đến. Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị cũng thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Kiểm soát cũng đồng thời ghi nhận những nỗ lực và tâm huyết của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2013, thực hiện tốt việc tiết giảm chi phí, đầu tư phát triển sản phẩm mới, đầu tư phát triển công nghệ sản xuất, phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước bất chấp tình hình kinh tế trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn.

Với các định hướng quản trị rủi ro đã xác định, đồng thời với việc tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, tăng cường công tác quản trị công ty, Ban Kiểm soát tin tưởng rằng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

#### Thù lao của Ban Kiểm soát

Stt	Tên	Chức danh	Thù lao
1	Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng BKS	152.000.000
2	Ông Lý Văn Dũ	Thành viên BKS	32.000.000
3	Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên BKS	80.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>264.000.000</b>

## 3 BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Đánh giá cao tầm quan trọng của quản trị rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp, Tập đoàn đã, đang và sẽ tiếp tục hoàn thiện, nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, đồng thời áp dụng các biện pháp, công cụ để phòng ngừa để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn có kế hoạch xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong thời gian tới

Tập đoàn đã tiến hành rà soát và bổ sung các Quy định nội bộ nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Tập đoàn cũng đã xây dựng mới, cập nhật, sửa đổi, bổ sung từ chiến lược kinh doanh đến hệ thống các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như: chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, hệ thống chính sách chất lượng – an toàn – sức khỏe và môi trường (HSEQ), hệ thống ISO, OHSAS...và chuẩn hóa các quy trình như Quy trình đánh giá, kiểm tra HSEQ, quy trình mua sắm, quy trình bán hàng, quy trình lập và quản lý ngân sách, quy trình vận hành hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp – ERP...

Không ngừng cải thiện mình và thẳng thắn nhận định các rủi ro nội tại, Tập đoàn cũng ý thức được mối tương tác giữa các biến động của môi trường kinh doanh và khả năng hoàn thành sứ mệnh chiến lược của mình.

#### Quản trị rủi ro liên quan đến tốc độ phát triển và thay đổi công nghệ

Tập đoàn đã đầu tư và tiếp tục phát triển bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D). Hiện nay, tất cả các công đoạn để cho ra đời sản phẩm từ quá trình nghiên cứu, kỹ thuật đến thử nghiệm, kiểm định chất lượng... đều được Tập đoàn đầu tư các dây chuyền kỹ thuật hiện đại, tiên tiến nhất.

#### Quản trị rủi ro



Ngoài ra, thị trường bút viết và văn phòng phẩm hiện nay rất đa dạng về chủng loại, mẫu mã. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường, Thiên Long đã không ngừng chú trọng đến công tác đa dạng hóa sản phẩm. Mỗi năm, Thiên Long đưa ra thị trường hàng chục sản phẩm mới, trong đó có đến 20% sản phẩm mới hoàn toàn.

#### Quản trị rủi ro tỷ giá và giá dầu

Do nguồn cung cấp trong nước còn hạn chế về nhiều mặt nên phần lớn các nguyên vật liệu chính phải được nhập khẩu từ nước ngoài. Từ đó, sự biến động của tỷ giá hối đoái và giá dầu tác động không nhỏ đến giá thành sản phẩm của Tập đoàn do nguyên vật liệu nhập khẩu nói chung và nhựa nói riêng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành sản phẩm. Để hạn chế rủi ro trên, Thiên Long luôn chủ động lập kế hoạch tài chính bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch dòng tiền ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt dòng tiền ngoại tệ, đảm bảo cân đối nguồn ngoại tệ phù hợp với kế hoạch hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ngoài ra, nhờ có kinh nghiệm lâu năm trong ngành và mối quan hệ đối tác truyền thống với các nhà cung cấp lớn, Tập đoàn vẫn luôn kiểm soát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong trường hợp giá nguyên vật liệu có sự biến động. Thiên Long luôn chủ động sử dụng các công cụ bảo hiểm tỷ giá, tăng dự trữ ngoại tệ thông qua phát triển xuất khẩu, đồng thời giảm dần tỷ lệ nhập khẩu bằng cách chủ động nghiên cứu, nắm bắt, chuyển giao công nghệ để tự sản xuất máy móc thiết bị, từng bước chủ động nguyên vật liệu đầu vào

#### Quản trị rủi ro thị trường

Trước thách thức giảm sức mua nội địa, Thiên Long đã đưa ra những chính sách bán hàng mới nhằm nâng cao năng lực phân phối hiện có và hoàn thiện công tác hậu mãi. Bên cạnh đó, Thiên Long cũng tiến hành đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa các mặt hàng văn phòng phẩm, mở rộng các phân khúc khách hàng và có những định hướng kịp thời nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức cao ổn định bền vững.

#### Quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất của Nhà máy

Hoạt động sản xuất an toàn – hiệu quả của Nhà máy là yếu tố quan trọng hàng đầu trong tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Nhận thức được tầm quan trọng này, toàn bộ CBCNV của Tập đoàn từ cấp lãnh đạo cao nhất đến từng công nhân vận hành nhà máy luôn quán triệt và nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc quản lý và vận hành Nhà máy.

#### Quản trị rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm

Hiện nay trên thị trường, hàng giả và hàng kém chất lượng rất nhiều. Điều đó tác động không nhỏ đến các nhà sản xuất kinh doanh có uy tín. Vì vậy, để tiếp tục đứng vững và khẳng định là nhà sản xuất kinh doanh bút viết và văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và khu vực, Thiên Long đã xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ ở tất cả các khâu từ sản xuất, đóng gói đến lưu thông. Chính vì vậy, sản phẩm của Thiên Long luôn được người tiêu dùng đánh giá cao và tin dùng.

Với vị thế là một doanh nghiệp có quy mô lớn và là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả nhất trong ngành liên tục trong nhiều năm qua, Thiên Long luôn tìm thấy trong sự thách thức khắc nghiệt của thị trường những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình như:

- Thương hiệu “Thiên Long” có uy tín và luôn là ưu tiên lựa chọn số 1 của khách hàng
- Chất lượng sản phẩm tốt và dịch vụ chu đáo
- Hệ thống phân phối rộng khắp trong cả nước và gần bó lợi ích chặt chẽ với Tập đoàn

Tập đoàn có một nền tảng quản trị nội bộ tốt, luôn có tinh đồng thuận cao, mọi người có trách nhiệm với công việc và tạo được tinh thần hợp tác. Những ưu điểm này giúp khả năng quản trị rủi ro của Tập đoàn đạt hiệu quả cao.

## 4 THÔNG TIN CỔ PHẦN

#### Các thông tin về cổ phiếu (tính đến ngày 01/10/2013)

Vốn điều lệ:	232.979.150.000 đồng
Mã chứng khoán:	TLG
Sàn niêm yết:	HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết:	26/03/2010
Số lượng cổ phiếu niêm yết:	23.297.915
Số lượng cổ phiếu quỹ, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0
Số lượng cổ phiếu lưu hành:	23.297.915

#### Thông tin về cổ tức

Cổ tức năm 2009:	1.800 đồng/cổ phần
Cổ tức năm 2010:	2.000 đồng/cổ phần
Cổ tức năm 2011:	1.000 đồng/cổ phần, 10% bằng cổ phiếu
Cổ tức năm 2012:	1.000 đồng/cổ phần, 10% bằng cổ phiếu
Cổ tức năm 2013:	20%/cổ phần (dự kiến)

#### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 05/11/2013, Tập đoàn niêm yết bổ sung 2.117.945 cổ phiếu phát hành trả cổ tức. Ngoài ra, trong năm Tập đoàn không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành các đợt chứng khoán khác

#### Cơ cấu cổ đông (chốt ngày 01/10/2013)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>			
Tổ chức	18	12.283.364	52,72%
Cá nhân	392	6.951.647	29,84%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
Tổ chức	12	3.975.399	17,06%
Cá nhân	21	87.505	0,38%
<b>Tổng cộng</b>	<b>443</b>	<b>23.297.915</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ (tính đến ngày 01/10/2013)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh Đại diện sở hữu: Ông Cô Gia Thọ	12.217.672	52,44%
2	Vietnam Holding Limited	2.606.419	11,19%
3	Ông Cô Gia Thọ	1.502.919	6,45%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>16.327.010</b>	<b>70,08%</b>

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Số CP đầu kỳ		Số CP cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	11.106.975	52,44%	12.217.672	52,44%	Cổ tức
2	Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt	Cổ đông lớn	1.493.850	7,05%	0	0%	Bán
3	Vietnam Holding Limited	Cổ đông lớn	46.310	0,22%	2.606.419	11,19%	Mua + Cổ tức
4	Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	1.366.290	6,45%	1.502.919	6,45%	Cổ tức
5	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT	601.500	2,84%	661.650	2,84%	Cổ tức
6	Bà Trần Thái Như	Thành viên HĐQT	280.688	1,33%	308.756	1,33%	Cổ tức
7	Bà Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT	240.000	1,13%	264.000	1,13%	Cổ tức
8	Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên HĐQT	680.777	3,21%	849.504	3,65%	Mua + Cổ tức
9	Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT	77.000	0,36%	99.000	0,42%	Mua + Cổ tức
10	Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT	120.000	0,57%	132.000	0,57%	Cổ tức
11	Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó TGĐ	110.792	0,52%	138.371	0,59%	Mua + Cổ tức
12	Ông Phan Nhật Phương	Phó TGĐ	152.400	0,72%	167.640	0,72%	Cổ tức
13	Ông Bùi Văn Hưởng	Phó TGĐ	21.640	0,10%	34.804	0,15%	Mua + Cổ tức
14	Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó TGĐ	67.507	0,32%	74.257	0,32%	Cổ tức
15	Ông Hồ Ngọc Cảnh	Phó TGĐ	18.112	0,09%	19.923	0,09%	Cổ tức
16	Ông Trần Trung Hiệp	Phó TGĐ	13.400	0,06%	18.040	0,08%	Mua + Cổ tức
17	Bà Trần Phương Nga	GĐ Tài chính	0	0%	11.000	0,05%	Mua + Cổ tức
18	Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng BKS	15.360	0,07%	16.896	0,07%	Cổ tức
19	Ông Lý Văn Dũ	Thành viên BKS	2.400	0,01%	2.640	0,01%	Cổ tức
20	Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên BKS	2.400	0,01%	2.640	0,01%	Cổ tức

### Giao dịch mua bán cổ phiếu của người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với CĐ nội bộ	Số CP đầu kỳ		Số CP cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Ông Cô Ngư Tu	Cô Gia Thọ	60.000	0,28%	66.000	0,28%	Cổ tức
2	Bà Cô Phụng Bình	Cô Gia Thọ	15.840	0,074%	17.424	0,074%	Cổ tức
3	Bà Cô Cẩm Châu	Cô Gia Thọ	14.400	0,07%	15.840	0,07%	Cổ tức
4	Bà Cô Cẩm Ngọc	Cô Gia Thọ	103.200	0,49%	113.520	0,49%	Cổ tức
5	Ông Cô Gia Đức	Cô Gia Thọ	60.000	0,28%	66.000	0,28%	Cổ tức
6	Ông Trần Vinh Nguyên	Trần Kim Thành	26.400	0,12%	0	0%	Bán
7	Ông Trần Quốc Nguyên	Trần Kim Thành	21.576	0,10%	6	0,00002%	Bán
8	Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô	Trần Kim Thành	264.000	1,25%	0	0%	Bán
9	Công ty CP Kinh Đô	Trần Lệ Nguyên	455.281	2,15%	0	0%	Bán
10	Ông Trần Xú Tài	Trần Thái Như	14.400	0,07%	15.840	0,07%	Cổ tức
11	Ông Trần Đình Long	Nguyễn Đình Tâm	96	0,0004%	105	0,0004%	Cổ tức
12	Ông Phan Nhật Toàn	Phan Nhật Phương	1.200	0,006%	1.320	0,006%	Cổ tức
13	Bà Võ Bửu Chiêu	Nguyễn Thượng Việt	1.848	0,008%	2.032	0,008%	Cổ tức
14	Ông Trần Anh Dũng	Trần Phương Nga	720	0,003%	792	0,003%	Cổ tức
15	Ông Bùi Quang Minh	Nguyễn Thị Bích Ngà	1.952	0,009%	2.147	0,009%	Cổ tức

### Quan hệ Cổ đông

Tập đoàn Thiên Long luôn nhận thức rằng hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông và nhà đầu tư là vô cùng cần thiết. Do đó, Công ty luôn cố gắng đổi mới, thúc đẩy và duy trì các kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị và điều hành công ty.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn luôn theo sát, duy trì và phát triển mối quan hệ với các cổ đông. Tập đoàn thường xuyên tiến hành các cuộc gặp gỡ, trả lời những thắc mắc của nhà đầu tư tại văn phòng công ty, khuyến khích nhà đầu tư trao đổi với Công ty thường xuyên qua email, điện thoại. Trong thời gian tới, duy trì kênh thông tin tương tác hiệu quả giữa Tập đoàn Thiên Long và nhà đầu tư là một nhiệm vụ được Công ty tiếp tục đẩy mạnh.



# VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

## MỤC LỤC

Thông tin chung

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





**THÔNG TIN CHUNG**

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch	
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên	
Bà Trần Thái Như	Thành viên	
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên	
Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên	
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên	
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2013
Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2013

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát

**THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hướng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cô Gia Thọ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Võ Văn Thành Nghĩa**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014



Số tham chiếu: 60858419/16390643

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 66 đến trang 101 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2013-004-1

Lê Vũ Trường  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>734.435.864.577</b>	<b>650.314.590.238</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>176.449.511.864</b>	<b>151.264.484.956</b>
111	1. Tiền		77.449.511.864	75.300.849.959
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.000.000.000	75.963.634.997
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5.1</b>	<b>58.874.400</b>	<b>1.333.476.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		80.808.000	1.843.637.989
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(21.933.600)	(510.161.989)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>89.780.307.204</b>	<b>62.975.617.337</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	82.126.375.826	50.391.534.325
132	2. Trả trước cho người bán		6.941.608.795	10.823.750.576
135	3. Các khoản phải thu khác		1.594.024.569	2.079.127.105
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(881.701.986)	(318.794.669)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>455.747.096.563</b>	<b>423.352.867.960</b>
141	1. Hàng tồn kho		470.164.889.629	434.993.205.635
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.417.793.066)	(11.640.337.675)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.400.074.546</b>	<b>11.388.143.985</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.203.190.297	3.117.575.938
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.799.257.405	2.054.176.052
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23.2	2.251.110.553	1.114.658.591
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.146.516.291	5.101.733.404
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>274.753.407.378</b>	<b>312.265.988.290</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>212.737.803.266</b>	<b>247.289.353.789</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	172.920.691.339	189.245.873.962
222	Nguyên giá		423.455.848.296	413.850.141.766
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(250.535.156.957)	(224.604.267.804)
227	2. Tài sản vô hình	9	33.199.771.647	49.493.996.565
228	Nguyên giá		42.941.596.626	56.938.038.682
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(9.741.824.979)	(7.444.042.117)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.617.340.280	8.549.483.262
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.2</b>	<b>20.891.812.096</b>	<b>25.962.438.540</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		30.685.000.000	36.969.924.383
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(9.793.187.904)	(11.007.485.843)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>41.123.792.016</b>	<b>39.014.195.961</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	15.963.500.897	5.489.613.575
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	23.167.524.619	28.510.415.886
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.992.766.500	5.014.166.500
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.009.189.271.955</b>	<b>962.580.578.528</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>379.600.624.913</b>	<b>410.824.417.908</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>349.238.753.020</b>	<b>384.607.331.655</b>
311	1. Vay ngắn hạn	12	238.050.220.286	261.356.961.765
312	2. Phải trả người bán		51.642.641.606	50.054.680.349
313	3. Người mua trả tiền trước		6.611.271.811	8.850.549.215
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.058.412.597	18.486.685.600
315	5. Phải trả người lao động		10.503.651.962	10.827.240.523
316	6. Chi phí phải trả	14	24.136.548.137	26.991.884.053
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.845.733.528	2.820.415.320
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.390.273.093	5.218.914.830
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>30.361.871.893</b>	<b>26.217.086.253</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	15	19.086.871.117	14.650.185.417
334	2. Vay dài hạn	16	11.275.000.776	11.566.900.836
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>629.588.647.042</b>	<b>551.756.160.620</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>629.588.647.042</b>	<b>551.756.160.620</b>
411	1. Vốn cổ phần		232.979.150.000	211.799.700.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	128.217.023.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.587.484.350	22.579.819.350
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		24.306.580.906	19.298.915.906
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		216.498.408.786	169.860.702.364
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.009.189.271.955</b>	<b>962.580.578.528</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	1.635.253	1.435.837
- Yên Nhật (JPY)	307.000	-
- Nhân dân tệ (RMB)	21.801	3.751
- Bảng Anh (GBP)	15.893	5.286
- Euro (EUR)	2.230	4.879
- Đô la Singapore (SGD)	1.590	-
- Peso Philippine (PHP)	-	6.650
- Bạt (THB)	-	320

**Bùi Thị Cẩm Loan**

Người lập

**Hồ Ngọc Cảnh**

Kế toán trưởng



**Võ Văn Thành Nghĩa**

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	1.430.683.066.402	1.242.119.995.157
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(24.475.522.325)	(25.775.146.727)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.406.207.544.077	1.216.344.848.430
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(888.835.000.645)	(758.032.878.599)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		517.372.543.432	458.311.969.831
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	9.722.864.825	8.352.832.014
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(25.269.346.002) (22.624.742.928)	(40.434.203.822) (39.797.840.212)
24	8. Chi phí bán hàng		(191.629.937.864)	(156.255.590.333)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(146.853.340.640)	(137.895.477.685)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.342.783.751	132.079.530.005
31	11. Thu nhập khác	21	12.526.532.426	7.538.992.828
32	12. Chi phí khác	21	(10.319.384.801)	(3.914.767.822)
40	13. Lợi nhuận khác	21	2.207.147.625	3.624.225.006
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		165.549.931.376	135.703.755.011
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(43.644.475.650)	(44.668.311.603)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	23.3	(5.342.891.267)	9.117.846.835

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Phân bổ cho: Cổ đông của Công ty</i>		116.562.564.459 116.562.564.459	100.153.290.243 100.153.290.243
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	18	5.003	4.299



**Bùi Thị Cẩm Loan**

Người lập

Ngày 27 tháng 3 năm 2014



**Hồ Ngọc Cảnh**

Kế toán trưởng



**Võ Văn Thành Nghĩa**

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>165.549.931.376</b>	<b>135.703.755.011</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		38.479.852.025	38.700.467.161
03	Các khoản dự phòng		2.710.429.511	(567.222.843)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.2, 20	(140.559.437)	(856.441.236)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.431.358.262)	(4.704.220.628)
06	Chi phí lãi vay	20	22.624.742.928	39.797.840.212
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>221.793.038.141</b>	<b>208.074.177.677</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(21.458.106.695)	2.634.067.564
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(35.171.683.994)	48.089.675.865
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(115.779.521)	15.290.148.267
12	Giảm chi phí trả trước		2.783.237.643	5.632.658.066
13	Tiền lãi vay đã trả		(23.224.184.474)	(40.956.500.233)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.2	(51.307.839.359)	(43.855.529.082)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.881.037.989	7.268.330.728
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.822.524.957)	(6.379.788.361)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		<b>79.357.194.773</b>	<b>195.797.240.491</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(25.379.818.019)	(40.347.473.037)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		3.345.919.929	1.611.293.597
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.250.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.131.523.252	1.630.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		7.505.961.584	5.549.642.937
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.396.413.254)</b>	<b>(37.806.536.503)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay đã nhận		732.190.850.245	676.759.363.482
34	Tiền chi trả nợ vay		(755.788.287.452)	(746.489.790.044)
36	Chi trả cổ tức		(21.179.835.000)	(17.753.015.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(44.777.272.207)</b>	<b>(87.483.441.562)</b>
<b>50</b>	<b>Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>25.183.509.312</b>	<b>70.507.262.426</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>151.264.484.956</b>	<b>80.780.886.340</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>1.517.596</b>	<b>(23.663.810)</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>176.449.511.864</b>	<b>151.264.484.956</b>

**Bùi Thị Cẩm Loan**

Người lập

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**Hồ Ngọc Cảnh**

Kế toán trưởng



**Võ Văn Thành Nghĩa**

Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.969 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.919 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 4 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành (“TLLT”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu (“TLGTS”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường Số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lục Miền Bắc (“TLNTS”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010. TLNTS có trụ sở chính tại số 78 Đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lục Miền Nam (“TLTS”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTS có trụ sở chính tại số 19 – 21 Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Việc mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mua thêm của Tập đoàn, theo đó, khoản chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của phần giá trị thuần tài sản mua được ghi nhận vào lợi thế thương mại.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất không được khấu trừ vì có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.6 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Chi phí thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vào ngày 6 tháng 2 năm 2007 trong thời hạn 46 năm. Trước ngày 10 tháng 6 năm 2013, khoản tiền thuê đất này được ghi nhận là tài sản vô hình và được khấu trừ trong 46 năm. Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, theo quy định của





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 không còn đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Theo đó, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VNĐ của Tập đoàn được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.13 Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)**

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**3.16 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.16 Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.16 Thuế (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**3.17 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu và trình bày**Tài sản tài chính*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.650.785.955	1.128.895.540
Tiền gửi ngân hàng	75.798.725.909	74.171.954.419
Các khoản tương đương tiền (*)	99.000.000.000	75.963.634.997
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.449.511.864</b>	<b>151.264.484.956</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn ít hơn 3 tháng và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**5.1 Đầu tư ngắn hạn**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	80.808.000	1.843.637.989
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(21.933.600)	(510.161.989)
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b>58.874.400</b>	<b>1.333.476.000</b>

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	VNĐ	Cổ phiếu	VNĐ
Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG)	5.772	80.808.000	-	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	-	-	123.470	1.843.637.989
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>80.808.000</b>		<b>1.843.637.989</b>

**5.2 Đầu tư dài hạn khác**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	30.685.000.000	36.969.924.383
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(9.793.187.904)	(11.007.485.843)
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b>20.891.812.096</b>	<b>25.962.438.540</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**5.2 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	VNĐ	Cổ phiếu	VNĐ
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	3.565.000.000	500.000	3.850.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	152.000	1.520.000.000	152.000	1.520.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	5.000	600.000.000	5.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	-	60	5.999.924.383
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.685.000.000</b>		<b>36.969.924.383</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	82.126.375.826	50.391.534.325
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(881.701.986)	(318.794.669)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>81.244.673.840</b>	<b>50.072.739.656</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	201.783.565.776	206.028.602.314
Nguyên liệu, vật liệu	114.040.728.328	79.271.453.301
Hàng hóa	90.624.875.896	90.027.918.410
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.287.854.787	38.329.697.695
Hàng mua đang đi trên đường	19.837.588.086	19.743.016.995
Công cụ, dụng cụ	1.590.276.756	1.592.516.920
	<b>470.164.889.629</b>	<b>434.993.205.635</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.417.793.066)	(11.640.337.675)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>455.747.096.563</b>	<b>423.352.867.960</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**7. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.640.337.675)	(5.238.876.099)
Dự phòng trích lập trong năm	(8.964.928.931)	(7.840.224.440)
Sử dụng trong năm	6.187.473.540	1.438.762.864
<b>Số cuối năm</b>	<b>(14.417.793.066)</b>	<b>(11.640.337.675)</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính hợp nhất Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-DN/HN

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	132.337.937.187	158.417.479.144	18.377.994.356	7.018.919.153	97.697.811.926	413.850.141.766
Mua mới trong năm	-	11.341.094.293	1.131.754.546	869.013.640	3.324.461.190	16.666.323.669
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.391.455.980	-	-	7.174.008.650	9.565.464.630
Thanh lý, nhượng bán	(69.359.819)	(5.005.044.827)	(882.167.307)	(289.793.637)	(7.693.155.044)	(13.939.520.634)
Giảm khác (*)	(10.390.900)	(1.617.339.099)	(28.400.909)	(507.030.547)	(523.399.680)	(2.686.561.135)
Số cuối năm	132.258.186.468	165.527.645.491	18.599.180.686	7.091.108.609	99.979.727.042	423.455.848.296
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	273.767.397	42.667.563.828	6.459.081.668	3.010.359.811	70.858.741.475	123.269.514.179
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(24.856.159.448)	(100.172.194.384)	(10.963.704.868)	(6.034.505.479)	(82.577.703.625)	(224.604.267.804)
Khấu hao trong năm	(5.386.738.459)	(18.333.990.826)	(2.240.779.643)	(1.018.797.689)	(7.529.883.925)	(34.510.190.542)
Thanh lý, nhượng bán	69.359.819	4.743.348.591	818.029.203	110.121.583	620.246.771	6.361.105.967
Giảm khác (*)	10.390.900	1.289.571.377	23.120.574	453.551.119	441.561.452	2.218.195.422
Số cuối năm	(30.163.147.188)	(112.473.265.242)	(12.363.334.734)	(6.489.630.466)	(89.045.779.327)	(250.535.156.957)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	107.481.777.739	58.245.284.760	7.414.289.488	984.413.674	15.120.108.301	189.245.873.962
Số cuối năm	102.095.039.280	53.054.380.249	6.235.845.952	601.478.143	10.933.947.715	172.920.691.339
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 12 và 16)	47.740.633.143	18.578.530.311	-	-	-	66.319.163.454

(\*) Trong năm Công ty đã phân loại lại các tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	25.001.019.524	31.454.040.758	367.000.000	115.978.400	56.938.038.682
Mua mới trong năm	-	1.205.438.500	-	-	1.205.438.500
Giảm khác (*)	(15.153.394.524)	(48.486.032)	-	-	(15.201.880.556)
Số cuối năm	9.847.625.000	32.610.993.226	367.000.000	115.978.400	42.941.596.626
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu trừ hết	-	3.391.622.733	367.000.000	115.978.400	3.874.601.133
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(3.125.477.129)	(3.895.631.031)	(306.955.557)	(115.978.400)	(7.444.042.117)
Khấu trừ trong năm	(329.408.280)	(4.235.837.084)	(60.044.443)	-	(4.625.289.807)
Giảm khác (*)	2.279.020.913	48.486.032	-	-	2.327.506.945
Số cuối năm	(1.175.864.496)	(8.082.982.083)	(367.000.000)	(115.978.400)	(9.741.824.979)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	21.875.542.395	27.558.409.727	60.044.443	-	49.493.996.565
Số cuối năm	8.671.760.504	24.528.011.143	-	-	33.199.771.647
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 12)	8.671.760.504	-	-	-	8.671.760.504

(\*) Trong năm Công ty đã phân loại lại quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khuôn đang chế tạo	4.159.388.342	6.215.402.642
Thiết bị đang hình thành	1.346.326.938	1.957.340.620
Công nghệ chuyển giao đang phát triển	1.111.625.000	376.740.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.617.340.280</b>	<b>8.549.483.262</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	12.874.373.611	-
Công cụ, dụng cụ	2.353.414.772	3.523.723.612
Chi phí trả trước dài hạn khác	735.712.514	1.965.889.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.963.500.897</b>	<b>5.489.613.575</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Tập đoàn đã thế chấp tiền thuê đất trả trước để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**12. VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	232.350.220.286	240.551.184.729
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	5.700.000.000	20.805.777.036
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>238.050.220.286</b>	<b>261.356.961.765</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**12. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Giá trị nguyên tệ	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 7, 8, 9 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	VNĐ 76.824.721.788	Đô la Mỹ 281.716	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	7,0 – 7,5	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc ; máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	VNĐ 5.938.572.437	Đô la Mỹ 281.716	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2014 đến ngày 29 tháng 5 năm 2014	4,1	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	VNĐ 27.805.641.484	Đô la Mỹ 104.671	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2014 đến ngày 27 tháng 6 năm 2014	7,0 – 7,5	Tiền thuê đất trả trước, nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	VNĐ 48.638.640.451	Đô la Mỹ 182.041	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	7,0 – 7,5	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VNĐ 1.152.455.194	Đô la Mỹ 54.671	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2014 đến ngày 26 tháng 3 năm 2014	4,1	
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VNĐ 25.142.268.409	Đô la Mỹ 1.192.707	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2014 đến ngày 28 tháng 4 năm 2014	3,8 – 4,1	Thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, và được bảo lãnh bởi Chủ tịch Cổ Gia Thọ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	VNĐ 11.639.433.837	Đô la Mỹ 45.141	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2014 đến ngày 23 tháng 4 năm 2014	7,0 – 7,5	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>232.350.220.286</b>	<b>1.529.094</b>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.2)	4.906.411.063	11.433.322.810
Thuế giá trị gia tăng	2.266.639.504	3.743.766.852
Thuế nhập khẩu	2.112.186.156	2.532.754.142
Thuế thu nhập cá nhân	773.175.874	776.841.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.058.412.597</b>	<b>18.486.685.600</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	14.888.670.999	10.864.554.134
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	1.889.661.558	8.509.383.788
Chi phí lãi vay	880.740.195	1.480.181.741
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	487.928.429	612.883.874
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	126.418.519	738.128.219
Khác	5.863.128.437	4.786.752.297
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.136.548.137</b>	<b>26.991.884.053</b>

**15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác trình bày trợ cấp thôi việc trích trước như được trình bày trong Thuyết minh 3.11.

**16. VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	16.975.000.776	32.372.677.872
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	5.700.000.000	20.805.777.036
Vay dài hạn	11.275.000.776	11.566.900.836



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**16. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn trả nợ	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 8)
	VNĐ		(%/năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn				
01/06/HĐ	16.975.000.776	18 lần hàng quý từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 1 tháng 4 năm 2016	12,2	Máy móc và thiết bị

Tập đoàn sử dụng tiền vay đáp ứng mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính hợp nhất Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ					VNĐ
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	176.500.000.000	145.866.873.000	18.553.251.402	15.272.347.958	121.693.549.776	477.886.022.136
Cổ phiếu phát hành trong năm	35.299.700.000	(17.649.850.000)	-	-	(17.649.850.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	100.153.290.243	100.153.290.243
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(17.650.000.000)	(17.650.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.026.567.948	4.026.567.948	(8.053.135.896)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.978.751.759)	(6.978.751.759)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.654.400.000)	(1.654.400.000)
Số cuối năm	211.799.700.000	128.217.023.000	22.579.819.350	19.298.915.906	169.860.702.364	551.756.160.620
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	211.799.700.000	128.217.023.000	22.579.819.350	19.298.915.906	169.860.702.364	551.756.160.620
Cổ phiếu phát hành trong năm	21.179.450.000	-	-	-	(21.179.450.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	116.562.564.459	116.562.564.459
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(21.192.866.000)	(21.192.866.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.007.665.000	5.007.665.000	(10.015.330.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.343.212.037)	(14.343.212.037)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.194.000.000)	(3.194.000.000)
Số cuối năm	232.979.150.000	128.217.023.000	27.587.484.350	24.306.580.906	216.498.408.786	629.588.647.042



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	211.799.700.000	176.500.000.000
Tăng trong năm	21.179.450.000	35.299.700.000
Số cuối năm	232.979.150.000	211.799.700.000
<b>Cổ tức</b>		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(21.179.450.000)	(17.649.850.000)
Cổ tức thanh toán bằng tiền	(21.192.866.000)	(17.650.000.000)
Trong đó:		
Cổ tức đã trả	(21.179.835.000)	(17.753.015.000)

**17.3 Vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	23.297.915	232.979.150.000	21.179.970	211.799.700.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	23.297.915	232.979.150.000	21.179.970	211.799.700.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	23.297.915	232.979.150.000	21.179.970	211.799.700.000

**18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (*)
Lợi nhuận thuần trong năm (VNĐ)	116.562.564.459	100.153.290.243
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	23.297.915	23.297.915
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	5.003	4.299

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2012 đã được điều chỉnh tăng 2.117.945 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu đã phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>1.430.683.066.402</b>	<b>1.242.119.995.157</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.111.248.104.697	999.013.454.765
Doanh thu bán hàng hóa	319.434.961.705	243.106.540.392
<b>Giảm trừ</b>	<b>(24.475.522.325)</b>	<b>(25.775.146.727)</b>
Trong đó:		
Thành phẩm bị trả lại	(18.084.517.613)	(18.808.141.110)
Hàng hóa bị trả lại	(6.391.004.712)	(6.967.005.617)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.406.207.544.077</b>	<b>1.216.344.848.430</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.093.163.587.084	980.205.313.655
Doanh thu bán hàng hóa	313.043.956.993	236.139.534.775

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.282.594.807	5.639.059.603
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.029.701.402	1.715.831.175
Lãi thanh lý khoản đầu tư	183.965.011	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	141.014.605	856.441.236
Cổ tức được chia	85.589.000	141.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.722.864.825</b>	<b>8.352.832.014</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.624.742.928	39.797.840.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.041.900.877	1.991.665.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	455.168	-
Hoàn nhập dự phòng	(536.973.197)	(1.388.646.981)
Khác	139.220.226	33.345.336
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.269.346.002</b>	<b>40.434.203.822</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>12.526.532.426</b>	<b>7.538.992.828</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	8.876.851.648	1.787.083.101
Thu từ bồi thường nguyên liệu hư hỏng	740.542.686	924.066.862
Nhận chiết khấu mua hàng từ năm trước	6.380.000	1.478.161.224
Khác	2.902.758.092	3.349.681.641
<b>Chi phí khác</b>	<b>(10.319.384.801)</b>	<b>(3.914.767.822)</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(7.578.414.667)	(2.136.608.243)
Giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(1.235.262.526)	-
Khác	(1.505.707.608)	(1.778.159.579)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.207.147.625</b>	<b>3.624.225.006</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	728.539.885.444	590.540.553.889
Chi phí nhân công	283.731.205.582	218.924.122.052
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	38.479.852.025	38.700.467.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.555.622.045	191.134.440.548
Chi phí khác	9.224.548.128	8.146.144.121
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.279.531.113.224</b>	<b>1.047.445.727.771</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tập đoàn là 25% lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Thiên Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo theo quy định hiện hành. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	41.337.020.300	43.726.681.466
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.307.455.350	941.630.137
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	5.342.891.267	(9.117.846.835)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.987.366.917</b>	<b>35.550.464.768</b>

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của năm tài chính khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>165.549.931.376</b>	<b>135.703.755.011</b>
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	7.186.843.054	9.358.745.250
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	4.382.753.700	9.260.181.249
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.202.167.346	6.401.461.576
Lỗi của các công ty con	602.579.522	4.569.099.930
Thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi	138.783.801	-
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(9.631.643.045)	7.942.423.264
Thay đổi chi phí trích trước	(4.995.252.968)	11.019.967.535
Cổ tức nhận được	(85.589.000)	(141.500.000)
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.492.584)	(236.156.512)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>165.348.081.202</b>	<b>183.877.977.303</b>
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	41.337.020.300	45.969.494.326
Thuế TNDN miễn trừ	-	(2.242.812.860)
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành sau miễn trừ</b>	<b>41.337.020.300</b>	<b>43.726.681.466</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	10.318.664.219	9.505.881.698
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.307.455.350	941.630.137
Thuế TNDN đã trả trong năm	(51.307.839.359)	(43.855.529.082)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>2.655.300.510</b>	<b>10.318.664.219</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	4.906.411.063	11.433.322.810
Thuế TNDN phải thu	(2.251.110.553)	(1.114.658.591)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VNĐ			
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.479.951.521	19.019.433.982	(4.539.482.461)	3.472.016.076
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.770.540.316	3.189.016.479	581.523.837	894.949.597
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.890.254.290	2.784.067.610	106.186.680	1.474.348.585
Chi phí phải trả	1.996.794.423	3.517.897.815	(1.521.103.392)	2.744.512.434
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	30.532.437	-	30.532.437	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(548.368)	-	(548.368)	(50.857.357)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-	-	696.857.000
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-	-	(113.979.500)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>23.167.524.619</b>	<b>28.510.415.886</b>		
<b>(Chi phí) lợi ích thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(5.342.891.267)</b>	<b>9.117.846.835</b>

**23.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi năm trước chuyển sang**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗi lũy kế của các công ty con là 6.955.945.137 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.353.365.615 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	VNĐ	
			Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
2010	2015	238.778.552	-	(238.778.552)
2011	2016	6.836.334.362	-	(2.814.599.175)
2012	2017	2.331.630.428	-	-
2013	2018	602.579.522	-	602.579.522
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.009.322.864</b>	<b>-</b>	<b>(3.053.377.727)</b>

Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho phần lỗi lũy kế còn lại trị giá 6.955.945.137 VNĐ của Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	3.458.000.000	1.882.400.000

Nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Giá trị	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Bên liên quan	Chi cổ tức Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.106.975.000	11.106.975.000

**25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị khoản thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	10.785.705.540	11.202.782.244
Từ 1 đến 5 năm	27.087.035.749	29.301.541.056
Trên 5 năm	9.514.939.930	23.240.001.452
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.387.681.219</b>	<b>63.744.324.752</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản nợ phải trả có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

**Độ nhạy đối với lãi suất (tiếp theo)**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

		VNĐ
	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	+100	(2.170.919.250)
USD	+50	(161.166.480)
VNĐ	-100	2.170.919.250
USD	-50	161.166.480
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	100	(2.019.007.343)
USD	50	(355.115.641)
VNĐ	-100	2.019.007.343
USD	-50	355.115.641

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị thuần hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua nguyên vật liệu và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua nguyên vật liệu và bán hàng hoá trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)

**Phải thu khách hàng** (tiếp theo)

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở đã trình bày và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể.

**Tiền gửi ngân hàng**

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Việc đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi chỉ được thực hiện với các ngân hàng đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày của báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là không đáng kể.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

VNĐ

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Vay	238.050.220.286	11.275.000.776	249.325.221.062
Phải trả người bán	51.642.641.606	-	51.642.641.606
Phải trả khác và chi phí phải trả	9.288.874.730	-	9.288.874.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.981.736.622</b>	<b>11.275.000.776</b>	<b>310.256.737.398</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Vay	261.356.961.765	11.566.900.836	272.923.862.601
Phải trả người bán	50.054.680.349	-	50.054.680.349
Phải trả khác và chi phí phải trả	16.007.614.128	-	16.007.614.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>327.419.256.242</b>	<b>11.566.900.836</b>	<b>338.986.157.078</b>

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã sử dụng các khoản hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và tiền thuê đất trả trước làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng (Thuyết minh số 12 và 16).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	80.808.000	(21.933.600)	1.843.637.989	(510.161.989)
Cổ phiếu niêm yết	3.565.000.000	(3.565.000.000)	3.850.000.000	(3.850.000.000)
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	27.120.000.000	(6.228.187.904)	33.119.924.383	(7.157.485.843)
Cổ phiếu chưa niêm yết	82.126.375.826	(881.701.986)	50.391.534.325	(318.794.669)
Phải thu khách hàng	1.594.024.569	-	2.079.127.105	-
Phải thu khác	176.449.511.864	-	151.264.484.956	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	<b>290.935.720.259</b>	<b>(10.696.823.490)</b>	<b>242.548.708.758</b>	<b>(11.836.442.501)</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>280.238.896.769</b>	<b>230.712.266.257</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay	249.325.221.062	272.923.862.601	249.325.221.062	272.923.862.601
Phải trả người bán	51.642.641.606	50.054.680.349	51.642.641.606	50.054.680.349
Phải trả khác và chi phí phải trả	9.288.874.730	16.007.614.128	9.288.874.730	16.007.614.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>310.256.737.398</b>	<b>338.986.157.078</b>	<b>310.256.737.398</b>	<b>338.986.157.078</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền trong tương lai sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý.

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



**Bùi Thị Cẩm Loan**

Người lập



**Hồ Ngọc Cảnh**

Kế toán trưởng



**Võ Văn Thành Nghĩa**

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014





The Number 1  
Stationery Group  
in Viet Nam

## THE TABLE OF CONTENT

<b>THE CHAIRMAN'S MESSAGE</b>	<b>01</b>
<b>I. OVERVIEW</b>	<b>03</b>
1. General information	03
2. Foundation and development	05
3. Product portfolio	06
4. Subsidiaries	07
5. Typical awards	09
6. Social responsibilities	13
7. Community activities	14
<b>II. REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT</b>	<b>15</b>
1. Remarks on the Company operations	16
2. Remarks on the Board of Directors' performance	17
3. Development plan and orientation	18
<b>III. REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS</b>	<b>21</b>
1. Financial and operation review	22
2. Investment review	29
3. Development plan	36
<b>IV. ORGANIZATIONAL STRUCTURES AND HUMAN RESOURCES</b>	<b>37</b>
1. Organizational structures	38
2. Human resources	46
<b>V. CORPORATE GOVERNANCE REPORT</b>	<b>49</b>
1. Operation activities of the Board of Management	50
2. Report of the Supervisory Board	52
3. Risk management report	54
4. Stock information	56
<b>VI. CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS</b>	<b>59</b>



## THE CHAIRMAN'S MESSAGE

"The Board of Management and I myself commit whole-heartedly to the sustained development of Thien Long".

### Dear Valued Shareholders,

On behalf of the Board of Management, I would like to send my sincere blessing of health and heartfelt gratitude to our loyal shareholders, valued customers, domestic and foreign partners, and employees for their continuing support, co-operation and faith in the Group for many years.

Thien Long Group successfully exceeded all key production and trading targets set for the year 2013 thanks to the Group's reliable long-established fundamentals, the effective leadership of the Board of Directors, as well as joint efforts of all individual Thien Long members.

In 2013, the Group continued to maintain the leading position in the domestic stationery market, being voted as "Vietnamese Enterprise That Has High Quality Products" for 18 consecutive years. In addition, Thien Long was honorably ranked in the Top 10 Viet Nam Golden Star in 2013, Viet Nam's Top 50 Performing Companies 2013, certified as 'Trust-Pro Brand 2013' by the Institute of Development Economics Research.

In addition to business achievements, Thien Long Group has always shown a strong sense of corporate social responsibility. With the message of "The Power of Knowledge", the Group's social and community contribution activities have been centred in education and training environment and characterized as profound humanity.

Facing tough economic challenges in 2013, Thien Long Group has stayed focused on the strategic directions set in the 2012 Annual General Meeting, strictly monitored the approved targets and thrived to achieve desirable results. Consequently, the Group has successfully and confidently sailed through the difficult time to grow further in 2013.

### Dear Valued Shareholders,

The Board of Management and I myself commit whole-heartedly to the sustained development of Thien Long. With your continuous and valuable support for the journey ahead, we are totally confident to overcome all challenges to win even greater success, lifting Thien Long to the new heights, creating more value added and making more contributions to the community.

Truly yours,

CO GIA THO



Chairman



# I. OVERVIEW

## 1

### GENERAL INFORMATION

**Company Name :** Thien Long Group Corporation

**Transaction Name:** Thien Long Group

**Stock code:** TLG

**Logo:**  THIÊN LONG  
SỨC MẠNH TRÍ THỨC

**Charter Capital:** VND 232,979,150,000

**Headquarters:** Lot 6-8-10-12, Road No. 3, Tan Tao Industrial Park,  
Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

**Telephone:** (84-8) 3750 5555

**Fax:** (84-8) 3750 5577

**Email:** info@thienlonggroup.com

**Website:** www.thienlonggroup.com

**Business Registration :**No. 4103003187, originally issued on 14/03/2005.

#### Business Scope

As the leading stationery brand in Viet Nam, Thien Long Group has a wide variety of products, including Writing Instruments, Office Supplies, School Supplies and Art Supplies. With the wide product range, the Group aims at best satisfying the needs of customers of all ages, from kindergarten, primary school, high school, universities...to office staff and managers.

#### Distribution System

The domestic distribution network embraces 63/63 provinces and cities nationwide with more than 135 distributors, approximately 46,000 selling points and 2 general warehouses in the North and South. For overseas markets, Thien Long products have been exported to over 40 countries worldwide.



#### Mission

Providing stationery and pens to serve studying activities and conquering peak of knowledge.

#### Core Value

Pioneering in technology and creativity to serve consumers with breakthrough products, together building a sustainably thriving Thien Long community of humanity.





# 2

## FOUNDATION AND DEVELOPMENT

2012  
2013

Charter capital was raised from VND 176,500,000,000 to VND 211,799,700,000 via share dividend and bonus shares in 2011; then to VND 232,979,150,000 through share dividend in 2012.

2008  
2011

The Company changed its name to Thien Long Group Corporation. TLG shares were listed on the HCMC Stock Exchange in 2010. Meanwhile, the charter capital was raised from VND 120,000,000,000 to VND 176,500,000,000.

2005  
2007

Thien Long Manufacturing & Trading Co., Ltd. was transformed into a joint stock company with a charter capital of VND 100,000,000,000 in 2005, and then up to VND 120,000,000,000 in 2006.

1996  
2004

Thien Long Manufacturing & Trading Co., Ltd. was formed in 1996, marking a new age with higher production, productivity and product quality standards.

1981  
1995

Thien Long was found, gradually diversified the product ranges, invested in advanced machinery and equipment and expanded the Company's market share nationwide.

# 3

## PRODUCT PORTFOLIO

### Writing Instruments (TL brand)

Together with the high-quality traditional ball point pens which have fostered the Group from the scratch to a giant in stationery industry, the Group has endlessly focused on research and development, product innovation and increasing product lines. Writing Instruments with various selections such as ballpoint pens, gel pens, roller ball pens are made from high quality materials, imported mainly from German and Switzerland.



### Premium Writing Instruments (Bizner Brand)

"Elegant", "sophisticated" and "unique" and are just three words to describe the new high class pen Bizner, specially designed for high income customers and businessmen. Despite being a new brand, Bizner has already been attracting attention and bringing satisfaction to customers.



### Office Supplies (FlexOffice brand)

Office Supplies including folders, files, markers, paper knives, whiteboard markers, permanent markers, highlighters, staplers, office papers, printing ink... are increasingly reliable and popular. In recent years, investments in Office Supplies have been prioritized in order to ensure product diversity and to bring convenience to customers.



### School Supplies (Ten Marks)

With necessary products including blackboards, chalk, rulers, pencil sharpeners, erasers, glue, compasses, scissors, notebooks...Thien Long provides all necessary school supplies to help students explore knowledge more easily and conveniently.



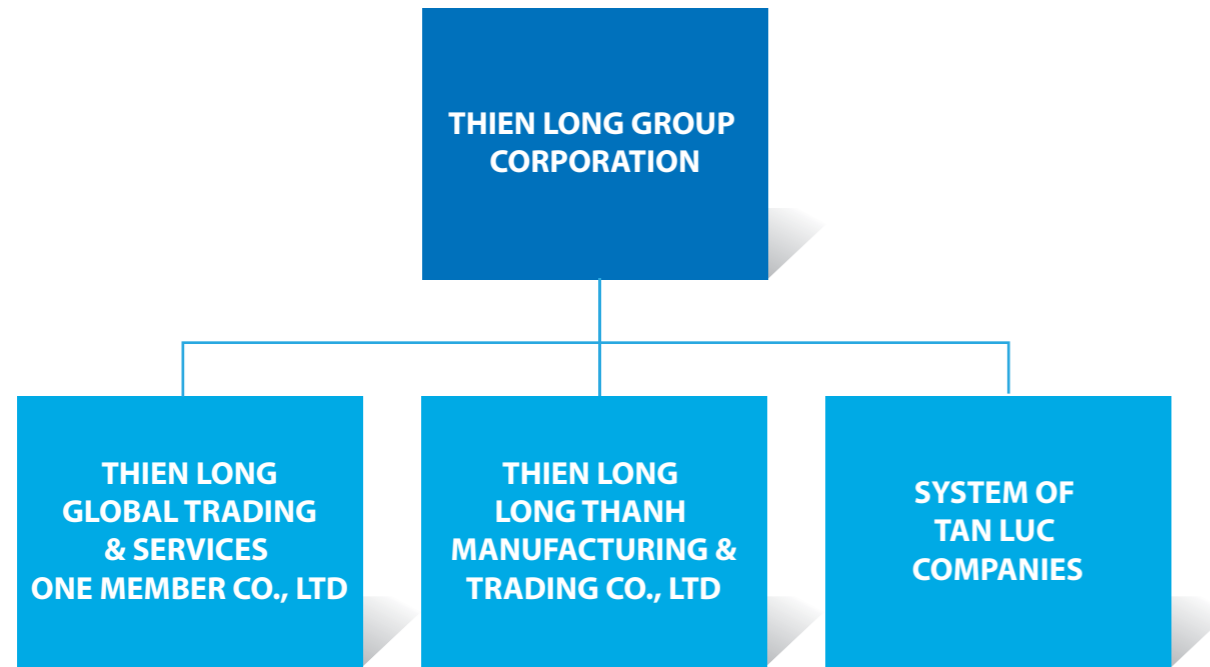
### Art Supplies (Colokit)

With the objective of "nurturing passion for learning", Thien Long's wide selections of art supplies, typically play dough, crayons, oil pastels, water colors, poster colors... are environment-friendly and non-toxic, making it possible for young children to unleash their imagination and creativity. Further marketing focus will be strategically directed onto Art Supplies in the upcoming years.



# 4

## SUBSIDIARIES



### List of Subsidiaries

No.	Name	Specialization	Headquarters	Charter Capital (VND)	% owned by the Group
01	Thien Long Long Thanh Manufacturing & Trading Co., Ltd.	Manufacturing and trading stationery	Road No. 7, Long Thanh Industrial Park, Dong Nai Province	80 billion	100%
02	Thien Long Global Trading & Services One Member Co., Ltd.	Trading and distributing stationery	Lot 6-8-10-12, Road No. 3, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City	20 billion	100%
03	Southern Tan Luc Trading & Services One Member Co., Ltd.	Trading stationery	19-21, Lot B, Truong Son St., Ward 15, District 10, Ho Chi Minh City	20 billion	100%
04	Northern Tan Luc Trading & Services One Member Co., Ltd.	Trading stationery	78, Bach Dang St., Thanh Luong Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi	10 billion	100%



### Thien Long Global Trading & Services One Member Co., Ltd.

Thien Long Global is the wholly-owned subsidiary with the total charter capital of VND 20 billion. This subsidiary pioneers the implementation of the strategic objectives to specialize and professionalize trading activities in the domestic market with TL, Bizner, Ten Marks and Colokit brands.

Despite tough economic conditions and prolonged declines in purchasing power as a whole, Thien Long Global reported the net revenue of over VND 1,140 billion in 2013, a 9.5% growth over 2012.

During the year, Thien Long Global succeeded in identifying and keeping ahead of new customer trends, aiding the Group in new product development, reinforcing and expanding its distribution network. In parallel with boosting sales in domestic market, Thien Long Global's assignment in supervising distributors, stores and supermarket chains is perceived as indispensable to the Group's sustained development.

### Thien Long Long Thanh Manufacturing & Trading Co., Ltd.

Located in Long Thanh Industrial Zone, Dong Nai Province, Thien Long Long Thanh has a charter capital of VND 80 million, 100% owned by the Group. Thien Long Long Thanh specializes in manufacturing office supplies and selected writing instruments for overseas markets.

With the strategic orientation to increase sale contribution from Office Supplies, Thien Long Long Thanh plays an increasingly important role to the Group long-term development. In 2013, its net revenue reached VND 363 billion, up by 9% compared to 2012.

Based on its potential advantages, Thien Long Long Thanh becomes the pioneer in effectively increasing the Group long-run production capacity.



### System of Tan Luc Companies

System of Tan Luc Companies consists of Southern Tan Luc Trading & Services One Member Co., Ltd and Northern Tan Luc Trading & Services One Member Co., Ltd with a total charter capital of VND 30 billion, 100% owned by the Group. Tan Luc focuses on business-to-business direct sales (B2B), online sales of FlexOffice products and advertisement-printing products sales.

In 2013, Tan Luc achieved net revenue of VND 209 billion, approximately 2.5 times the net revenue of 2012. Keeping ahead of new customer trends, gradually embracing all distribution channels, affirming the Group's dominant domestic market, Tan Luc will be an important momentum to pull the Group's development in the coming years.



# 5 TYPICAL AWARDS

“Viet Nam Gold Star 2013”

“Asian Famous Trademark 2013”

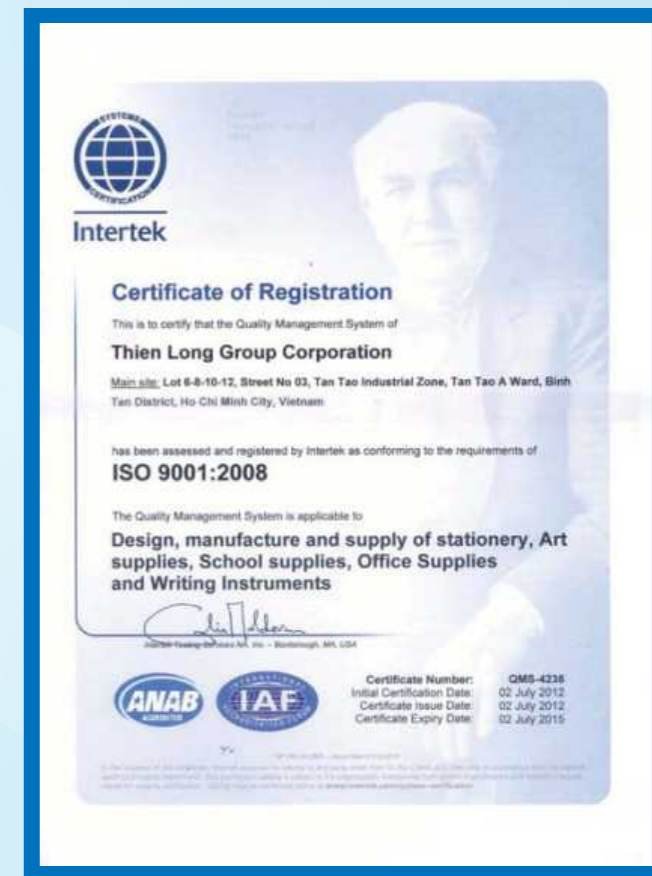
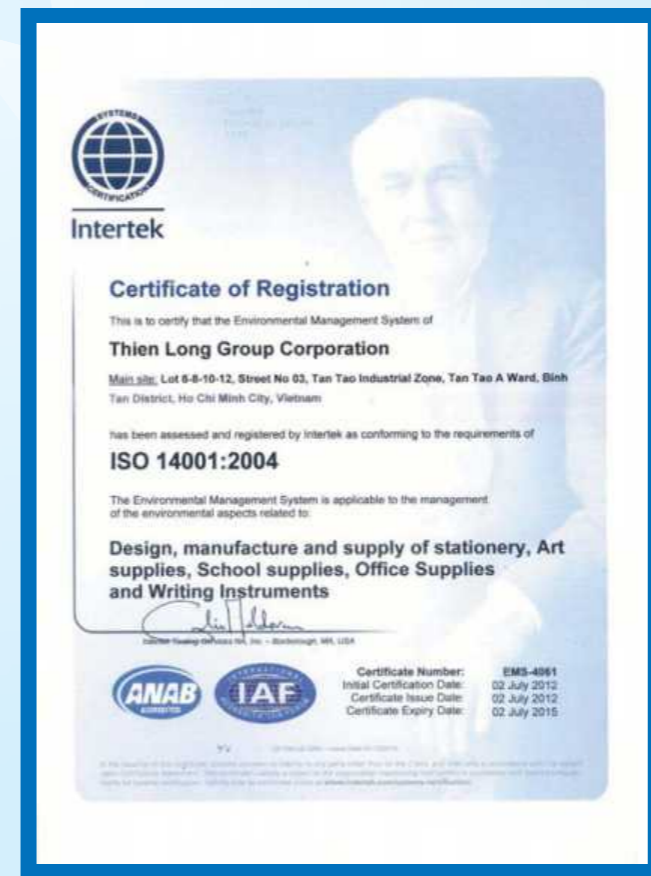
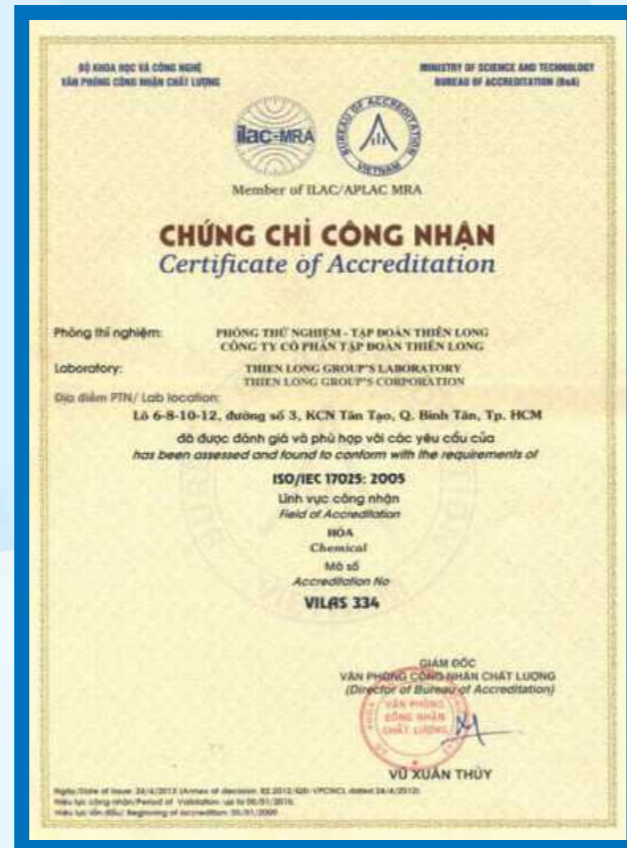
“Gold Trust for Quality 2013”



As the leading stationery manufacturer, Thien Long has been voted by customers as Viet Nam High-quality Products for 18 consecutive years since 1997. In 2013, Thien Long also received numerous awards and other prestigious certificates, such as “Gold Trust for Quality 2013”; “Trusted Quality Supplier 2013” and “Asian Famous Trademark 2013”. Thien Long was honorably to be one of the 17 enterprises that received the certificates of merit granted by the Ministry of Science and Technology for outstanding achievements in creative innovation. Besides, Thien Long was certified as “TrustPro Brand 2013” by the Institute of Development Economics Research and recognized to be a reputable exporter by the Ministry of Industry and Trade. These typical awards and certificates have expressly represented ample evidence of Thien Long’s ability to provide high-quality products for both domestic and foreign partners.

Furthermore, Thien Long was among the top 50 best Vietnamese listed companies listed by Forbes Magazine; ranked in Viet Nam’s Top 50 Performing Companies and awarded “Top 50 Business Leaders Salute – Mark of Respect 2013” by Nhip Cau Dau Tu (Investment Bridge) Magazine. In addition, Thien Long was granted many social responsibility awards, namely “In Nation’s Need” award for “University Entrance Exam Support” program; “Green Business” and was ranked in the Top Ten “Viet Nam Gold Star” and “Typical Enterprises of Social Responsibilities”.





# 6

## SOCIAL RESPONSIBILITIES

**With the message of “The Power of Knowledge”, Thien Long Group’s social and community contribution activities are centred in education and training environment.**

To ensure that Vietnamese and world-wide consumers are always satisfied with the wide selection of globally standardized and safe-for-health products, Thien Long’s organizational system of running business and manufacturing is currently operated based on the integration of five international management criteria including quality management; environmental management; health and working safety management; society commitment and laboratory control.

Health and safety are always taken into consideration when Thien Long launches each new product. The presence of Thien Long’s products in more than 40 countries undoubtedly confirms globally-standardized product safety, which is also one of the major competitive advantages of Thien Long brand.

With the message of “The Power of Knowledge”, Thien Long Group’s social and community contribution activities are centred in education and training environment. Thien Long not only makes valuable products that satisfy the needs of learners, but also formulates knowledge environment, facilitating everyone to obtain opportunities to explore knowledge.

# 7

## COMMUNITY ACTIVITIES



### University Entrance Exam Support

Since 2002, Thien Long, in co-operation with Ministry of Education and Training, Central Vietnamese Student Association, and Thanh Nien (Youth) Newspaper, has organized the program named “University Entrance Exam Supports”. The program is aimed at guiding, and relieving candidates’ burdens and worries of transporting and accommodation at their first time arriving in major cities to take part in the entrance exam. Thien Long has been engaged in this program for 12 executive years (2002-2013), supporting tens of thousands of students and their families during the entrance exam season.



### University Entrance Exam Consultancy

Thien Long, in co-operation with the Thanh Nien (Youth) Newspaper, has worked on the program “University Entrance Exam Consultancy” for many years in order to guide candidates in making the right choices for their university and professions. Counseling sessions are conducted at schools. Advisory information is accessible and ready in the form of guidebook or CD ROM. Along with the “University Entrance Exam Support” program, the “University Entrance Exam Consultancy” program has become an extremely helpful companion of students.



### Flood Victims Support

Every year, Thien Long provides material and spiritual support to people adversely affected by natural disasters in Central Viet Nam and other areas to help them overcome damages and quickly get back to their normal life.

In addition, Thien Long has worked on the programs that encourage learning and exploration of the world, such as Le Van Tam scholarship, “Learn and Play” with Thien Long, “Discover the Treasure of Knowledge”... Over 30 years in business, Thien Long wishes to convey the message of “The Power of Knowledge” to customers and communities, together building a sustainably thriving Thien Long community of humanity.



# II. REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT



## 1

### REMARKS ON THE COMPANY OPERATIONS

Net revenue  
increased by  
**15.61%**  
compared to 2012  
achieved  
**VND 1,406**  
billion

Profit before tax  
increased  
**21.99%**  
and profit after tax  
increased  
**16.38%**  
compared to 2012

The picture of the 2013 Viet Nam economy was painted with a mixture of bright and grey colors. On the bright side, Viet Nam's economic highlights included inflation under control, rising foreign exchange reserves, exchange rate stabilization. On the other side, the grey color of the country's economy remained with failure to achieve development goals. The GDP grew at only 5.42% in 2013, marking the third consecutive year below the 6% level, which is considerably low for a developing country like Viet Nam. Consequently, enterprises - the major driving forces of economic growth - continued to endure another difficult year. According to the General Statistics Office, approximately 60,737 enterprises dissolved or suspended their operations in 2013, up 12% from the previous year.

Meanwhile, the consumers' purchasing power remained low. Real growth rate of retail sales of goods and services for 2013 was only 5.6%, down 0.9% compared to 2012 and significantly lower than the average rate of 15% during the 2006 - 2010 period.

In 2013, the global economy has yet to shake out the crisis and was still facing broad range of challenges. The stationery industry was not an exception. According to the report covering the 450 globally largest stationery companies published by Plimsoll, a UK-based leading business analysis company, the industry average growth rate was -1.6% in the past year.

Being well prepared to deal with such challenges, the Group had already developed and timely launched its quality product range with strategically competitive prices well aligned with customers' demands. In the field of manufacturing, the Group enhanced automated production by manufacturing its own molds, machines and equipment to reduce cost and increase productivity. Meanwhile, the Group adopted advanced technologies that made it possible to further reduce manufacturing cost proactively.

Furthermore, making the best use of the current advantages of manufacturing, high qualified products, and especially Thien Long brand which has obtained trustworthy image in consumers' mind, the Group successfully boosted up sales activities at the business to business and retail sales channels, increasing even greater market coverage, affirming the Group's dominant position in the domestic market.

In parallel with increasing domestic market share, the Group continued to foster overseas market development. In 2013, the ratio of revenue from Thien Long brand names including Colokit and FlexOffice to total export revenue showed an impressive increase compared with 2012, marking the Group's significant milestone in establishing its own brand names in the international market.

At the same time, enterprise management continued to be given particular attention. Thien Long has further deployed applying ERP - SAP system in order to economize the Group operation expenses, increasing productivity, optimizing inventory, effectively and efficiently improving other aspects of enterprise management.

As a reward, the Group achieved the net revenue of over VND 1,406 billion in 2013, representing a sharp increase of 15.61% compared to the previous year. Profit before tax and profit after tax increased by 21.99% and 16.38% respectively over 2012 while efficiency ratios including Return on Asset (ROA) and Return on Equity (ROE) continued to rise.



# 2

## REMARKS ON THE BOARD OF DIRECTORS' PERFORMANCE

### The Board of Directors in conquering new-heights and making Thien Long Group a leading stationery Group in the region

The 2013 accomplishments have proved continuous effort, innovation of the Board of Directors in conquering new-heights and making Thien Long Group a leading stationery Group in the region.

The Group succeeded in overcoming current economic obstacles while at the same time made significant and effective investment for the future. It is the commitment and exertion for continuous improvement of each and every staff together with the fully capable Board of Directors who have united and been dedicated to work for Thien Long Group that created the value of sustainability.

With such values and achievements, the Board of Management strongly believe that the Group will succeed in the business plan for 2014.



# 3

## DEVELOPMENT PLAN AND ORIENTATION

### Strategic Targets

## Becoming a market leader in Viet Nam



## Southeast Asia

The Board of Management shall present the 2014 targets at the upcoming Annual General Meeting as follows:

Net revenue <b>VND 1,600 billion</b>	Profit after tax <b>VND 130 billion</b>	Dividend <b>20%</b>
---	--	------------------------

### STRATEGIC TARGETS:

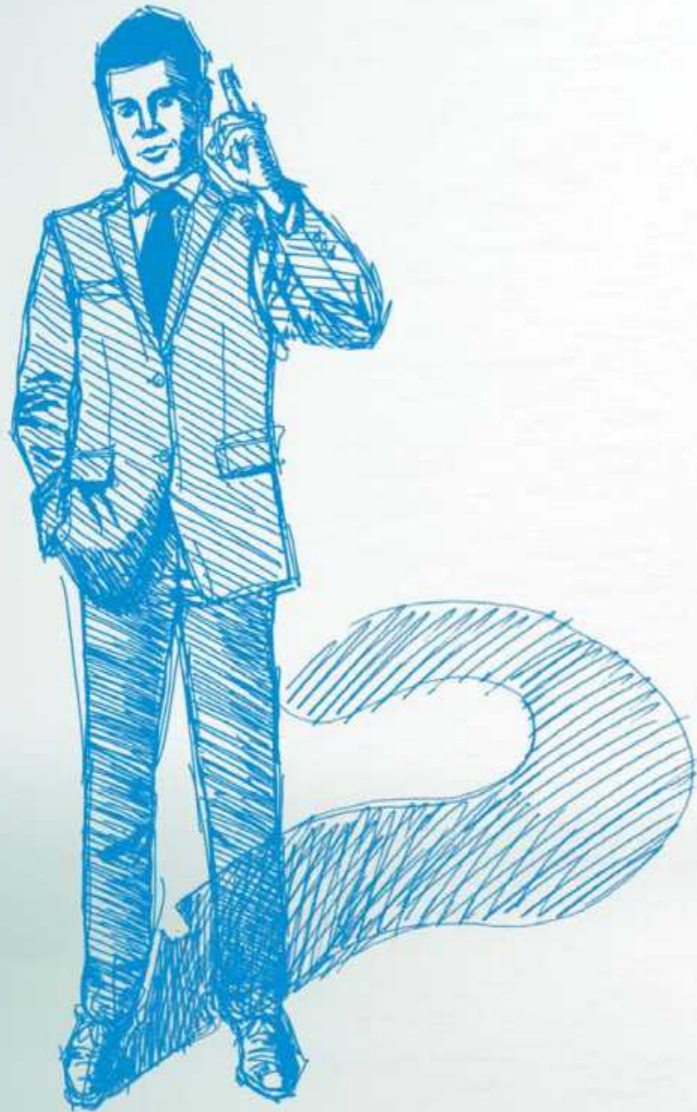
1. Becoming a market leader in Viet Nam and Southeast Asia
2. Professionalizing and automating manufacturing
2. Developing all domestic trade channels and international business
4. Becoming one of the companies that provide employees with the best working environment, customers with the highest benefits, and the Group itself and shareholders with the most profitability.

### Development Strategy Orientation:

- Moving forwards to become a market leader in Asia in general and Southeast Asia in particular
- Concentrating on international business to penetrate global market (developing co-manufacturing products and expanding export market)
- Diversifying products categories based on co-manufacturing products, fostering domestic market share expansion
- Concentrating on manufacturing automation, aiming at enhancing production capacity and productivity of the Group-owned factories, perfecting and heightening product quality
- Adopting advanced technologies to reduce costs while increasing competitiveness.



“ Tomorrow is a new blank page. Write a good one ”



Concept  
Creation  
Teamwork  
Project  
Business  
Strategy  
Success





# III. REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS



## 1

### FINANCIAL AND OPERATION REVIEW

**Profit after tax exceeded the 2013 target by 5.97%**

Over three decades in operation, Thien Long has grown from a family-run business into a dominant company in the stationery industry. Inheriting and promoting key success factors, consistently pursuing the Group long-term strategy with appropriate change management, Thien Long Group succeeded in making remarkable operating results in 2013 while at the same time accomplished its targets in branding, market and manpower development.

In 2013, the Group's net revenue reached VND 1,406 billion, up 15.61% compared to 2012 and achieved 100% target. Profit after tax amounted to VND 116.56 billion, which represented a remarkable increase of 16.38% compared to 2012 and exceeded the 2013 target by 5.97%.

*Currency: thousands of VND*

KEY FINANCIAL INFORMATION	2011	2012	2013
Net revenue	1,043,592	1,216,345	1,406,208
Gross margin	39.45%	37.68%	36.79%
Expenses (finance, selling, general and admin)	311,880	334,585	363,752
Expenses/ net revenue	29.88%	27.51%	25.87%
Profit before tax	108,251	135,704	165,550
Profit after tax	80,531	100,153	116,563
Profit after tax/ Net revenue	7.72%	8.23%	8.29%
Total assets	949,886	962,581	1,009,189
Total equity	477,886	551,756	629,589
Total equity/total assets	50.31%	57.32%	62.39%
Earnings per share (VND)*	3,457	4,299	5,003

(\*) Earnings per share (EPS) is presented in accordance with Vietnamese Accounting Standards (VAS 30); the number of shares in circulation before share issues from owner equity to be restated as if it had happened from the beginning of the reporting period

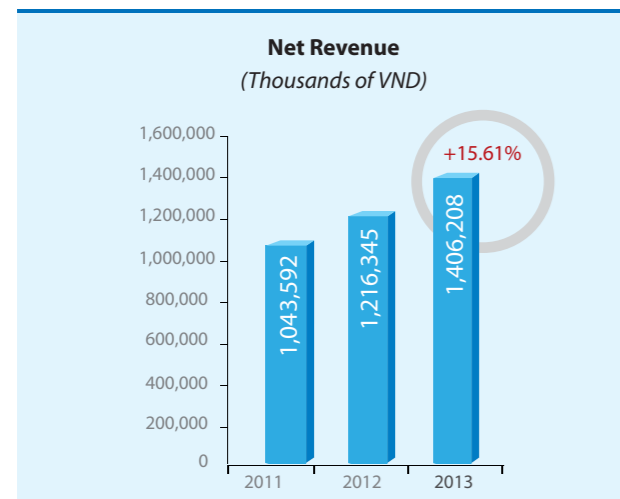
ANNUAL GROWTH	2011	2012	2013	Average
Net revenue	28.31%	16.55%	15.61%	20.16%
Profit before tax	15.82%	25.36%	21.99%	21.06%
Profit after tax	13.25%	24.37%	16.38%	18.00%
Total assets	26.29%	1.34%	4.84%	10.82%
Owner's equity	22.05%	15.46%	14.11%	17.21%



## Revenue growth

Notwithstanding the slowdown in the economy and a drop in purchasing power, Thien Long maintained a net revenue growth rate of 15.61% in 2013. Besides well-established writing instrument products, other product lines including office, school and art supplies were gradually gaining footholds in the market with rapid revenue increase every year.

With significant emphasis on product research and development, Thien Long Group continued to succeed in 2013 by staying focused on customers and evolving to meet their needs by providing wide product selections in high quality.



### Writing Instruments (TL, Bizner)

Writing instruments are strategic product lines that contributed significantly to the development of the Group with over 65% domestic market share. In 2013, the Group earned VND 722,509 million from this product line, up VND 58,564 million compared to 2012. Besides "TL" branded products, the Group launched "Bizner" premium pens, specially targeted high income customers.

To reach out to the international market, the Group focuses its efforts on quality improvement and cost reduction to successfully compete against the well-known brands.

### Office Supplies (FlexOffice)

The ratio of office supplies to total revenue increased from 27.27% in 2012 to 29.02% in 2013 and is expected to increase even further in the coming years.

In 2013, the Group earned the net revenue of VND 408,113 million from this product line, an increase of VND 76,441 million compared to 2012. Thanks to this remarkable growth, the net revenue increase of office supplies made up as much as 40% of total net revenue increase during the year.

### School Supplies (Ten Marks)

School supplies achieved an impressive growth rate, which was highest among four product lines in 2013, thanks to the successful penetration into schools and the introduction of new products. With a growth rate of 37.89%, its net revenue reached VND 157,857 million in 2013. Its potential growth is expected to remain high, largely due to high population growth rate and young population in Viet Nam.

### Art Supplies (Colokit)

In 2013, this product line achieved a growth rate of 10.81%, or VND 117,729 million, accounting for 8.37% of total revenue. With the introduction of washable colors, Colokit is becoming increasingly popular. It is expected to achieve higher growth rate in coming years.

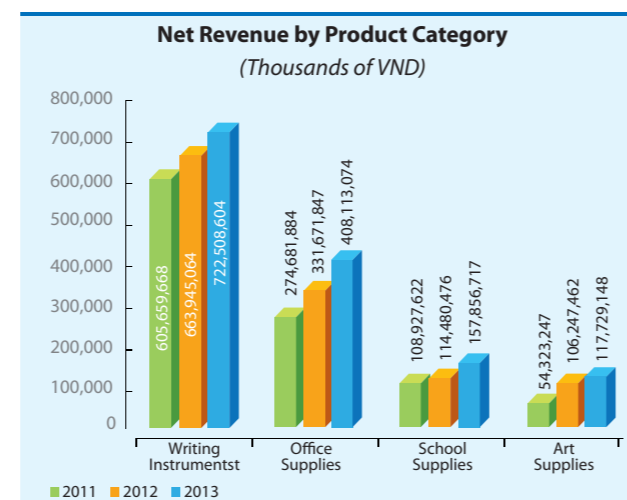
#### Proportion of each product category in total net revenue

Categories	2011	2012	2013
Writing Instruments	58.04%	54.59%	51.38%
Office Supplies	26.32%	27.27%	29.02%
School Supplies	10.44%	9.41%	11.23%
Art Supplies	5.20%	8.73%	8.37%
<b>Total</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### Growth as compared to previous year

Categories	2011	2012	2013
Writing Instruments	17.45%	9.62%	8.82%
Office Supplies	45.60%	20.75%	23.05%
School Supplies	57.68%	5.10%	37.89%
Art Supplies	35.92%	95.58%	10.81%

#### Revenue comparison by product category



## Cost of goods sold and expenses

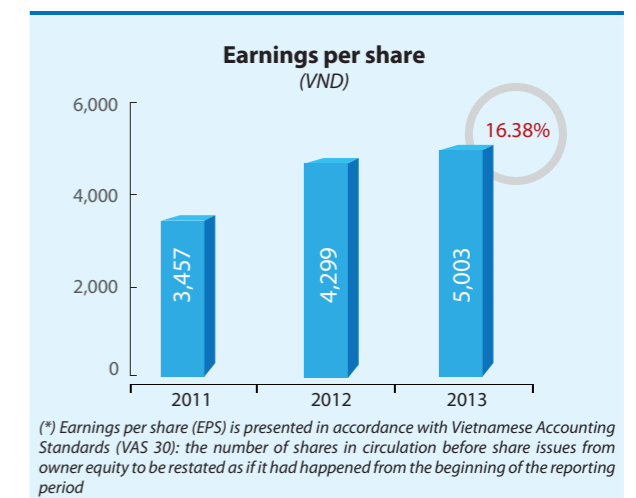
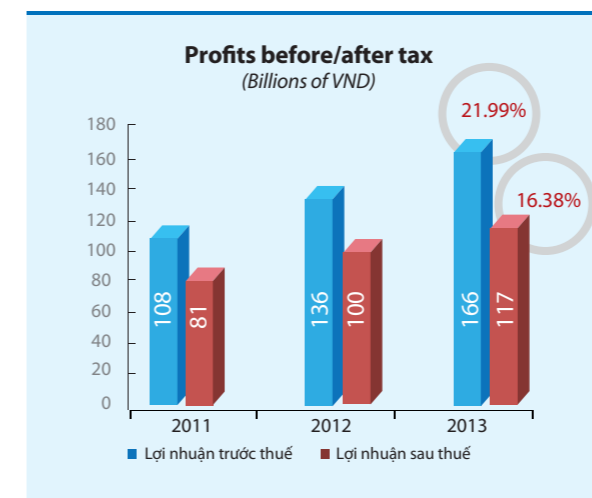
Thanks to the reduction in the Group borrowings and lending rates, the Group financial expenses dropped to VND 15,165 million, or 37.51%, compared to 2012. Thereby, the ratio of financial expenses to net revenue reduced to 1.80%.

On the other hand, the ratio of cost of goods sold and other operating expenses over net revenue remained relatively stable. Thus, the ratio of total costs to net revenue reduced to 89.08% in 2013, showing a marginal improvement from the ratio of 90.43% and 89.83% in 2011 and in 2012 respectively.

Financial Ratios	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Cost of goods sold/ Net revenue	60.55%	62.32%	63.21%
Expenses/ Net revenue, in which:	29.88%	27.51%	25.87%
<i>Selling expenses/ Net revenue</i>	12.61%	12.85%	13.63%
<i>General and Administration Expenses/ Net revenue</i>	11.05%	11.34%	10.44%
<i>Financial expenses/ Net revenue</i>	6.22%	3.32%	1.80%
Total cost and expenses/ Net revenue	90.43%	89.83%	89.08%

## Profits

Net profit has been approximately 8% of revenue over the past few years. In order to maintain that stable profit margin, the Group has applied a wide range of actions such as tight control over production and operating costs. The operating costs increased year on year but was still within the safe limit set by the management. Besides, Return on Asset (ROA) and Return on Equity (ROE) ratios grew to 11.82% and 19.73%, respectively, highest ever recorded over the past five years (2009 – 2013). Earnings per share (EPS) reached VND 5,003 per share, a considerable increase compared with the previous years.



## Financial Ratio Analysis

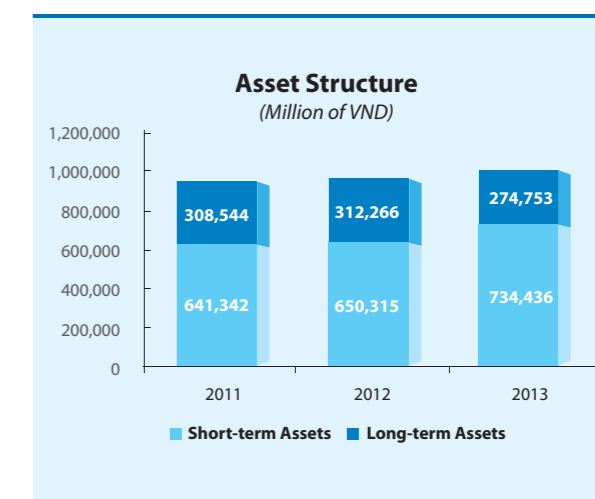
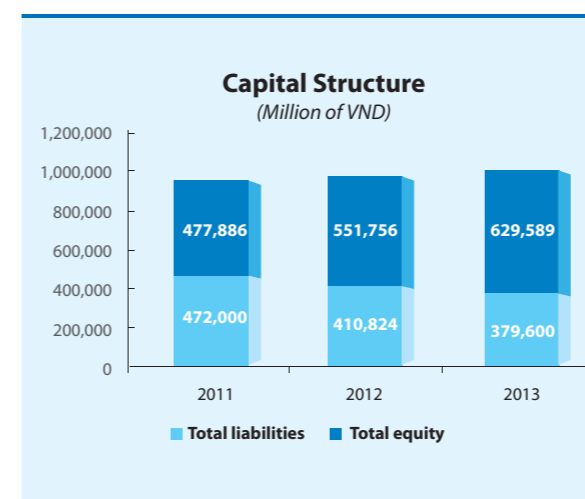
No.	Financial Ratios	Unit	2011	2012	2013
<b>1</b>	<b>Assets structure</b>				
	- Long-term assets/Total assets	%	32.48%	32.44%	27.23%
	- Short-term assets/Total assets	%	67.52%	67.56%	72.77%
<b>2</b>	<b>Capital structure</b>				
	- Total liabilities/Total equity	%	98.77%	74.46%	60.29%
	- Total liabilities/Total assets	%	49.69%	42.68%	37.61%
<b>3</b>	<b>Solvency</b>				
	- Quick ratio	times	0.38	0.59	0.80
	- Current ratio	times	1.48	1.69	2.10
<b>4</b>	<b>Profitability ratio</b>				
	- Net profit/Owner's equity	%	18.52%	19.45%	19.73%
	- Net profit /Total assets	%	9.46%	10.47%	11.82%
	- Operating profit/Net revenue	%	10.47%	10.86%	11.62%
	- Net profit /Net revenue	%	7.72%	8.23%	8.29%
<b>5</b>	<b>Turnover</b>				
	- Inventory turnover	Turnover	1.55	1.68	2.02
	- Asset turnover	Turnover	1.23	1.27	1.43

During the year, the Group focused intensively on restructuring assets, utilizing the existing equipment and machinery in order to increase production levels while being able to defer large capital investment commitment. The total assets and fixed asset turnovers have been steadily increasing since 2009. Especially the fixed asset turnover has doubled compared to 2009.

Financial Ratios	Unit	2009	2010	2011	2012	2013
Fixed asset turnover	Turnover	2.92	3.48	4.19	4.91	6.11
Total asset turnover	Turnover	1.10	1.20	1.23	1.27	1.43

Strong financial performance and strong cash flow enabled the Group to reduce outstanding bank loans. Short-term loans decreased by VND 23,307 million, which enabled both quick and current ratios to rise significantly. The Group expects to continue the optimization of working capital and asset turnover to maintain high solvency and efficiency, while at the same time provide production and business with adequate working capital.

In addition to a decline of outstanding loans, the Group's cumulative profit rose sharply. In 2013, the ratio of total liabilities to total assets decreased to 37.61%, compared to 42.68% and 49.69% in 2012 and 2011 respectively.



## CashFlow

Currency: thousands of VND

Cash Flow	2011	2012	2013
Cash flows from operating activities	-44,146	195,797	79,357
Cash flows from investing activities	-52,361	-37,807	-9,396
Cash flows from financing activities	140,020	-87,483	-44,777
Net Increase in cash and cash equivalent	43,513	70,507	25,184

The Group generated positive net cash flow from its business operations, regardless of economic difficulties in 2013. Thanks to its cash flow of VND 79,357 million, the Group had sufficient fundings for machinery and equipment, paying dividends, reducing loans, while at the same time accumulating capital and improving solvency ratios.



“ The best preparation for good work tomorrow is to do good work today ”



Strategically moving further toward automated production, the Group has been manufacturing its own modern equipment so as to improve the Group production capacity proactively and effectively.

### Product Research and Development

Started as a family-owned business, Thien Long has now become a giant leading stationery group thanks to its ongoing investment in research, development and innovation, which has also enabled the Group to overtake other competitors in Southeast Asia and gradually keep up with Japan in the field of stationery.

Each year, Thien Long introduces dozens of new products, 20% of which are brand-new. In 2013, the Group continued to pursue creative innovation by releasing many breakthrough products, such as advanced school supplies and art supplies with superior environment-friendly washable ink that first presents in Viet Nam.



### Production technology development

Strategically moving further toward automated production, the Group has been manufacturing its own modern equipment so as to improve the Group production capacity proactively and effectively.

Specifically, both production and revenue increased significantly in 2013 but the number of employees remained virtually unchanged compared to 2012. In 2013, the Group achieved the revenue of VND 1,406,208 million while it had 2,969 employees in total, equivalent to VND 473 million in revenue per capita on average, an impressive increase of nearly 15% compared to 2012.

Furthermore, the Group has designed and developed its own molds instead of importing expensive ones from high-technology nations in order to reduce costs while improving production capacity in the coming years. As an important step taken towards gradual self-provision of input materials, the Group has put a high priority on research, transfer and adoption of ink production technology.

### Domestic distribution system development

In 2013, apart from reinforcing traditional distribution channels, supermarkets and bookstores, Thien Long Group continued to develop the business-to-business (B2B) sales channels and retail sales channel nationwide in order to grasp all identified opportunities of increasing market coverage and penetration.

### International market development

Following the remarkable export revenue growth over the past few years, the Group has timely turned more focus towards sustainable export growth. This has been strategically implemented by increasing the export volume of Thien Long products under FlexOffice and Colokit brands. As a result, the revenue contribution from FlexOffice and Colokit products to total export revenue rose from 43% in 2012 to 53% in 2013.

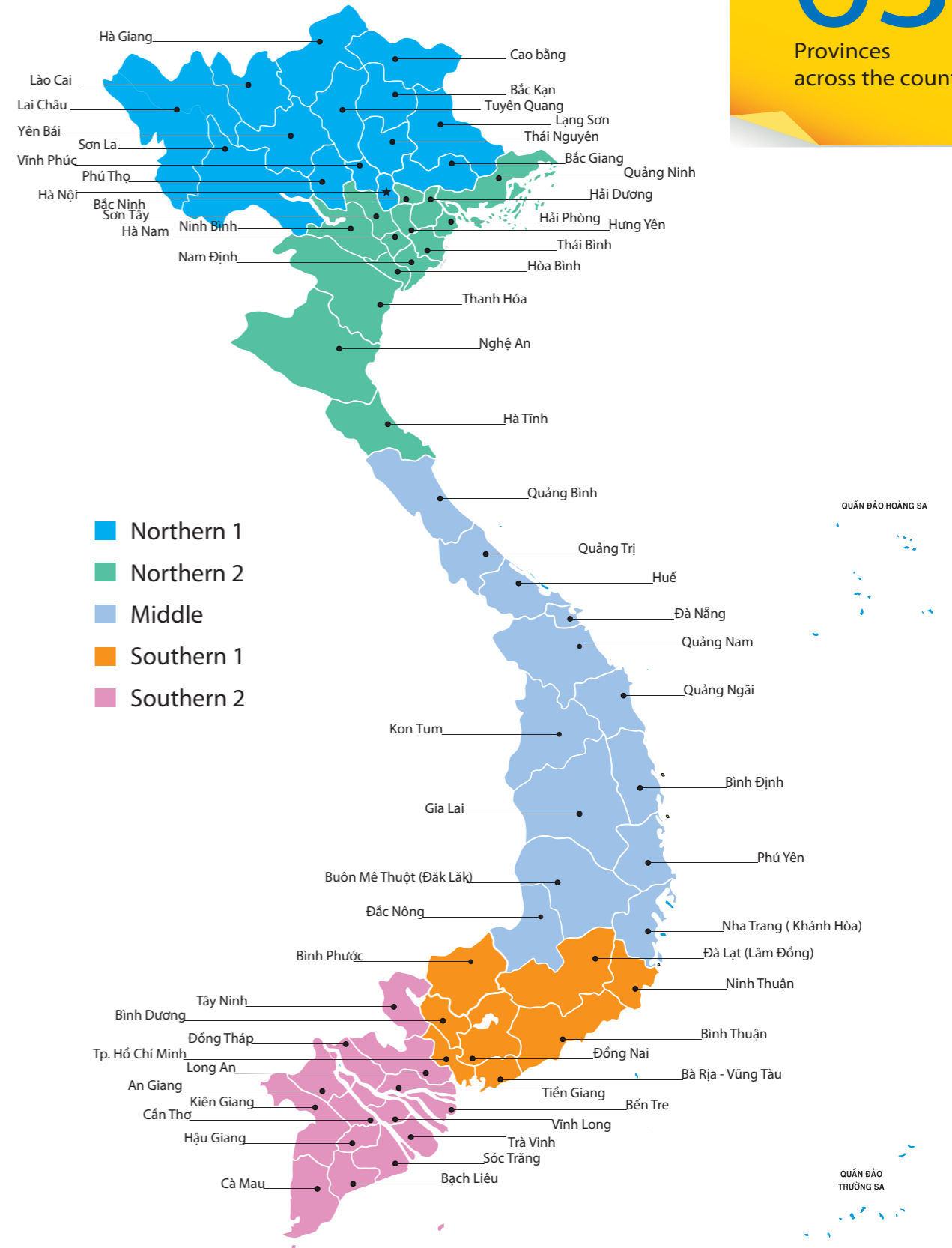
Although the total export revenue did not remarkably increase compared with 2012, the export revenue from FlexOffice and Colokit products grew significantly. Specifically, FlexOffice and Colokit products contributed approximately USD 3.5 million to the Group's total export revenue.



Investment in developing domestic distribution system



63  
Provinces  
across the country



40  
Countries  
around the globe



Exhibition in Germany



Exhibition in England



Exhibition in Japan



Exhibition in Philippines



*With the objective of increasing production capacity to satisfy the needs of target customers and prospects, both domestic and international*



### 3

## DEVELOPMENT PLAN

With the objective of increasing production capacity to satisfy the needs of target customers and prospects, both domestic and international, the Group has the plan to increase the Group production capacity in the existing factory in Tan Tao Industrial Park, Ho Chi Minh City and in Long Thanh Industrial Park, Dong Nai Province. The basis for the project includes:

- The firm foundation that the Group has established and developed for over 30 years
- The Group's strong financial positions and cashflow accumulated in recent years
- The production capacity that has been almost utilized and consumption that is expected to increase significantly
- Achievements during 2012 – 2013, ranging from product research and development to modernized production technology and process, from improved staff productivity to the management capacity, from domestic and overseas development in both width and depth.

The project is expected to meet the increasing demand for all four Group product categories, which is forecast to go up by around 15% of net revenue per year over the next few years.

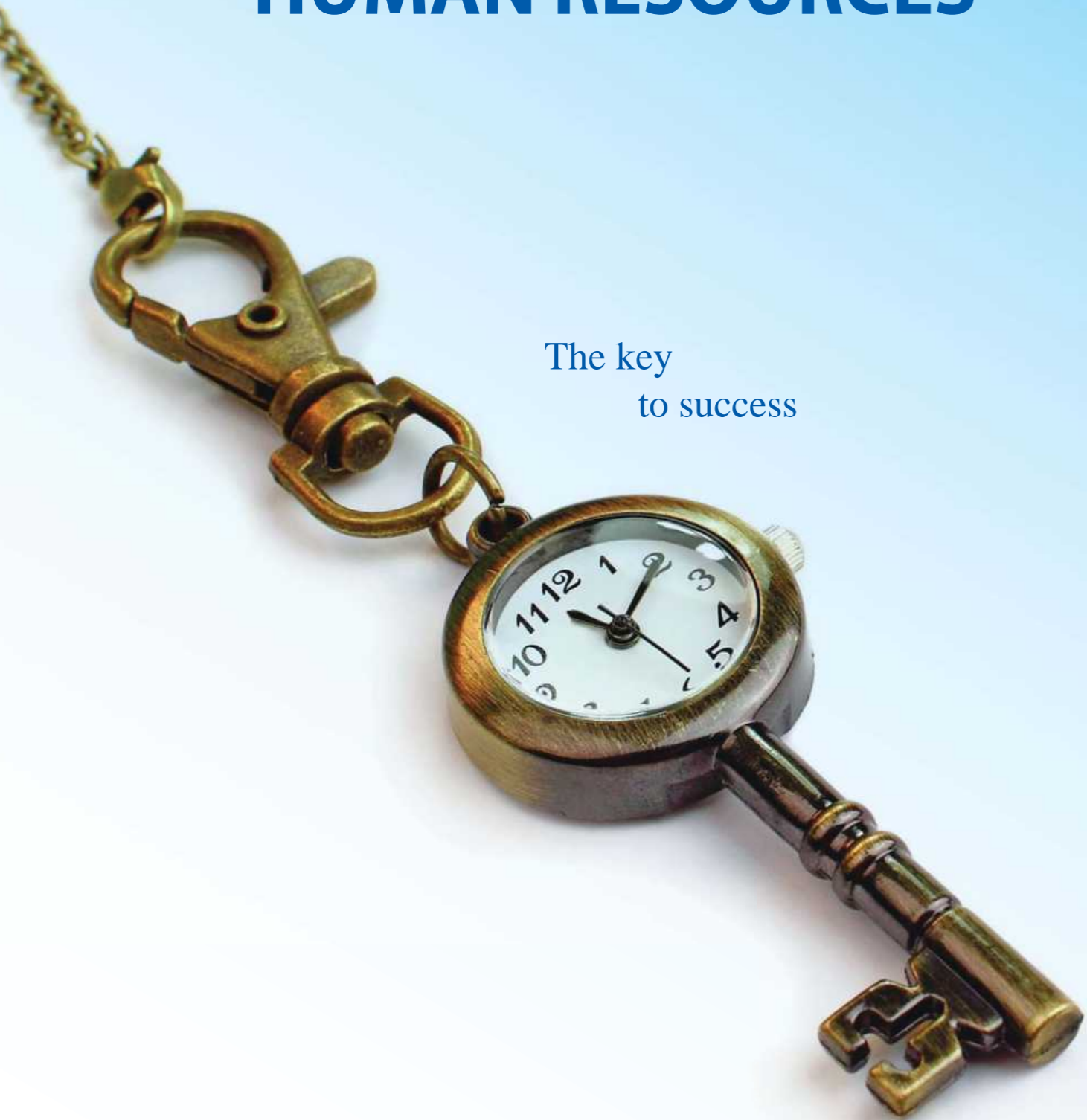
In addition, the Group is orientated towards gradual self-provision of input materials, continues to further develop ink production technology, which aims at meeting the ink demand for the Group's wide diversity of products, including permanent marker ink, chalk marker ink, highlighter ink, gel pen ink...

As for enterprise management, the Group continues to invest in ERP-SAP system in order to optimize the application of advanced management software on planning, evaluation and control, thereby boost up the Group operational efficiency.



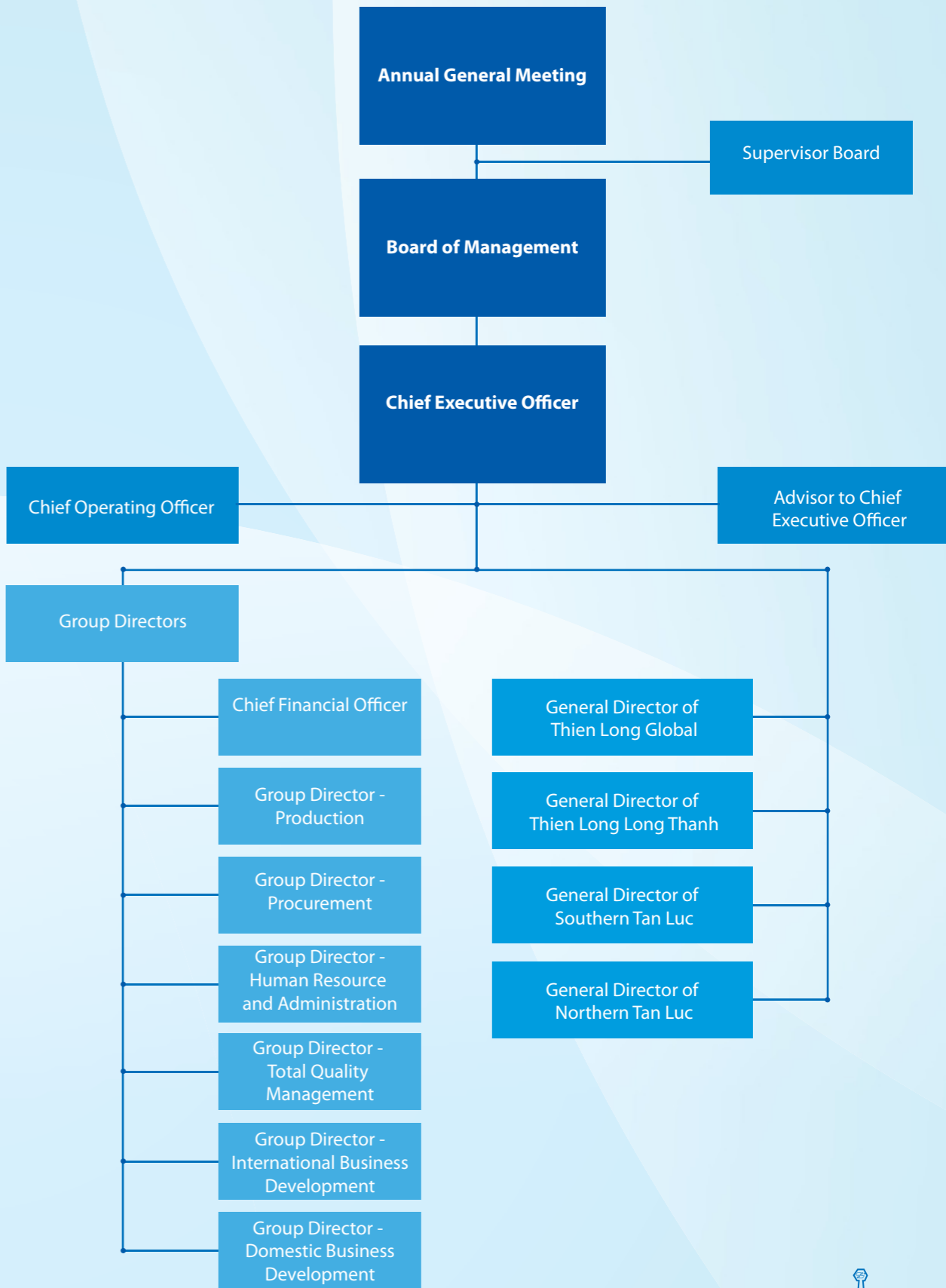


# IV. ORGANIZATIONAL STRUCTURES AND HUMAN RESOURCES



The key to success

## 1 ORGANIZATIONAL STRUCTURES



# THE BOARD OF MANAGEMENT



**Mr. CO GIA THO**  
*Chairman*

**Summary**

1981 – 1996: Founder and Owner of Thien Long Company  
1996 – 2003: Vice President of HCMC Young Business People Association (YBA)  
2003 – 2008: Chairman and CEO of Thien Long Group  
2008 – present: Chairman of BOM - Thien Long Group

**Other BOM member**

Chairman of BOM cum CEO of Thien Long An Think Investment JSC



**Mr. TRAN KIM THANH**  
*Vice Chairman - Independent Member of BOM*

**Summary**

1993 – present: Chairman and CEO of Kinh Do Investment Co., Ltd.  
2008 – 2009: Member of BOM - Thien Long Group  
2009 – present: Vice Chairman BOM - Thien Long Group

**Other BOM member**

Chairman of BOM - Kinh Do Corporation  
Chairman of BOM - Kinh Do Land JSC



**Mr. TRAN LE NGUYEN**  
*Independent Member of BOM*

**Summary**

1985 - 1990: Do Thanh Confectionery  
1990 - 1991: District 1 Food Processing Factory  
1992 - present: CEO of Kinh Do Corporation  
2008 - present: Member of BOM - Thien Long Group

**Other BOM member**

Vice Chairman of BOM - Kinh Do Corporation  
Member of BOM - Kinh Do Land JSC



**Mr. HUYNH VAN THIEN**  
*Independent Member of BOM*

**Summary**

1977 - 1982: Viet Nam People's Army – General Political Department  
1982 - 1987: Journalist - Tuoi Tre Newspaper  
1988 - 1989: HR Manager of Dan Sinh Market Company  
1989 - 1993: Vice Director of HCMC Trading and Service Company  
1993 - 2008: Chairman of BOM - Vietnam Lubricants and Chemicals JSC (Vilube)  
2006 - 2010: Chairman of VietCapital Fund (VCF)  
2006 - 2012: Member of BOM - VietCapital Asset Management (VCAM)  
2008 - 2013: Member of BOM - Euro Auto Company (BMW)  
2008 - present: Member of BOM - Thien Long Group

**Other BOM member**

Chairman of BOM - Viet Land Capital  
Chairman of BOM - Viet Land Development Corp



**Ms. TRAN THAI NHU**  
*Member of BOM*

**Summary**

2000 - 2008: Assistant to General Director - Thien Long Manufacturing and Trading Company  
2008: General Director of Thien Long Long Thanh  
2009: Advisor to the Board of Directors - Thien Long Group  
2009 – present: Member of BOM - Thien Long Group



**Ms. CO NGAN BINH**  
*Member of BOM*

**Summary**

1981 - 2001: Production Supervisor - Thien Long Company  
2002 - 2003: Assistant Manager - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2004 - 2005: Manager of TQM - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2005 - 2006: Assistant to Managing Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2008: Head of Construction Committee - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - present: Member of BOM - Thien Long Group



**Dr. VO VAN THANH NGHIA**  
*Member of BOM*

**Summary**

1989 - 2007: Ernst & Young, BRL Hardys, Saigontourist, Service Company to Foreign Missions (FOSCO), Nguyen Kim Trading JSC, Viet Nam Marketing Association...  
2008 - Apr 2012: Chief Executive Officer of Thien Long Group  
May 2012 - present: Member of BOM cum Chief Executive Officer of Thien Long Group



**Ms. CO CAM NGUYET**  
*Member of BOM*

**Summary**

1993 - 2006: Treasurer of Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2008: Member of BOM - Investment Executive - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - present: Member of BOM - Investment Executive - Thien Long Group



**Mr. TRAN VAN HUNG**  
*Independent Member of BOM*

**Summary**

1993 - 2006: Managing Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2008: General Director - Northern Thien Long JSC  
2008 - 2009: Advisory to the Board of Directors - Thien Long Group  
2009 - 2010: Head of Supervisory Board - Thien Long Group  
2010 - 2012: Head of Internal Audit - Thien Long Group  
January 2013 - April 2013: Advisor to CEO - Thien Long Group  
May 2013 - present: Member of BOM cum Advisor to CEO - Thien Long Group

Ms. CO NGAN BINH



## THE BOARD OF DIRECTORS





**Dr. VO VAN THANH NGHIA**  
**Chief Executive Officer**

**Summary**

1989 - 2007: Ernst & Young, BRL Hardys, Saigontourist, Service Company to Foreign Missions (FOSCO), Nguyen Kim Trading JSC, Viet Nam Marketing Association...  
2008 - Apr 2012: Chief Executive Officer of Thien Long Group  
May 2012 - present: Member of BOM cum CEO of Thien Long Group



**Mr. NGUYEN DINH TAM**  
**Chief Operating Officer cum Group Director - Production**

**Summary**

1996 - 1997: Production Manager - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
1997 - 2000: Deputy General Director - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2000 - 2001: Deputy Director of Technical - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2002 - 2008: Director of Research and Development - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - 02/2013: Group Director of Production - Thien Long Group  
02/2013 - present: Chief Operating Officer cum Group Director of Production - Thien Long Group



**Mr. PHAN NHUT PHUONG**  
**Group Director - Procurement**

**Summary**

1994 - 1994: Maintenance Worker - Saigon Ford Co., Ltd.  
1995 - 1996: Sales Executive - Formosa Company  
1996 - 1998: Import and Export Executive - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
1998 - 2001: Deputy Manager of Sales - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2002 - 2008: Director of Procurement - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - present: Group Director of Procurement - Thien Long Group



**Mr. HO NGOC CANH**  
**Chief Financial Officer cum Chief Accountant**

**Summary**

2002 - 2004: General Accountant - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2005: Chief Accountant - Thien Long Manufacturing and Trading JSC - Hai Phong Branch  
2005 - 2010: General Accountant - Thien Long Group  
2010 - 2012: Chief Accountant - Thien Long Group  
2012: Chief Financial Officer cum Chief Accountant - Thien Long Group



**Mr. BUI VAN HUONG**  
**Group Director - Human Resource and Administration cum Group Director - Total Quality Management**

**Summary**

1995 - 1997: Sale Manager - Luxta Wet Tissue Co., Ltd.  
1997 - 1999: Production Supervisor - Escatec Electronics Vietnam  
1999 - 2005: TQM Manager - Nitto Denko Vietnam  
2005 - 2007: TQM Director - Nitto Denko Vietnam  
2007 - 2008: TQM Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - present: Group Director - Human Resource and Administration cum Group Director of Total Quality Management - Thien Long Group



**Mr. NGUYEN THUONG VIET**  
**Group Director - National Business Development cum General Director of Southern Tan Luc**

**Summary**

1996 - 2007: Production Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2008: Supply Chain Director - Thien Long Global Co., Ltd.  
2008 - 2011: General Director - Thien Long Long Thanh Manufacturing & Trading JSC  
2011 - 2012: General Director - Southern Tan Luc One Member Co., Ltd.  
2012 - present: Group Director of Domestic Business Development cum General Director - Southern Tan Luc One Member Co., Ltd.



**Mr. TRAN TRUNG HIEP**  
**Group Director - International Business Development**

**Summary**

2005 - 2006: Director of Hanoi Branch - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2008: National Sales Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2009 - 2012: Head of Representative Office in China - Thien Long Group  
2012 - present: Group Director of International Business Development - Thien Long Group



**Mr. TRUONG ANH HAO**  
**General Director Thien Long Global**

**Summary**

1995 - 1997: Sales Representative - Thep Viet Co., Ltd.  
1997 - 2005: Head of Sales Department - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2005 - 2008: Sales Director - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - present: General Director - Thien Long Global Trading & Services One Member Co., Ltd.



**Mr. TA QUANG THIEN**  
**General Director Thien Long Long Thanh**

**Summary**

1996 - 2003: Accountant - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2003 - 2008: Director of Finance & Accounting cum Chief Accountant - Thien Long Manufacturing and Trading Co., Ltd.  
2008 - 2009: Chief Accountant - Thien Long Global Trading & Services One Member Co., Ltd.  
2009 - 2012: Deputy General Director of Finance & Accounting - Thien Long Long Thanh Manufacturing & Trading Co., Ltd.  
2012 - present: General Director - Thien Long Long Thanh Manufacturing & Trading Co., Ltd.



2005 - 2006: Director of Nha Trang branch - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007: Director of Hanoi branch - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2008 - 2010: Sales Director of Northern Market 1 - Thien Long Global Trading & Services One Member Co., Ltd.  
2011 - present: General Director, Northern Tan Luc One Member Co., Ltd.



## THE SUPERVISORY BOARD



**Ms. NGUYEN THI BICH NGA**  
*Head of the Supervisory Board*

**Summary**

1992 - 2007: Payment Accountant - Thien Long Manufacturing and Trading JSC  
2007 - 2009: Head of the Supervisory Board - Thien Long Group  
2009 - 2010: Member of the Supervisory Board - Thien Long Group  
2010 - present: Chief Accountant, Thien Long An Thinh Investment JSC and Head of the Supervisory Board - Thien Long Group



**Mr. LY VAN DU**  
*Member of Supervisory Board*

**Summary**

2000 - 2002: Sales & Marketing Manager - Hoang Ha Co., Ltd.  
2002 - 2006: Assistant to Chairman - Thanh Loi Co., Ltd.  
2006 - 2008: Deputy General Director, Dia Ma Company and Member of the Supervisory Board - Thien Long Group  
2009 - present: Sales Representative in China and Member of the Supervisory Board - Thien Long Group



**Mr. TA HOANG SON**  
*Member of Supervisory Board*

**Summary**

1981 - 2000: Chief Accountant - Caric JSC  
2000 - 2002: Chief Accountant - Thep Viet Binh Duong Company  
2003 - 2008: Chief Accountant - Vilube  
2008 - 2010 : Deputy General Director cum Finance Director - Vilube  
2011- present: Managing Director - Finewines Co., Ltd. and Member of the Supervisory Board - Thien Long Group

## 2

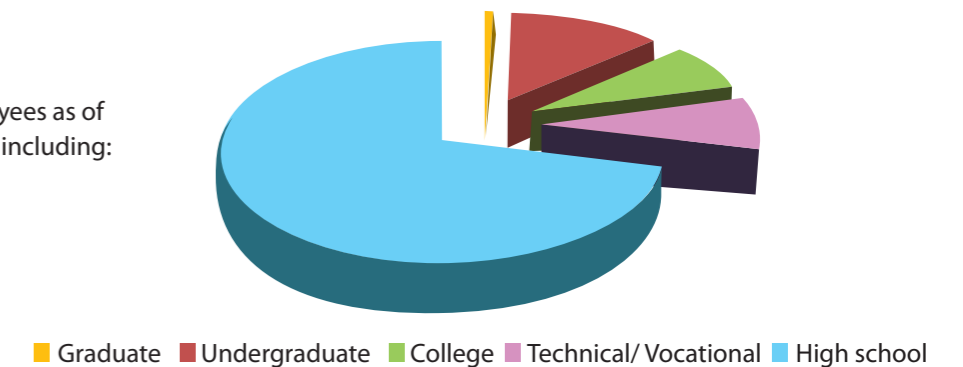
## HUMAN RESOURCES



### Employee Statistics

Total number of Group employees as of December 31st, 2013 is 2,969, including:

- Undergraduate: 15
- Graduate: 388
- College: 215
- Technical/ Vocational: 243
- High school: 2,108





**Thien Long Group has always considered human resources as the most valuable assets.**

#### **Salary and allowance policies**

The Group develops a salary policy that is both externally competitive and internally consistent with the employee's job position. Meanwhile, the policy ensures the full benefits for employees in accordance with government's regulations, competence and duties of each person. It can therefore motivate employees to work hard and contribute to the success of the Group.

For employees who are directly involved in the production process, in addition to the fixed salary, the company also implements the performance salary policy based on productivity and labor regulations compliance. Every year, the company implements the salary revision for the whole staff through which the company assesses the capacity of each staff and adjusts appropriate salary accordingly.

In order to encourage the staff to increase their contributions, the Group offers periodical and extraordinary rewards for both individual and group. The rewards are based on the individual or group performance, innovation of working methods, achievements against the negative and wasting at work.

#### **Insurance and welfare**

In addition to insurances regulated by the government, the employees are also covered under the 24/24 accident insurance 100% paid by the Group.

The Group annually sets up regular and occupational health check-up for employees to detect early signs of diseases and have appropriate treatments.

The Group also organizes annual vacation, internal contests, and sport activities for employees in order to enhance the solidarity and well-being.

The Group offers lunches and uniform allowances, organizes entertaining program for staff's families in special occasions such as Children Day, Mid-Autumn Festival. Especially, one of the high - evaluated activities is the sponsorship and reward program to staff's children who achieve outstanding results in studying.

#### **Employee training and development policies**

The Group pays high attention on training and strengthening employees' knowledge and experience. For instance, the activities are guiding for new hires and sharing experience between departments. In order to create a promoted and inspired working environment, the Group gives high priority to internal development resources. When there are job vacancies, the company will give priority to the existing staff so that everyone has opportunities to develop his or her career.

#### **Changes in organizational structures and human resources in 2013**

Thien Long Group has always considered human resources as the most valuable assets. As such, the Group has endlessly overtaken proactive measures to accomplished the mission of becoming one of the companies offering employees with the best working environment.

Despite challenging economic conditions, during the year, the Group continued to put a great effort on establishing a guaranteed working environment in terms of salaries, allowances, insurances, health care and promotion opportunities, alongside with continuous improvements in organizational structures and human resource policy for improved efficiency and employee job satisfaction.

Typical tasks accomplished in 2013 included the release the Group Code of Conducts, organizational structure adjustments in major departments, increase of building up the plan making process for departments.



*Being a member of Thien Long staff was one of my greatest desire since I was sitting in lecture hall. I have known about Thien Long as a leading group in the field of stationery, the group which gathers pro-active and creative young people. Thien Long has good working environment. Everyone has their chances to express themselves and learn more from each other. I believe young people ourselves, together, will lead the Group to new successes.*



**GIANG CHI THUAN**  
Marketing Communications  
Thien Long Group



# V. CORPORATE GOVERNANCE REPORT



## 1

### OPERATION ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

In 2013, pursuant to Enterprise Law, the Charter of Thien Long Group and Regulations of Internal Governance, Thien Long Board of Management has 10 meetings with the following details

No.	Date	Content
1	23/01/2013	Working capital loan for Thien Long Long Thanh
2	04/04/2013	Working capital loan for the Thien Long Group and Thien Long Long Thanh
3	23/04/2013	Mr. Pham Quang Thanh's resignation as BOM member
4	03/05/2013	The contents presented in 2012 AGM
5	05/06/2013	The assignments authorized to BOM following 2012 AGM
6	12/08/2013	Working capital loan for Thien Long Long Thanh
7	09/09/2013	Ex-right date for stock dividend
8	10/09/2013	Working capital loan for Thien Long Group
9	15/10/2013	Authorized capital increase and company charter amendments following stock dividend
10	23/12/2013	2014 short-term credit limits for Thien Long Group

#### Attendance by the Board members

No.	Full Name	Position	No. of meetings attended	Percentage	Reason for being absent
1	Mr. Co Gia Tho	Chairman	10/10	100%	
2	Mr. Tran Kim Thanh	Vice Chairman	10/10	100%	
3	Mr. Tran Le Nguyen	Board member	10/10	100%	
4	Mr. Huynh Van Thien	Board member	10/10	100%	
5	Ms. Tran Thai Nhu	Board member	10/10	100%	
6	Ms. Co Ngan Binh	Board member	10/10	100%	
7	Mr. Pham Quang Thanh	Board member	2/10	20%	Resigned from 22/05/2013
8	Mr. Vo Van Thanh Nghia	Board member	10/10	100%	
9	Mr. Tran Van Hung	Board member	6/10	60%	Became BOM member from 22/05/2013
10	Ms. Co Cam Nguyet	Board member	10/10	100%	



## 2 REPORT OF THE SUPERVISORY BOARD

### 2013 BOM Resolutions

No.	Resolution	Date	Content
1	02/2013/NQ-HĐQT	23/04/2013	Approved the resignation of Mr. Pham Quang Thanh
2	03/2013/NQ-HĐQT	05/06/2013	Nominated Independent BOM to be in charge of (1) Strategic Business Plan; (2) Salary & Allowance, HR and Auditing
3	04/2013/NQ-HĐQT	05/06/2013	Appointed Ernst & Young Ltd., Co. as the independent auditor for FY2013 June 20th, 2013 to be ex-dividend date for cash dividend
4	05/2013/NQ-HĐQT	06/06/2013	Issued Regulations of Internal Governance
5	06/2013/NQ-HĐQT	09/09/2013	October 01st, 2013 to be ex-dividend date for stock dividend
6	07/2013/NQ-HĐQT	15/10/2013	Revised the Company Charter regarding increased charter capital

### Other BOM operation activities

In addition to regular meetings, The Board of Management have frequently reviewed and approved the decisions of the Board of Directors in conduct of business operation, reviewed and developed regulations to support management activities as well as corporate governance. During 2013, the Board of Management also approved and issued the Regulations on Internal Governance, nominated independent BOM member to be in charge of key business activities of the Group.

### Remunerations and bonus for the BOM

No.	Name	Position	Remunerations and bonus
1	Mr. Co Gia Tho	Chairman	795,500,000
2	Mr. Tran Kim Thanh	Vice Chairman	544,666,667
3	Mr. Tran Le Nguyen	Board member	363,111,111
4	Mr. Huynh Van Thien	Board member	363,111,111
5	Ms. Tran Thai Nhu	Board member	200,000,000
6	Ms. Co Ngan Binh	Board member	188,000,000
7	Mr. Pham Quang Thanh	Board member	154,500,000
8	Mr. Vo Van Thanh Nghia	Board member	363,111,111
9	Mr. Tran Van Hung	Board member	34,000,000
10	Ms. Co Cam Nguyet	Board member	188,000,000
<b>Total</b>			<b>3,194,000,000</b>

**Although the economy has not overcome the crisis in 2013, the Group successfully achieved 100% revenue target and exceeded net profit target approved by the 2012 Annual General Meeting by 5.97%.**

The Supervisory Board (SB) noted that the 2013 financial statements audited by Ernst & Young Viet Nam gave a true and fair view of the Group's financial position, cash flows and operating performance.

Although the economy has not overcome the crisis in 2013, the Group successfully achieved 100% revenue target and exceeded net profit target approved by the 2012 Annual General Meeting by 5.97%. There were increases in Return on Asset (ROA) and Return on Equity (ROE) ratios while the financial indicators of gearing, solvency and liquidity stayed in the positive range.

### Activities of the Supervisory Board

As the representative of shareholders, the SB fulfilled its duty in effectively monitoring the performance of the company, the performance of the Boards and particularly their co-ordination on behalf of shareholders.

The SB conducted quarterly meetings in 2013 and also had regular meetings and discussions with the Board of Management (BOM) and the Board of Directors (BOD).

In addition to completing the financial targets for the year, the BOM and the BOD accomplished the tasks authorized by shareholders in the 2012 AGM:

- Distributed profit of 2012 at the approved level: dividend at 20% of par value (10% in cash and 10% in share); sufficient and accurate transfer of profits to relevant funds; bonus payment and BOM/ SB remuneration payments in accordance with the AGM's resolutions.
- Appointed Ernst & Young Viet Nam as the auditor for 2013 financial year and made proper announcement according to existing regulations
- Listed 2,117,945 additional shares from stock dividend on 05/11/2013
- Made proper adjustment to the company Charter following the new charter capital increase
- Issued the Regulations of Internal Governance





# 3

## RISK MANAGEMENT REPORT

Appreciating the importance of risk management as an inseparable part of business strategy, the Group always pays significant attention to risk management, particularly risk-awareness culture and risk-preventive measures. Besides, the Group also plans to expand the risk management system to cover all and individual aspects of the Group manufacturing and trading activities for sustained development.

During the past year, the Group reviewed, updated, supplemented and developed from business strategies to operational procedures related to production and business activities such as HSEQ policy system (health, safety, environment, quality), ISO system, budgeting and evaluation process...

The Group has acknowledged the interaction between the volatility of the business environment and ability to accomplish strategic missions.

### Technology risk management

The Group continuously puts more focus on research and development. Currently, all of the stages from the research procedures, technical testing, quality control... to final products have been equipped with the latest technology.

To meet market demand, the Group has been endlessly working on product diversification. Each year, the Group has launched dozens of new products, 20% of which are totally brand-new.

In addition, the Supervisory Board also took monitoring measures to ensure the Group is acting in accordance with the existing legal requirements, the Company Charter and the Regulations of Internal Governance regulations; inspected investment projects and operational efficiency of the business; inspected management reviews and key documentation issued throughout the year.

The SB also discussed and agreed with the BOM upon nominating independent BOM members to be in charge of key activities such as Strategic Business Plan, Salary & Allowance, HR and Auditing; discussed and agreed with the BOM and BOD on the importance of investor relations and risk management approaches.

The SB highly appreciates the co-operation of the BOM, BOD and other departments in providing adequate and timely information to the Supervisory Board.

### The results of supervising activities of Board of Management and the coordination between the Board of Management and the Board of Directors

SB noted that the BOM and the BOD has proposed and passionately pursued an in-depth investment strategy to maintain stable and sustainable growth for the coming years. In 2013, the BOM also actively directed, supervised and supported the BOD in business management.

The SB also recognized the efforts and dedication of the Board of Directors in 2013, particularly:

- Implementing effective cost reduction measures
- Effective investment in product research and development
- Effective investment in technology development
- Effectively development of domestic and international distribution network

With commonly agreed risk management approaches, with improved internal controls, and with strengthened corporate governance, the Supervisory Board strongly believes that the Board of Management, the Board of Directors will continue to achieve the targets set for 2014.

### Remuneration for the Supervisory Board

No.	Name	Position	Remuneration
1	Ms. Nguyen Thi Bich Nga	Head of SB	152,000,000
2	Mr. Ly Van Du	Board member	32,000,000
3	Mr. Ta Hoang Son	Board member	80,000,000
<b>Total</b>			<b>264,000,000</b>

Risk management



### Foreign exchange and oil prices risk management

Currently, Thien Long has to import a large proportion of raw materials. As a result, the volatility of exchange rates and oil prices post a significant risk to the Group. To mitigate this risk, the Group always makes detailed financial planning, including both short and long term cash flow planning, especially foreign currency cash flows.

Taking advantage of market experience and long-term partnership with major suppliers, the Group is still able to be under control in situation of significant material price fluctuations. The Group actively utilizes means of exchange rate insurance and at the same time increases foreign exchange reserves through developing the export market.

Meanwhile, the Group has also taken steps to reduce imports by manufacturing molds, machinery and gradually more input materials for its own use.

### Market risk management

Facing challenges of purchasing power reduction, the Group has been taking measures to further enhance existing distribution channels and improve after-sales services. Besides, the Group also promotes export, expands customer segments and increases product diversification for sustained development.

### Operational risk management

Operational safety is the utmost important factor. Recognizing the importance of this, all Thien Long staff is well-trained to minimize operational risks

### Risk management related to product quality

Counterfeits posts significant risks to all reputable manufacturers. Hence, to firmly retain the the number 1 position, the Group has built up strict quality check processes at all stages and at the same time maintained appropriate communication with customers and the public.

Thien Long Group always pays high attention to risk management. In fact, the challenging of confronting the external risks has been turned into opportunities. These opportunities enable the Group to transform and develop an effective mechanism for risk management as well as to guide its sustainable growth based on the key competitive advantages from the Group's core competency:

- "Thien Long" is a reputable brand name and always the No.1 choice of customers
- Thien Long has good quality products and superior services
- Thien Long has the nationwide distribution network

The Group has a firm internal governance platform, highly unified, passionate and full of responsibility staff. These advantages enable the Group to build up an effective risk management system.

#### Listing information

Charter Capital:	VND 232,979,150,000
Stock symbol:	TLG
Stock Exchange:	HOSE
First listing date:	26/03/2010
Number of shares listed:	23,297,915
Treasury/ restricted/ non-transferable shares:	0
Number of shares in circulation:	23,297,915

#### Dividend Information

2009 dividend: VND 1,800/ share
2010 dividend: VND 2,000 / share
2011 dividend: VND 1,000/ share, 10% stock dividend
2012 dividend: VND 1,000/ share, 10% stock dividend
2013 dividend: 20% on par value/share (planned)

#### Changes in Share Capital

On 05/11/2013, the Group listed additional 2,117,945 shares via stock dividend. Except from this issuance, the Group did not have any other treasury transaction or other stock issuance during 2013.

#### Shareholders structure (as of 01/10/2013)

Shareholders	Quantity of shareholders	Shares volume	Percentage
<b>Domestic shareholders</b>			
Organization	18	12,283,364	52.72%
Individual	392	6,951,647	29.84%
<b>Foreign shareholders</b>			
Organization	12	3,975,399	17.06%
Individual	21	87,505	0.38%
<b>Total</b>	<b>443</b>	<b>23,297,915</b>	<b>100%</b>



### List of shareholders holding over 5% of the Group's shares

No.	Shareholders	Shares volume	Percentage
1	Thien Long An Thịnh Investment Corporation Represented by: Mr. Co Gia Tho	12,217,672	52.44%
2	Vietnam Holding Limited	2,606,419	11.19%
3	Mr. Co Gia Tho	1,502,919	6.45%
	<b>Total</b>	<b>16,327,010</b>	<b>70.08%</b>

### Share transactions by major and insider shareholders

No.	Shareholders	Classification	As at 01/01/2013		As at 31/12/2013		Reasons for changes
			No. of shares	Percentage	No. of shares	Percentage	
1	Thien Long An Thịnh Investment Corporation	Major shareholder	11,106,975	52.44%	12,217,672	52.44%	Stock dividend
2	Bao Viet Securities JSC	Major shareholder	1,493,850	7.05%	0	0%	Sold
3	Vietnam Holding Limited	Major shareholder	46,310	0.22%	2,606,419	11.19%	Purchased + Stock dividend
4	Mr. Co Gia Tho	Chairman	1,366,290	6.45%	1,502,919	6.45%	Stock dividend
5	Mr. Huynh Van Thien	BOM member	601,500	2.84%	661,650	2.84%	Stock dividend
6	Ms. Tran Thai Nhu	BOM member	280,688	1.33%	308,756	1.33%	Stock dividend
7	Ms. Co Ngan Binh	BOM member	240,000	1.13%	264,000	1.13%	Stock dividend
8	Mr. Vo Van Thanh Nghia	BOM member	680,777	3.21%	849,504	3.65%	Purchased + Stock dividend
9	Mr. Tran Van Hung	BOM member	77,000	0.36%	99,000	0.42%	Purchased + Stock dividend
10	Ms. Co Cam Nguyet	BOM member	120,000	0.57%	132,000	0.57%	Stock dividend
11	Mr. Nguyen Dinh Tam	Group Director	110,792	0.52%	138,371	0.59%	Purchased + Stock dividend
12	Mr. Phan Nhut Phuong	Group Director	152,400	0.72%	167,640	0.72%	Stock dividend
13	Mr. Bui Van Huong	Group Director	21,640	0.10%	34,804	0.15%	Purchased + Stock dividend
14	Mr. Nguyen Thuong Viet	Group Director	67,507	0.32%	74,257	0.32%	Stock dividend
15	Mr. Ho Ngoc Canh	Group Director	18,112	0.09%	19,923	0.09%	Stock dividend
16	Mr. Tran Trung Hiep	Group Director	13,400	0.06%	18,040	0.08%	Purchased + Stock dividend
17	Ms. Tran Phuong Nga	Fin Director	0	0%	11,000	0.05%	Purchased + Stock dividend
18	Ms. Nguyen Thi Bich Nga	Head of SB	15,360	0.07%	16,896	0.07%	Stock dividend
19	Mr. Ly Van Du	SB Member	2,400	0.01%	2,640	0.01%	Stock dividend
20	Mr. Ta Hoang Son	SB Member	2,400	0.01%	2,640	0.01%	Stock dividend

### Share transactions by major and insider shareholders' related parties

No.	Shareholders	Classification	As at 01/01/2013		As at 31/12/2013		Reasons for changes
			No. of shares	Percentage	No. of shares	Percentage	
1	Mr. Co Nguu Tu	Co Gia Tho	60,000	0.28%	66,000	0.28%	Stock dividend
2	Ms. Co Phung Binh	Co Gia Tho	15,840	0.074%	17,424	0.074%	Stock dividend
3	Ms. Co Cam Chau	Co Gia Tho	14,400	0.07%	15,840	0.07%	Stock dividend
4	Ms. Co Cam Ngoc	Co Gia Tho	103,200	0.49%	113,520	0.49%	Stock dividend
5	Mr. Co Gia Duc	Co Gia Tho	60,000	0.28%	66,000	0.28%	Stock dividend
6	Mr. Tran Vinh Nguyen	Tran Kim Thanh	26,400	0.12%	0	0%	Sold
7	Mr. Tran Quoc Nguyen	Tran Kim Thanh	21,576	0.10%	6	0.00002%	Sold
8	Kinh Do Investment Co.,Ltd.	Tran Kim Thanh	264,000	1.25%	0	0%	Sold
9	Kinh Do Corporation	Tran Le Nguyen	455,281	2.15%	0	0%	Sold
10	Mr. Tran Xu Tai	Tran Thai Nhu	14,400	0.07%	15,840	0.07%	Stock dividend
11	Mr. Tran Dinh Long	Tran Dinh Tam	96	0.0004%	105	0.0004%	Stock dividend
12	Mr. Phan Nhut Toan	Phan Nhut Phuong	1,200	0.006%	1,320	0.006%	Stock dividend
13	Ms. Vo Buu Chieu	Nguyen Thuong Viet	1,848	0.008%	2,032	0.008%	Stock dividend
14	Mr. Tran Anh Dung	Tran Phuong Nga	720	0.003%	792	0.003%	Stock dividend
15	Mr. Bui Quang Minh	Nguyen Thi Bich Nga	1,952	0.009%	2,147	0.009%	Stock dividend

### Investor relations

Since being listed on Ho Chi Minh Stock Exchange, the Group leaders have built up an Investor Relations team, as part of the Finance Division. This has been an effective and essential linkage between Thien Long Group and its shareholders, potential investors, authorities and other related parties.

The Group always tries to innovate, promote and maintain communication activities by regularly conducting investors' meetings, encouraging investors to connect and discuss with the Group via other means of communication such as email, telephone. Through such communication, investors have broader knowledge and deeper understandings about Thien Long Group. Important as such, maintaining effectiveness of interaction between shareholders and the Group is the mission which has been set to push up more strongly in the future.



# VI. THIEN LONG GROUP CORPORATION CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS 31 DECEMBER 2013

## CONTENTS

General information

Report of management

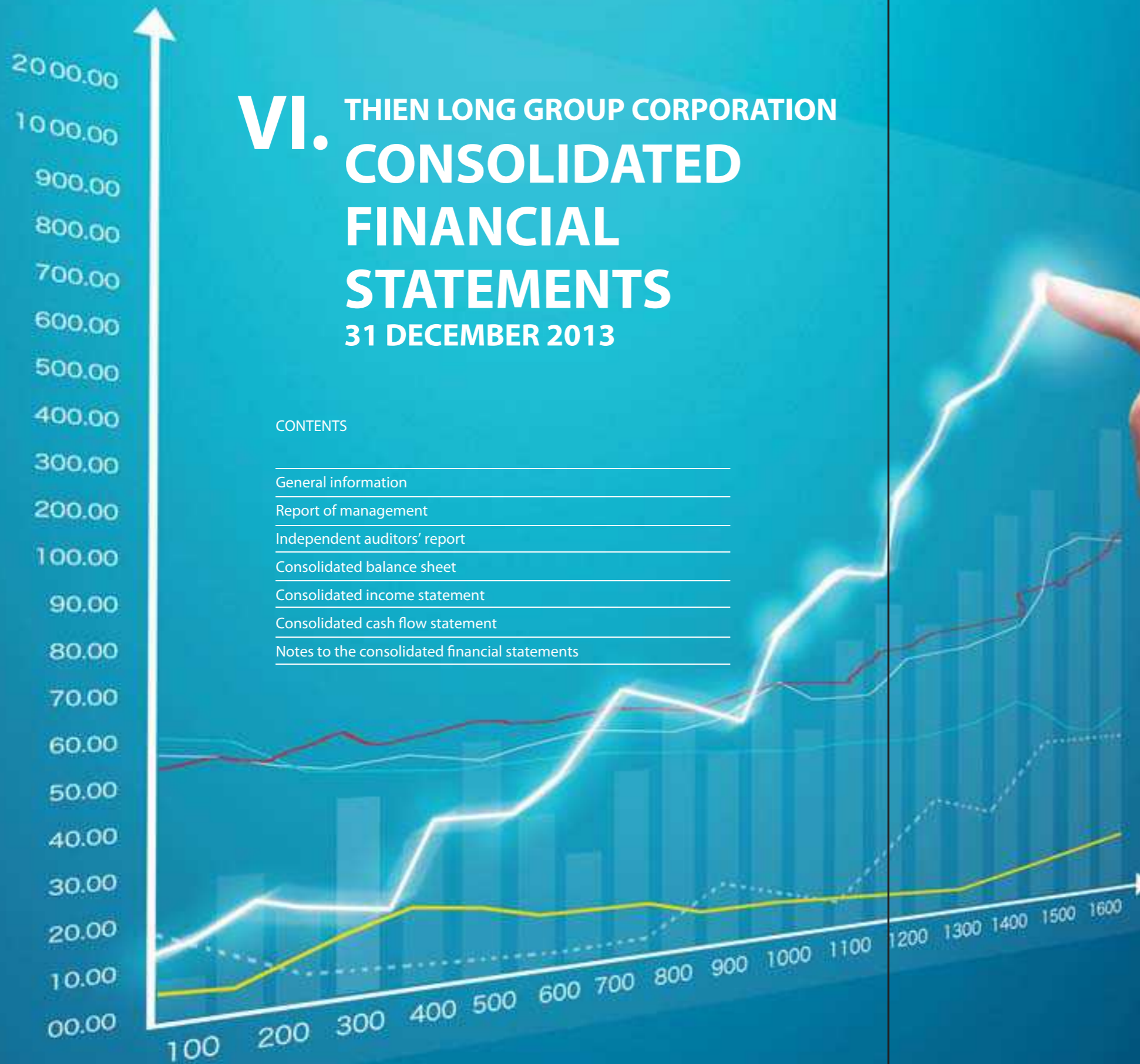
Independent auditors' report

Consolidated balance sheet

Consolidated income statement

Consolidated cash flow statement

Notes to the consolidated financial statements



**GENERAL INFORMATION****THE COMPANY**

Thien Long Group Corporation (“the Company”) is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate No. 4103003187 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 14 March 2005 and the following Amended Business Registration Certificates:

<u>Amended Business Registration Certificates:</u>	<u>Date</u>
2 <sup>nd</sup> amendment	6 April 2007
3 <sup>rd</sup> amendment	15 October 2007
4 <sup>th</sup> amendment	28 March 2008
5 <sup>th</sup> amendment	5 July 2011
6 <sup>th</sup> amendment	11 August 2011
7 <sup>th</sup> amendment	18 December 2012
8 <sup>th</sup> amendment	23 September 2013
9 <sup>th</sup> amendment	21 November 2013

The Company was listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange in accordance with Decision No. 20/QD-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 2 February 2010.

The current principal activities of the Company are to manufacture and trade stationeries, class room equipment, plastic teaching instruments, plastic household appliances, printing stamps and performing screen-printing and pressing on packing and products.

The Company’s registered head office and factory are located at Lot 6-8-10-12, Road No. 3, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**BOARD OF DIRECTORS**

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Mr Co Gia Tho	Chairman	
Mr Tran Kim Thanh	Vice Chairman	
Mr Tran Le Nguyen	Member	
Mr Huynh Van Thien	Member	
Ms Tran Thai Nhu	Member	
Ms Co Ngan Binh	Member	
Mr Vo Van Thanh Nghia	Member	
Ms Co Cam Nguyet	Member	
Mr Tran Van Hung	Member	appointed on 22 May 2013
Mr Pham Quang Thanh	Member	resigned on 22 May 2013

**BOARD OF SUPERVISION**

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Ms Nguyen Thi Bich Nga	Head of the Board of Supervision
Mr Ly Van Du	Member
Mr Ta Hoang Son	Member

**GENERAL INFORMATION (continued)****MANAGEMENT**

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Mr Vo Van Thanh Nghia	Chief Executive Officer
Mr Nguyen Dinh Tam	Deputy General Director
Mr Bui Van Huong	Deputy General Director
Mr Phan Nhut Phuong	Deputy General Director
Mr Nguyen Thuong Viet	Deputy General Director
Mr Ho Ngoc Canh	Deputy General Director
Mr Tran Trung Hiep	Deputy General Director

**LEGAL REPRESENTATIVE**

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Co Gia Tho.

**AUDITORS**

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.



**REPORT OF MANAGEMENT**

Management of Thien Long Group Corporation ("the Company") is pleased to present its report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the year ended 31 December 2013.

**MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated state of affairs of the Group and of the consolidated results of its operation and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

**STATEMENT BY MANAGEMENT**

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying separate consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2013 and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and comply with the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

For and on behalf of management:

Vo Van Thanh Nghia  
Chief Executive Officer

27 March 2014

Reference: 60858419/16390643

**INDEPENDENT AUDITORS' REPORT**

**ERNST & YOUNG**  
*Quality In Everything We Do*

**To: The Shareholders of Thien Long Group Corporation**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Thien Long Group Corporation ("the Company") and its subsidiaries ("the Group") as prepared on 27 March 2014 and set out on pages 66 to 100 which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2013, the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

**Management's Responsibility**

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

**Auditors' Responsibility**

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



**Opinion**

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2013, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

**Ernst & Young Vietnam Limited**

Duong Le Anthony  
Deputy General Director  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 2223-2013-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

27 March 2014

Le Vu Truong  
Auditor  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1588-2013-004-1

**CONSOLIDATED BALANCE SHEET**

as at 31 December 2013

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
<b>100</b>	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>734,435,864,577</b>	<b>650,314,590,238</b>
<b>110</b>	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>4</b>	<b>176,449,511,864</b>	<b>151,264,484,956</b>
111	1. Cash		77,449,511,864	75,300,849,959
112	2. Cash equivalents		99,000,000,000	75,963,634,997
<b>120</b>	<b>II. Short-term investments</b>	<b>5.1</b>	<b>58,874,400</b>	<b>1,333,476,000</b>
121	1. Short-term investments		80,808,000	1,843,637,989
129	2. Provision for investments		(21,933,600)	(510,161,989)
<b>130</b>	<b>III. Current accounts receivable</b>		<b>89,780,307,204</b>	<b>62,975,617,337</b>
131	1. Trade receivables	6	82,126,375,826	50,391,534,325
132	2. Advances to suppliers		6,941,608,795	10,823,750,576
135	3. Other receivables		1,594,024,569	2,079,127,105
139	4. Provision for doubtful debts	6	(881,701,986)	(318,794,669)
<b>140</b>	<b>IV. Inventories</b>	<b>7</b>	<b>455,747,096,563</b>	<b>423,352,867,960</b>
141	1. Inventories		470,164,889,629	434,993,205,635
149	2. Provision for obsolete inventories		(14,417,793,066)	(11,640,337,675)
<b>150</b>	<b>V. Other current assets</b>		<b>12,400,074,546</b>	<b>11,388,143,985</b>
151	1. Short-term prepaid expenses		3,203,190,297	3,117,575,938
152	2. Value-added tax deductible		2,799,257,405	2,054,176,052
154	3. Tax and other receivables from the State	23.2	2,251,110,553	1,114,658,591
158	4. Other current assets		4,146,516,291	5,101,733,404
<b>200</b>	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>274,753,407,378</b>	<b>312,265,988,290</b>
<b>220</b>	<b>I. Fixed assets</b>		<b>212,737,803,266</b>	<b>247,289,353,789</b>
221	1. Tangible fixed assets	8	172,920,691,339	189,245,873,962
222	Cost		423,455,848,296	413,850,141,766
223	Accumulated depreciation		(250,535,156,957)	(224,604,267,804)
227	2. Intangible fixed assets	9	33,199,771,647	49,493,996,565
228	Cost		42,941,596,626	56,938,038,682
229	Accumulated amortisation		(9,741,824,979)	(7,444,042,117)
230	3. Construction in progress	10	6,617,340,280	8,549,483,262
<b>250</b>	<b>II. Long-term investments</b>	<b>5.2</b>	<b>20,891,812,096</b>	<b>25,962,438,540</b>
258	1. Other long-term investments		30,685,000,000	36,969,924,383
259	2. Provision for investments		(9,793,187,904)	(11,007,485,843)
<b>260</b>	<b>III. Other long-term assets</b>		<b>41,123,792,016</b>	<b>39,014,195,961</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	11	15,963,500,897	5,489,613,575
262	2. Deferred tax assets	23.3	23,167,524,619	28,510,415,886
268	3. Other long-term assets		1,992,766,500	5,014,166,500
<b>270</b>	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>1,009,189,271,955</b>	<b>962,580,578,528</b>



**CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)**

as at 31 December 2013

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
<b>300</b>	<b>A. LIABILITIES</b>		<b>379,600,624,913</b>	<b>410,824,417,908</b>
<b>310</b>	<b>I. Current liabilities</b>		<b>349,238,753,020</b>	<b>384,607,331,655</b>
311	1. Short-term loans	12	238,050,220,286	261,356,961,765
312	2. Trade payables		51,642,641,606	50,054,680,349
313	3. Advances from customers		6,611,271,811	8,850,549,215
314	4. Statutory obligations	13	10,058,412,597	18,486,685,600
315	5. Payables to employees		10,503,651,962	10,827,240,523
316	6. Accrued expenses	14	24,136,548,137	26,991,884,053
319	7. Other payables		2,845,733,528	2,820,415,320
323	8. Bonus and welfare fund		5,390,273,093	5,218,914,830
<b>330</b>	<b>II. Non-current liabilities</b>		<b>30,361,871,893</b>	<b>26,217,086,253</b>
333	1. Other long-term liability	15	19,086,871,117	14,650,185,417
334	2. Long-term loan	16	11,275,000,776	11,566,900,836
<b>400</b>	<b>B. OWNERS' EQUITY</b>		<b>629,588,647,042</b>	<b>551,756,160,620</b>
<b>410</b>	<b>I. Capital</b>	<b>17.1</b>	<b>629,588,647,042</b>	<b>551,756,160,620</b>
411	1. Share capital		232,979,150,000	211,799,700,000
412	2. Share premium		128,217,023,000	128,217,023,000
417	3. Investment and development fund		27,587,484,350	22,579,819,350
418	4. Financial reserve fund		24,306,580,906	19,298,915,906
420	5. Undistributed earnings		216,498,408,786	169,860,702,364
<b>440</b>	<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>		<b>1,009,189,271,955</b>	<b>962,580,578,528</b>

**CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)**

as at 31 December 2013

**OFF BALANCE SHEET ITEM**

ITEM	Ending balance	Beginning balance
Foreign currencies:		
- United States Dollar (US\$)	1,635,253	1,435,837
- Japanese Yen (JPY)	307,000	-
- Chinese Yuan (RMB)	21,801	3,751
- Pound (GBP)	15,893	5,286
- Euro (EUR)	2,230	4,879
- Singapore Dollar (SGD)	1,590	-
- Peso Philippine (PHP)	-	6,650
- Thai Bath (THB)	-	320


Bui Thi Cam Loan  
Preparer

Ho Ngoc Canh  
Chief AccountantVo Van Thanh Nghia  
Chief Executive Officer

27 March 2014





**CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**

for the year ended 31 December 2013

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods	19.1	1,430,683,066,402	1,242,119,995,157
02	2. Deductions	19.1	(24,475,522,325)	(25,775,146,727)
10	3. Net revenue from sale of goods	19.1	1,406,207,544,077	1,216,344,848,430
11	4. Cost of goods sold		(888,835,000,645)	(758,032,878,599)
20	5. Gross profit from sale of goods		517,372,543,432	458,311,969,831
21	6. Finance income	19.2	9,722,864,825	8,352,832,014
22	7. Finance expenses	20	(25,269,346,002)	(40,434,203,822)
23	<i>In which: Interest expense</i>		(22,624,742,928)	(39,797,840,212)
24	8. Selling expenses		(191,629,937,864)	(156,255,590,333)
25	9. General and administrative expenses		(146,853,340,640)	(137,895,477,685)
30	10. Operating profit		163,342,783,751	132,079,530,005
31	11. Other income	21	12,526,532,426	7,538,992,828
32	12. Other expenses	21	(10,319,384,801)	(3,914,767,822)
40	13. Other profit	21	2,207,147,625	3,624,225,006
50	14. Profit before tax		165,549,931,376	135,703,755,011
51	15. Current corporate income tax expense	23.2	(43,644,475,650)	(44,668,311,603)
52	16. Deferred corporate income tax (expense) benefit	23.3	(5,342,891,267)	9,117,846,835

**CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (continued)**

for the year ended 31 December 2013

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
60	17. Net profit after tax <i>Attributable to:</i> <i>Equity holders of the Company</i>		116,562,564,459	100,153,290,243
			116,562,564,459	100,153,290,243
70	18. Basic and diluted earnings per share	18	5,003	4,299


Bui Thi Cam Loan  
Preparer

Ho Ngoc Canh  
Chief AccountantVo Van Thanh Nghia  
Chief Executive Officer

27 March 2014



**CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT**

for the year ended 31 December 2013

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
<b>01</b>	<b>Profit before tax</b>		<b>165,549,931,376</b>	<b>135,703,755,011</b>
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortisation		38,479,852,025	38,700,467,161
03	Provisions		2,710,429,511	(567,222,843)
04	Unrealized foreign exchange gains	19.2, 20	(140,559,437)	(856,441,236)
05	Profits from investing activities		(7,431,358,262)	(4,704,220,628)
06	Interest expense	20	22,624,742,928	39,797,840,212
<b>08</b>	<b>Operating profit before changes in working capital</b>		<b>221,793,038,141</b>	<b>208,074,177,677</b>
09	(Increase) decrease in receivables		(21,458,106,695)	2,634,067,564
10	(Increase) decrease in inventories		(35,171,683,994)	48,089,675,865
11	(Decrease) increase in payables		(115,779,521)	15,290,148,267
12	Decrease in prepaid expenses		2,783,237,643	5,632,658,066
13	Interest paid		(23,224,184,474)	(40,956,500,233)
14	Corporate income tax paid	23.2	(51,307,839,359)	(43,855,529,082)
15	Other cash inflows from operating activities		4,881,037,989	7,268,330,728
16	Other cash outflows from operating activities		(18,822,524,957)	(6,379,788,361)
<b>20</b>	<b>Net cash flows from operating activities</b>		<b>79,357,194,773</b>	<b>195,797,240,491</b>
	<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	Purchase and construction of fixed assets		(25,379,818,019)	(40,347,473,037)
22	Proceeds from disposals of fixed assets		3,345,919,929	1,611,293,597
25	Payments for investments in other entities		-	(6,250,000,000)
26	Proceeds from sale of investments in other entities		5,131,523,252	1,630,000,000
27	Interest and dividends received		7,505,961,584	5,549,642,937
<b>30</b>	<b>Net cash flows used in investing activities</b>		<b>(9,396,413,254)</b>	<b>(37,806,536,503)</b>
	<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
33	Drawdown of borrowings		732,190,850,245	676,759,363,482
34	Repayment of borrowings		(755,788,287,452)	(746,489,790,044)
36	Dividends paid		(21,179,835,000)	(17,753,015,000)
<b>40</b>	<b>Net cash flows used in financing activities</b>		<b>(44,777,272,207)</b>	<b>(87,483,441,562)</b>

**CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continued)**

for the year ended 31 December 2013

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
<b>50</b>	<b>Net increase in cash and cash equivalents</b>		<b>25,183,509,312</b>	<b>70,507,262,426</b>
<b>60</b>	<b>Cash and cash equivalents at beginning of the year</b>	4	<b>151,264,484,956</b>	<b>80,780,886,340</b>
<b>61</b>	<b>Impact of exchange rate fluctuation</b>		<b>1,517,596</b>	<b>(23,663,810)</b>
<b>70</b>	<b>Cash and cash equivalents at end of the year</b>	4	<b>176,449,511,864</b>	<b>151,264,484,956</b>


Bui Thi Cam Loan  
Preparer

Ho Ngoc Canh  
Chief AccountantVo Van Thanh Nghia  
Chief Executive Officer

27 March 2014



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

as at and for the year ended 31 December 2013

**1. CORPORATE INFORMATION**

Thien Long Group Corporation (“the Company”) is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate No. 4103003187 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 14 March 2005 and the following Amended Business Registration Certificates:

<i>Amended Business Registration Certificates:</i>	<i>Date</i>
2 <sup>nd</sup> amendment	6 April 2007
3 <sup>rd</sup> amendment	15 October 2007
4 <sup>th</sup> amendment	28 March 2008
5 <sup>th</sup> amendment	5 July 2011
6 <sup>th</sup> amendment	11 August 2011
7 <sup>th</sup> amendment	18 December 2012
8 <sup>th</sup> amendment	23 September 2013
9 <sup>th</sup> amendment	21 November 2013

The Company was listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange in accordance with Decision No. 20/QD-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 2 February 2010.

The current principal activities of the Company are to manufacture and trade stationeries, class room equipment, plastic teaching instruments, plastic household appliances, printing stamps and performing screen-printing and pressing on packing and products.

The Company’s registered head office and factory are located at Lot 6-8-10-12, Road No. 3, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Group’s employees as at 31 December 2013 was 2,969 (31 December 2012: 2,919).

**Corporate structure**

The Company includes 4 subsidiaries, in which:

Thien Long Long Thanh Manufacturing Trading Company Limited (“TLLT”), a one-member limited liability company, was incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Investment License No. 472031000036 issued by the Dong Nai Industrial Zone Authority on 20 December 2005. TLLT’s registered office is located at Road No.7, Long Thanh Industrial Park, Dong Nai Province, Vietnam. TLLT’s principal activities are to manufacture and trade stationery products.

Thien Long Global Trading and Services One Member Co., Ltd (“TLGTS”), a one-member limited liability company, was incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate No. 4104002492 issued by the Department of Planning and Investment (“DPI”) of Ho Chi Minh City on 15 January 2007. TLGTS’s registered office is located at Lot 6-8-10-12, Road No.3, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam. TLGTS’s principal activity is to trade stationery products.

Tan Luc North Trading Service One Member Company Limited (“TLNTS”), a one-member limited liability company, was incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Organisation Registration Certificate No. 0105012605 issued by the DPI of Ha Noi City on 19 November 2010. TLNTS’s registered office is located at 78 Bach Dang Street, Thanh Luong Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi City, Vietnam. TLNTS’s principal activity is to trade stationery products and office equipment.

Tan Luc South Trading and Service Company Limited (“TLTS”), a one-member limited liability company, was incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Organisation Registration Certificate No. 0309489650 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 19 November 2009. TLTS’s registered office is located at number 19 – 21 Lot B, Truong Son Street, Ward 15, District 10, Ho Chi Minh City, Vietnam. TLTS’s principal activity is to trade stationery products.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**2. BASIS OF PREPARATION****2.1 Accounting standards and system**

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (“the Group”) expressed in Vietnam dong (“VND”), are prepared in accordance with the Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards (“VAS”) issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated balance sheet, consolidated income statement, consolidated cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam’s accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

**2.2 Applied accounting documentation system**

The Company’s applied accounting documentation system is the Voucher Journal system.

**2.3 Fiscal year**

The Group’s fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

**2.4 Accounting currency**

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Company’s accounting currency.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**2. BASIS OF PREPARATION (continued)****2.5 Basis of consolidation**

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2013.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiaries are prepared for the same reporting year as the Company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses result from intra-company transactions are eliminated in full.

Minority interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

Acquisition of minority interests is accounted for using the parent entity extension method, whereby, the difference between the consideration and the fair value of the share of the net assets acquired is recognised in goodwill.

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES****3.1 Cash and cash equivalents**

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

**3.2 Inventories**

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Raw materials, consumables and goods for sale	-	cost of purchase on a weighted average basis.
Finished goods and work-in-process	-	cost of direct materials and labour plus attributable manufacturing overheads based on the normal operating capacity on a weighted average basis.

*Provision for obsolete inventories*

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)****3.3 Receivables**

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

**3.4 Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated depreciation are removed from the consolidated balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the consolidated income statement.

**3.5 Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use. When intangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated amortisation are removed from the consolidated balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the consolidated income statement.

*Land use rights*

The advance payment for land rental and the land use rights certificate being issued, are recorded as intangible asset according to Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2013 guiding the management, use and depreciation of fixed assets ("Circular 45"). The costs of land use rights is not amortized due to having indefinite useful life.

**3.6 Depreciation and amortisation**

Depreciation and amortisation of tangible and intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Building and structure	3 - 25 years
Machinery and equipment	3 - 7 years
Motor vehicles	6 - 8 years
Office equipment	2 - 7 years
Moulds	3 - 4 years
Computer software	3 - 10 years
Copyright, patents	3 years
Other intangible assets	3 years

The useful life of the fixed assets and depreciation rates are reviewed periodically to ensure that the method and the period of the depreciation and amortisation are consistent with the expected pattern of economic benefits that will be derived from the use of fixed assets.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)****3.7 Borrowing costs**

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expenses when incurred.

**3.8 Prepaid expenses**

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

*Prepaid land rental*

The prepaid land rental represents the unamortised balance of advance payment made in accordance with lease contract signed with Sonadezi Long Thanh Co., Ltd on 6 February 2007 for a period of 46 years. Before 10 June 2013, this payment was recognised as intangible fixed assets for amortisation over 46 years. Starting from 10 June 2013, according to Circular 45, the prepaid rental related to land lease contract with effecting after 2003 is not qualified for recognition as intangible fixed asset. Accordingly, the above prepaid rental was reclassified from intangible assets to long-term prepaid expenses for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease period.

**3.9 Investments in securities and other investments**

Investments in securities and other investments are stated at their acquisition costs. Provision is made for any diminution in value of the investments at the balance sheet date in accordance with the guidance under Circular No. 228/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 7 December 2009. Increases and decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

**3.10 Payables and accruals**

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

**3.11 Accrual for severance pay**

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have more than 12 months in service up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labour Code, the Law on Social Insurance and related implementing guidance. Commencing 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Any increase to the accrued amount will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

**3.12 Foreign currency transactions**

The Group follows the guidance under Vietnamese Accounting Standard No. 10 - Effects of Changes in Foreign Exchange Rates and Circular No. 179/2012/TT-BTC providing guidance on recognition, measurement, treatment for foreign exchange differences issued by the Ministry of Finance on 24 October 2012 in relation to foreign currency transactions as applied consistently in prior year.

Transactions in currencies other than the Group's reporting currency of VND are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at buying exchange rate announced by the commercial bank where the Group maintains bank accounts at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the consolidated income statement.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)****3.13 Appropriation of net profits**

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Group's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Management and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

- Financial reserve fund

This fund is set aside to protect the Group's normal operations from business risks or losses, or to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

- Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investments.

- Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits.

**3.14 Earnings per share**

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit for the year (before appropriation for bonus and welfare fund) attributable to ordinary shareholders of the Group by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Group by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

**3.15 Revenue recognition**

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

*Sale of goods*

Revenue from the sale of goods is recognised when the significant risks and rewards of ownership have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

*Interest*

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

*Dividends*

Income is recognised when the Group is entitled to receive dividend.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)****3.16 Taxation***Current income tax*

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amounts expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

*Deferred income tax*

Deferred tax is provided using the balance sheet liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- in respect of taxable temporary differences associated with investments in associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- where the deferred tax asset in respect of deductible temporary differences which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- in respect of deductible temporary differences associated with investments in associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)****3.17 Financial instruments***Initial recognition and presentation*Financial assets

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") are classified, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Group determines the classification of its financial assets at initial recognition.

All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Group's financial assets include cash and short-term deposits, trade and other receivables, short-term investments, quoted and unquoted financial instruments.

Financial liabilities

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortised cost as appropriate. The Group determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

All financial liabilities are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Group's financial liabilities include loans, trade and other payables and other current liabilities.

*Subsequent re-measurement*

There is currently no guidance in Circular 210 in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently re-measured at cost.

*Offsetting of financial instruments*

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the consolidated balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.

**4. CASH AND CASH EQUIVALENTS**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cash on hand	1,650,785,955	1,128,895,540
Cash at banks	75,798,725,909	74,171,954,419
Cash equivalents (*)	99,000,000,000	75,963,634,997
<b>TOTAL</b>	<b>176,449,511,864</b>	<b>151,264,484,956</b>

(\*) Cash equivalents represent the short-term deposits at commercial banks with an original maturity of less than 3 months and earn interest at the applicable interest rates.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**5. INVESTMENTS****5.1 Short-term investments**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term investments in securities	80,808,000	1,843,637,989
Provision for short-term investments	(21,933,600)	(510,161,989)
<b>NET</b>	<b>58,874,400</b>	<b>1,333,476,000</b>

The details of short-term investments in securities are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Shares	VND	Shares	VND
Long Hau Joint Stock Company (LHG)	5,772	80,808,000	-	-
VietFund Management (VF1)	-	-	123,470	1,843,637,989
<b>TOTAL</b>		<b>80,808,000</b>		<b>1,843,637,989</b>

**5.2 Long-term investments**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Other long-term investments	30,685,000,000	36,969,924,383
Provision for long-term investments	(9,793,187,904)	(11,007,485,843)
<b>NET</b>	<b>20,891,812,096</b>	<b>25,962,438,540</b>

The details of long-term investments in other entities are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Shares	VND	Shares	VND
Kinh Do Land Corporation	200,000	25,000,000,000	200,000	25,000,000,000
Saigon Securities Investment Fund A2	500,000	3,565,000,000	500,000	3,850,000,000
Brilliant Chip Joint Stock Company	152,000	1,520,000,000	152,000	1,520,000,000
Printing No. 7 Joint Stock Company	5,000	600,000,000	5,000	600,000,000
Viet Capital Asset Management Joint Stock Company	-	-	60	5,999,924,383
<b>TOTAL</b>		<b>30,685,000,000</b>		<b>36,969,924,383</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**6. TRADE RECEIVABLES**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Amounts due from third parties	82,126,375,826	50,391,534,325
Provision for doubtful debts	(881,701,986)	(318,794,669)
<b>NET</b>	<b>81,244,673,840</b>	<b>50,072,739,656</b>

**7. INVENTORIES**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Finished goods	201,783,565,776	206,028,602,314
Raw materials	114,040,728,328	79,271,453,301
Merchandise goods	90,624,875,896	90,027,918,410
Work in process	42,287,854,787	38,329,697,695
Goods in transit	19,837,588,086	19,743,016,995
Tools and supplies	1,590,276,756	1,592,516,920
	<b>470,164,889,629</b>	<b>434,993,205,635</b>
Provision for obsolete inventories	(14,417,793,066)	(11,640,337,675)
<b>NET</b>	<b>455,747,096,563</b>	<b>423,352,867,960</b>

**Detail of movements of provision for obsolete inventories:**

	VND	
	Current year	Previous year
At the beginning of the year	(11,640,337,675)	(5,238,876,099)
Provision created during the year	(8,964,928,931)	(7,840,224,440)
Utilization during the year	6,187,473,540	1,438,762,864
<b>At the end of the year</b>	<b>(14,417,793,066)</b>	<b>(11,640,337,675)</b>

As noted further in Note 12, the Group has pledged its inventories to secure its bank loan facilities.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**8. TANGIBLE FIXED ASSETS**

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Others	Total
<b>Cost:</b>						VND
Beginning balance	132,337,937,187	158,417,479,144	18,377,994,356	7,018,919,153	97,697,811,926	413,850,141,766
Newly purchased	-	11,341,094,293	1,131,754,546	869,013,640	3,324,461,190	16,666,323,669
Transferred from construction in progress	-	2,391,455,980	-	-	7,174,008,650	9,565,464,630
Disposed	(69,359,819)	(5,005,044,827)	(882,167,307)	(289,793,637)	(7,693,155,044)	(13,939,520,634)
Other reductions (*)	(10,390,900)	(1,617,339,099)	(28,400,909)	(507,030,547)	(523,399,680)	(2,686,561,135)
Ending balance	132,258,186,468	165,527,645,491	18,599,180,686	7,091,108,609	99,979,727,042	423,455,848,296
<i>In which:</i>						
<i>Fully depreciated</i>	273,767,397	42,667,563,828	6,459,081,668	3,010,359,811	70,858,741,475	123,269,514,179
<b>Accumulated depreciation:</b>						
Beginning balance	(24,856,159,448)	(100,172,194,384)	(10,963,704,868)	(6,034,505,479)	(82,577,703,625)	(224,604,267,804)
Depreciation for the year	(5,386,738,459)	(18,333,990,826)	(2,240,779,643)	(1,018,797,689)	(7,529,883,925)	(34,510,190,542)
Disposed	69,359,819	4,743,348,591	818,029,203	110,121,583	620,246,771	6,361,105,967
Other reductions (*)	10,390,900	1,289,571,377	23,120,574	453,551,119	441,561,452	2,218,195,422
Ending balance	(30,163,147,188)	(112,473,265,242)	(12,363,334,734)	(6,489,630,466)	(89,045,779,327)	(250,535,156,957)
<b>Net carrying amount:</b>						
Beginning balance	107,481,777,739	58,245,284,760	7,414,289,488	984,413,674	15,120,108,301	189,245,873,962
Ending balance	102,095,039,280	53,054,380,249	6,235,845,952	601,478,143	10,933,947,715	172,920,691,339
<i>In which:</i>						
<i>Pledged as loan security (Notes 12 and 16)</i>	47,740,633,143	18,578,530,311	-	-	-	66,319,163,454

(\*) During the year the Group has reclassified those assets that no longer satisfy recognition criteria of fixed assets as required by Circular 45 to long-term prepaid expenses.

Thien Long Group Corporation

Consolidated financial statements 31 December 2013

B09-DN/HN

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**9. INTANGIBLE FIXED ASSETS**

	Land use rights	Computer software	Copyright, patents	Others	Total
<b>Cost:</b>					VND
Beginning balance	25,001,019,524	31,454,040,758	367,000,000	115,978,400	56,938,038,682
Newly purchased	-	1,205,438,500	-	-	1,205,438,500
Other reductions (*)	(15,153,394,524)	(48,486,032)	-	-	(15,201,880,556)
Ending balance	9,847,625,000	32,610,993,226	367,000,000	115,978,400	42,941,596,626
<i>In which:</i>					
<i>Fully amortised</i>	-	3,391,622,733	367,000,000	115,978,400	3,874,601,133
<b>Accumulated amortisation:</b>					
Beginning balance	(3,125,477,129)	(3,895,631,031)	(306,955,557)	(115,978,400)	(7,444,042,117)
Amortisation for the year	(329,408,280)	(4,235,837,084)	(60,044,443)	-	(4,625,289,807)
Other reductions (*)	2,279,020,913	48,486,032	-	-	2,327,506,945
Ending balance	(1,175,864,496)	(8,082,982,083)	(367,000,000)	(115,978,400)	(9,741,824,979)
<b>Net carrying amount:</b>					
Beginning balance	21,875,542,395	27,558,409,727	60,044,443	-	49,493,996,565
Ending balance	8,671,760,504	24,528,011,143	-	-	33,199,771,647
<i>In which:</i>					
<i>Pledged as loan security (Note 12)</i>	8,671,760,504	-	-	-	8,671,760,504

(\*) During the year the Group has reclassified the land use rights and computer software that no longer satisfy recognition criteria of intangible fixed assets as required by Circular 45 to long-term prepaid expenses.





**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**10. CONSTRUCTION IN PROGRESS**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Moulds under installation	4,159,388,342	6,215,402,642
Equipment under installation	1,346,326,938	1,957,340,620
Technology transfer under development	1,111,625,000	376,740,000
<b>TOTAL</b>	<b>6,617,340,280</b>	<b>8,549,483,262</b>

**11. LONG-TERM PREPAID EXPENSES**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Prepaid land rental	12,874,373,611	-
Tools and supplies	2,353,414,772	3,523,723,612
Others	735,712,514	1,965,889,963
<b>TOTAL</b>	<b>15,963,500,897</b>	<b>5,489,613,575</b>

As noted further in Note 12, the Group has pledged its prepaid land rental to secure its bank loan facilities.

**12. SHORT-TERM LOANS**

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans from banks	232,350,220,286	240,551,184,729
Current portion of long-term loan (Note 16)	5,700,000,000	20,805,777,036
<b>TOTAL</b>	<b>238,050,220,286</b>	<b>261,356,961,765</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**12. SHORT-TERM LOANS (continued)**

Details of the short-term loans from banks are as follows:

Name of bank	Ending balance	Original amount	Maturity date	Interest rate	Description of collateral
	VND	US\$		(%p.a.)	(Notes 7, 8, 9 and 11)
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – West Saigon Branch	76,824,721,788		From 7 February 2014 to 30 June 2014	7.0 - 7.5	Land use rights, buildings and structures; machinery and equipment
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – West Saigon Branch	5,938,572,437	281,716	From 14 February 2014 to 29 May 2014	4.1	
HSBC Bank (Vietnam) Ltd. – Ho Chi Minh Branch	27,805,641,484		From 28 February 2014 to 27 June 2014	7.0 - 7.5	Prepaid land rental, buildings & structures
	48,638,640,451		From 7 February 2014 to 30 June 2014	7.0 - 7.5	Land use rights, building and structures
	1,152,455,194	54,671	From 5 March 2014 to 26 March 2014	4.1	
	25,142,268,409	1,192,707	From 3 January 2014 to 28 April 2014	3.8 - 4.1	Finished goods, building and structures
	11,639,433,837		From 10 January 2014 to 23 April 2014	7.0 - 7.5	Mr Co Gia Tho – Chairman
	14,843,306,532		From 24 January 2014 to 25 April 2014	7.0 - 7.4	Unsecured
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam – Bien Hoa Branch	20,365,180,154		From 8 January 2014 to 12 May 2014	7.3 - 7.5	Inventories
<b>TOTAL</b>	<b>232,350,220,286</b>	<b>1,529,094</b>			

The Group obtained these loans to finance for its working capital requirements.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**13. STATUTORY OBLIGATIONS**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Corporate income tax (Note 23.2)	4,906,411,063	11,433,322,810
Value-added tax	2,266,639,504	3,743,766,852
Import tax	2,112,186,156	2,532,754,142
Personal income tax	773,175,874	776,841,796
<b>TOTAL</b>	<b><u>10,058,412,597</u></b>	<b><u>18,486,685,600</u></b>

**14. ACCRUED EXPENSES**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
13 <sup>th</sup> month salary	14,888,670,999	10,864,554,134
Advertising and promotion	1,889,661,558	8,509,383,788
Interest expense	880,740,195	1,480,181,741
Professional service fees	487,928,429	612,883,874
Operating expenses for representative offices	126,418,519	738,128,219
Others	5,863,128,437	4,786,752,297
<b>TOTAL</b>	<b><u>24,136,548,137</u></b>	<b><u>26,991,884,053</u></b>

**15. OTHER LONG-TERM LIABILITY**

Other long-term liability represents the accrual for severance pay as disclosed in Note 3.11.

**16. LONG-TERM LOAN**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Long-term loan from a bank	<u>16,975,000,776</u>	<u>32,372,677,872</u>
<i>In which:</i>		
Current portion (Note 12)	5,700,000,000	20,805,777,036
Non-current portion	11,275,000,776	11,566,900,836

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**16. LONG-TERM LOAN (continued)**

Details of the long-term loan from a bank are as follows:

<i>Name of bank</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i> (Notes 8)
	VND		(% p.a.)	
<i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – West Saigon Branch</i>				
01/06/HD		18 quarterly instalments from 1 January 2012 to 1 April 2016	12.2	Machinery and equipment
	<u>16,975,000,776</u>			

The Group obtained this loan to finance for its purchase and installation of fixed assets.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**17. OWNERS' EQUITY****17.1 Increase and decrease in owners' equity**

	Share capital	Share premium	Investment and development fund	Financial reserve fund	Undistributed earnings	Total	VND
<b>Previous year</b>							
Beginning balance	176,500,000,000	145,866,873,000	18,553,251,402	15,272,347,958	121,693,549,776	477,886,022,136	
Issuance of new shares	35,299,700,000	(17,649,850,000)	-	-	(17,649,850,000)	-	
Net profit for the year	-	-	-	-	100,153,290,243	100,153,290,243	
Dividends declared	-	-	-	-	(17,650,000,000)	(17,650,000,000)	
Profit appropriation	-	-	4,026,567,948	4,026,567,948	(8,053,135,896)	-	
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(6,978,751,759)	(6,978,751,759)	
Allowance for the Board of Management	-	-	-	-	(1,654,400,000)	(1,654,400,000)	
Ending balance	211,799,700,000	128,217,023,000	22,579,819,350	19,298,915,906	169,860,702,364	551,756,160,620	
<b>Current year</b>							
Beginning balance	211,799,700,000	128,217,023,000	22,579,819,350	19,298,915,906	169,860,702,364	551,756,160,620	
Issuance of new shares	21,179,450,000	-	-	-	(21,179,450,000)	-	
Net profit for the year	-	-	-	-	116,562,564,459	116,562,564,459	
Dividends declared	-	-	-	-	(21,192,866,000)	(21,192,866,000)	
Profit appropriation	-	-	5,007,665,000	5,007,665,000	(10,015,330,000)	-	
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(14,343,212,037)	(14,343,212,037)	
Allowance for the Board of Management	-	-	-	-	(3,194,000,000)	(3,194,000,000)	
Ending balance	232,979,150,000	128,217,023,000	27,587,484,350	24,306,580,906	216,498,408,786	629,588,647,042	

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**17. OWNERS' EQUITY (continued)****17.2 Capital transactions with shareholders and distribution of dividends**

	Current year	Previous year	VND
<b>Contributed capital</b>			
Beginning balance	211,799,700,000	176,500,000,000	
Increase	21,179,450,000	35,299,700,000	
Ending balance	232,979,150,000	211,799,700,000	
<b>Dividends</b>			
Stock dividends	(21,179,450,000)	(17,649,850,000)	
Dividends payable in cash	(21,192,866,000)	(17,650,000,000)	
In which:			
Dividends paid	(21,179,835,000)	(17,753,015,000)	

**17.3 Share capital**

	Ending balance		Beginning balance	
	Shares	VND	Shares	VND
Authorised shares	23,297,915	232,979,150,000	21,179,970	211,799,700,000
Shares issued and fully paid				
Ordinary shares	23,297,915	232,979,150,000	21,179,970	211,799,700,000
Shares in circulation				
Ordinary shares	23,297,915	232,979,150,000	21,179,970	211,799,700,000

**18. EARNINGS PER SHARE**

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Group by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Basic and diluted earnings per share are calculated as follows:

	Current year	Previous year (*)
Net profit for the year (VND)	116,562,564,459	100,153,290,243
Weighted average number of shares (share)	23,297,915	23,297,915
Basic and diluted earnings per share (VND)	5,003	4,299

There have been no dilutive potential ordinary shares during the year and up to the date of these consolidated financial statements.

(\*) The weighted average number of shares for the year 2012 was adjusted to reflect the 2,117,945 new shares issued during the year from undistributed earnings.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**19. REVENUE****19.1 Revenue from sale of goods**

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Gross revenue</b>	<b>1,430,683,066,402</b>	<b>1,242,119,995,157</b>
<i>Of which:</i>		
<i>Sales of finished goods</i>	1,111,248,104,697	999,013,454,765
<i>Sales of merchandise goods</i>	319,434,961,705	243,106,540,392
<b>Less</b>	<b>(24,475,522,325)</b>	<b>(25,775,146,727)</b>
<i>Of which:</i>		
<i>Sales returns of finished goods</i>	(18,084,517,613)	(18,808,141,110)
<i>Sales returns of merchandise goods</i>	(6,391,004,712)	(6,967,005,617)
<b>NET REVENUE</b>	<b>1,406,207,544,077</b>	<b>1,216,344,848,430</b>
<i>Of which:</i>		
<i>Sales of finished goods</i>	1,093,163,587,084	980,205,313,655
<i>Sales of merchandise goods</i>	313,043,956,993	236,139,534,775

**19.2 Finance income**

	VND	
	Current year	Previous year
Bank interest income	7,282,594,807	5,639,059,603
Realised foreign exchange gains	2,029,701,402	1,715,831,175
Gain on liquidation of investment	183,965,011	-
Unrealized foreign exchange gains	141,014,605	856,441,236
Dividends earned	85,589,000	141,500,000
<b>TOTAL</b>	<b>9,722,864,825</b>	<b>8,352,832,014</b>

**20. FINANCE EXPENSES**

	VND	
	Current year	Previous year
Interest expense	22,624,742,928	39,797,840,212
Realised foreign exchange losses	3,041,900,877	1,991,665,255
Unrealized foreign exchange losses	455,168	-
Reversal of provision for investments	(536,973,197)	(1,388,646,981)
Others	139,220,226	33,345,336
<b>TOTAL</b>	<b>25,269,346,002</b>	<b>40,434,203,822</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**21. OTHER INCOME AND EXPENSES**

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Other income</b>	<b>12,526,532,426</b>	<b>7,538,992,828</b>
Proceeds from disposal of fixed assets	8,876,851,648	1,787,083,101
Compensation for damaged materials	740,542,686	924,066,862
Receipt of purchase discount from prior year	6,380,000	1,478,161,224
Others	2,902,758,092	3,349,681,641
<b>Other expenses</b>	<b>(10,319,384,801)</b>	<b>(3,914,767,822)</b>
Disposal of fixed assets expenses	(7,578,414,667)	(2,136,608,243)
Write off construction in progress	(1,235,262,526)	-
Others	(1,505,707,608)	(1,778,159,579)
<b>NET</b>	<b>2,207,147,625</b>	<b>3,624,225,006</b>

**22. PRODUCTION AND OPERATING COSTS**

	VND	
	Current year	Previous year
Raw materials and goods	728,539,885,444	590,540,553,889
Labour costs	283,731,205,582	218,924,122,052
Depreciation and amortisation expenses	38,479,852,025	38,700,467,161
Expenses for external services	219,555,622,045	191,134,440,548
Other	9,224,548,128	8,146,144,121
<b>TOTAL</b>	<b>1,279,531,113,224</b>	<b>1,047,445,727,771</b>

**23. CORPORATE INCOME TAX**

The statutory corporate income tax ("CIT") rate applicable to the Group is 25% of taxable profits except for Thien Long Long Thanh Joint Stock Company ("TLLT") as explained in the following paragraph.

TLLT has the obligation to pay CIT at the rate of 15% of taxable profits for first twelve (12) years and normal tax rate for the year thereafter as current regulations. TLLT is entitled to an exemption from CIT for three (3) years from the first profit making year (2010), and a 50% reduction of CIT for the following seven (7) years.

The tax returns filed by Group are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**23. CORPORATE INCOME TAX (continued)****23.1 CIT expenses**

	VND	
	Current year	Previous year
Current CIT expense	41,337,020,300	43,726,681,466
Adjustment for under accrual of CIT from previous year	2,307,455,350	941,630,137
Deferred income tax expense (benefit)	5,342,891,267	(9,117,846,835)
<b>TOTAL</b>	<b>48,987,366,917</b>	<b>35,550,464,768</b>

**23.2 Current CIT**

The current CIT payable is based on taxable profits for the year. The taxable profits of the Group for the year differs from the profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted at balance sheet date.

A reconciliation between the profit before tax and taxable profits is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Profit before tax</b>	<b>165,549,931,376</b>	<b>135,703,755,011</b>
<i>Adjustments to increase (decrease) in accounting profits</i>		
Non-deductible expenses	7,186,843,054	9,358,745,250
Change in provision for severance pay	4,382,753,700	9,260,181,249
Change in provision for obsolete inventories	2,202,167,346	6,401,461,576
Losses of subsidiaries	602,579,522	4,569,099,930
Change in provision for doubtful debt	138,783,801	-
Change in unrealized profit	(9,631,643,045)	7,942,423,264
Change in accruals of operating expenses	(4,995,252,968)	11,019,967,535
Dividend received	(85,589,000)	(141,500,000)
Change in unrealised foreign exchange difference	(2,492,584)	(236,156,512)
<b>Estimated current taxable profit</b>	<b>165,348,081,202</b>	<b>183,877,977,303</b>
Estimated current CIT	41,337,020,300	45,969,494,326
CIT incentive	-	(2,242,812,860)
<b>Estimated current CIT after incentive</b>	<b>41,337,020,300</b>	<b>43,726,681,466</b>
CIT payable at beginning of year	10,318,664,219	9,505,881,698
Adjustment for under accrual of CIT from previous year	2,307,455,350	941,630,137
CIT paid during the year	(51,307,839,359)	(43,855,529,082)
<b>CIT payable at end of the year</b>	<b>2,655,300,510</b>	<b>10,318,664,219</b>
<i>In which</i>		
CIT payable	4,906,411,063	11,433,322,810
CIT receivable	(2,251,110,553)	(1,114,658,591)

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**23. CORPORATE INCOME TAX (continued)****23.3 Deferred CIT**

The following are the deferred tax assets recognized by the Group, and the movements thereon, during the current and prior reporting year.

	Consolidated balance sheet		Consolidated income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Unrealized profit	14,479,951,521	19,019,433,982	(4,539,482,461)	3,472,016,076
Provision for severance pay	3,770,540,316	3,189,016,479	581,523,837	894,949,597
Provision for obsolete inventories	2,890,254,290	2,784,067,610	106,186,680	1,474,348,585
Accruals of operating expenses	1,996,794,423	3,517,897,815	(1,521,103,392)	2,744,512,434
Provision for doubtful debt	30,532,437	-	30,532,437	-
Unrealized foreign exchange	(548,368)	-	(548,368)	(50,857,357)
Provision for investments	-	-	-	696,857,000
Tax losses carried forward	-	-	-	(113,979,500)
<b>Deferred tax assets</b>	<b>23,167,524,619</b>	<b>28,510,415,886</b>		
<b>Net deferred income tax (charge) credit to the consolidated income statement</b>			<b>(5,342,891,267)</b>	<b>9,117,846,835</b>

**23<sup>4</sup> Unrecognised deferred CIT for tax loss carried forward**

The Group is entitled to carry each individual tax loss forward to offset against taxable profits arising within five years subsequent to the year in which the loss was incurred. At the balance sheet date, the Group has accumulated tax losses of subsidiaries of VND 6,955,945,137 (31 December 2012: VND 6,353,365,615) available for offset against future taxable profits. Details are as follows:

	Can be utilized up to		Utilized up to		Unutilized at
	Originating year	to	Tax loss amount	31 December 2013	31 December 2013
2010	2015		238,778,552	-	(238,778,552)
2011	2016		6,836,334,362	-	(2,814,599,175)
2012	2017		2,331,630,428	-	-
2013	2018		602,579,522	-	-
<b>TOTAL</b>			<b>10,009,322,864</b>	<b>-</b>	<b>(3,053,377,727)</b>
					<b>6,955,945,137</b>

Estimated tax loss as per the Group's CIT declaration for the year ended 31 December 2013 has not been audited by the local tax authorities as of the date of these consolidated financial statements.

No deferred income tax assets were recognised in respect of the remaining VND 6,955,945,137 because future taxable profit of Tan Luc North Trading Service One Member Company cannot be ascertained at this stage.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**24. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES**

Details of remuneration of the Board of Directors and Supervision during the year were as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Salaries and related expenses	3,458,000,000	1,882,400,000

Significant transaction with a related party during the year was as follows:

Related party	Relationship	Transaction	VND
			Amount
Thien Long An Think Investment Corporation	Related party	Dividend paid	11,106,975,000
		Stock dividends	11,106,975,000

**25. SEGMENT INFORMATION**

A segment is a component determined separately by the Group which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

The Group's principal activities are in manufacturing and trading stationeries. In addition, these activities are mainly taking place within Vietnam. Therefore, the Group's risks and returns are not impacted by the Group's products that the Group is manufacturing or the locations where the Group is trading. As a result, the Group's management is of the view that there is only one segment for business and geography and therefore presentation of separate segmental information is not required.

**26. OPERATING LEASE COMMITMENT**

Operating lease commitments represent committed amounts relating to office and warehouse rental under the operating lease agreements. Future rental amounts due as at 31 December 2013 are as follows:

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Less than 1 year	10,785,705,540	11,202,782,244
From 1 to 5 years	27,087,035,749	29,301,541,056
More than 5 years	9,514,939,930	23,240,001,452
<b>TOTAL</b>	<b>47,387,681,219</b>	<b>63,744,324,752</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**27. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES**

The Group's principal financial liabilities are loans and borrowings, and trade and other payables. The main purpose of these financial liabilities is to finance the Group's operation. The Group has trade and other receivables, and cash and short-term deposits that arise directly from its operations. The Group also holds available-for-sale investments. The Group does not hold or issue any derivative financial instruments.

The Group is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk.

Management reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below.

**Market risk**

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include loans and borrowings, deposits and available-for-sale investments.

The sensitivity analyses in the following sections relate to the position as at 31 December 2013 and 31 December 2012.

The sensitivity analyses have been prepared on the basis that the amount of net debt, the ratio of fixed to floating interest rates of the debt and the proportion of financial instruments in foreign currencies are all constant.

In calculating the sensitivity analyses, management assumed that:

- the sensitivity of the consolidated balance sheet relates to available-for-sale debt instrument;
- the sensitivity of the relevant consolidated income statement item is the effect of the assumed changes in respective market risks. This is based on the financial assets and financial liabilities held at 31 December 2013 and 31 December 2012.

**Interest rate risk**

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Group's exposure to market risk for changes in interest rate relates primarily to the Group's long-term debt obligations with floating interest rates.

The Group manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes within its risk management limits.

**Interest rate sensitivity**

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in interest rates on that portion of loans and borrowings.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**27. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (continued)****Market risk** (continued)*Interest rate sensitivity* (continued)

With all other variables held constant, the Group's profit before tax is affected through the impact on floating rate borrowings as follows:

	<i>Increase/decrease in basis points</i>	<i>Effect on profit before tax</i>
For the year ended 31 December 2013		
VND	+100	(2,170,919,250)
USD	+50	(161,166,480)
For the year ended 31 December 2012		
VND	-100	2,170,919,250
USD	-50	161,166,480
For the year ended 31 December 2012		
VND	100	(2,019,007,343)
USD	50	(355,115,641)
VND	-100	2,019,007,343
USD	-50	355,115,641

*Foreign currency risk*

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates. The Group's exposure to the risk of changes in foreign exchange rates relates primarily to the Group's operating activities.

The Group is exposed to foreign currency risk in relation to purchase of materials and sales of goods which are denominated in currencies other than its accounting currency as disclosed in Note 2.4. The Group manages its foreign currency exposure by considering the prevailing and expected market situation when it plans for future purchase of materials and sales of goods denominated in foreign currencies, other than increasing natural-hedged proportion. The Group does not employ any derivative financial instruments to hedge its foreign currency exposure.

*Foreign currency sensitivity*

A sensitivity analysis is not performed for foreign currency risk as the Group's exposure to foreign currency risk is minimal at reporting date.

**Credit risk**

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Group is exposed to credit risk from its operating activities primarily for trade receivables and from its financing activities, including deposits with banks, foreign exchange transactions and other financial instruments.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**27. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (continued)****Credit risk** (continued)*Trade receivables*

Customer credit risk is managed by the Group based on its established policy, procedures and control relating to customer credit risk management.

Outstanding customer receivables are regularly monitored. The requirement for impairment is analyzed at each reporting date on an individual basis for major customers. The Group seeks to maintain strict control over its outstanding receivables to minimize credit risk. In view of the aforementioned, and the fact that the Group's trade receivables relate to a large number of diversified customers, there is no significant concentration of credit risk.

*Bank deposits*

The Group's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Group's management in accordance with the Group's policy. Investments of surplus funds are made only with approved management.

The Group's maximum exposure to credit risk for the components of the consolidated balance sheet at each reporting date are the carrying amounts as illustrated in Note 4. The Group evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposit as low.

**Liquidity risk**

The liquidity risk is the risk that the Group will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Group's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and liabilities.

The Group monitors its liquidity risk by maintaining a level of cash and cash equivalents and bank loans deemed adequate by management to finance the Group's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Group's financial liabilities based on contractual discounted payments:

	<i>Less than 1 year</i>	<i>From 1 to 5 years</i>	<i>VND Total</i>
<b>31 December 2013</b>			
Loans	238,050,220,286	11,275,000,776	249,325,221,062
Trade payables	51,642,641,606	-	51,642,641,606
Other payables and accrued expenses	9,288,874,730	-	9,288,874,730
<b>TOTAL</b>	<b>298,981,736,622</b>	<b>11,275,000,776</b>	<b>310,256,737,398</b>
<b>31 December 2012</b>			
Loans	261,356,961,765	11,566,900,836	272,923,862,601
Trade payables	50,054,680,349	-	50,054,680,349
Other payables and accrued expenses	16,007,614,128	-	16,007,614,128
<b>TOTAL</b>	<b>327,419,256,242</b>	<b>11,566,900,836</b>	<b>338,986,157,078</b>

**Collateral**

The Group has pledged its inventories, buildings and structure, machinery and equipment, land used rights, and prepaid land rental in order to fulfil the collateral requirements for the short-term loans and long-term loans obtained from banks (Notes 12 and 16).

The Group did not hold collateral at 31 December 2013 and 31 December 2012.



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**28. FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES**

Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Group's financial instruments that are carried in the consolidated financial statements:

	Carrying amount				Fair value		VND
	Ending balance		Beginning balance		Ending balance	Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision			
<b>Financial assets</b>							
Held for trading investments	80,808,000	(21,933,600)	1,843,637,989	(510,161,989)	58,874,400	1,333,476,000	
<i>Listed shares</i>							
Investment designated as financial assets through profit and loss							
<i>Listed shares</i>	3,565,000,000	(3,565,000,000)	3,850,000,000	(3,850,000,000)	-	-	
<i>Unlisted shares</i>	27,120,000,000	(6,228,187,904)	33,119,924,383	(7,157,485,843)	20,891,812,096	25,962,438,540	
Trade receivables	82,126,375,826	(881,701,986)	50,391,534,325	(318,794,669)	81,244,673,840	50,072,739,656	
Other receivables	1,594,024,569	-	2,079,127,105	-	1,594,024,569	2,079,127,105	
Cash and cash equivalents	176,449,511,864	-	151,264,484,956	-	176,449,511,864	151,264,484,956	
<b>TOTAL</b>	<b>290,935,720,259</b>	<b>(10,696,823,490)</b>	<b>242,548,708,758</b>	<b>(11,836,442,501)</b>	<b>280,238,896,769</b>	<b>230,712,266,257</b>	
							VND
<b>Financial liabilities</b>							
Loans							
Trade payables							
Other payables and accrued expenses							
<b>TOTAL</b>							
							VND

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)**

as at and for the year ended 31 December 2013

**28. FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES (continued)**

The fair values of the financial assets and liabilities are included at the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale.

The following method and assumption were used to estimate the fair values:

- Cash and short-term deposits, trade receivables, other receivables, trade payables and other current liabilities approximate their carrying amounts largely due to the short-term maturities of these instruments.
- The fair values of loans and borrowings are estimated by discounting future cash flows using rates available for debt or similar terms and remaining maturities. As at 31 December 2013, the carrying amounts of such borrowings, are not materially different from their calculated fair values.

**29. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE**

There have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.



Bui Thi Cam Loan  
Preparer

27 March 2014



Ho Ngoc Canh  
Chief Accountant



Vo Van Thanh Nghia  
Chief Executive Officer

